



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM (Chủ biên)

TRẦN LÊ DUY – NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

NGŨ VẦN

Sách giáo viên

6

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM (Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC
NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

NGŨ VĂN

Sách giáo viên



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
GD & ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GV	giáo viên
HS	học sinh
NXBGD	Nhà xuất bản Giáo dục
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên
VB	văn bản



LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên *Ngữ văn 6*, bộ Chân trời sáng tạo là tài liệu hướng dẫn tổ chức dạy học cho giáo viên theo sách giáo khoa *Ngữ văn 6*. Sách gồm hai tập.

Tập một gồm hai phần, *Phần I: Những vấn đề chung*, trình bày cơ sở của việc biên soạn SGK; các quan điểm giáo dục hiện đại nói chung và quan điểm về dạy đọc, viết, nói và nghe nói riêng. Những điểm mới nổi bật của SGK *Ngữ văn 6* là: cách tiếp cận tích hợp về kĩ năng, về nội dung; đặc điểm của những tri thức được đưa vào sách giáo khoa; đặc điểm của các nhiệm vụ học tập về đọc, viết, nói, nghe; cấu trúc sách và cấu trúc từng bài.

Mục *Các phương pháp, kĩ thuật dạy học* nhằm phát triển phẩm chất, năng lực đặc thù, bao gồm nhóm phương pháp dạy đọc hiểu VB, nhóm phương pháp dạy viết và dạy nói – nghe. Mục này cung cấp cho giáo viên cách thức hướng dẫn HS từng bước kiến tạo kiến thức, thực hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực hiện các hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Mục *Phương tiện dạy học* và *Phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh* giúp giáo viên hiểu thêm những phương tiện dạy học cơ bản có thể sử dụng trong việc dạy học *Ngữ văn* cũng như mục tiêu, căn cứ, nội dung và cách đánh giá năng lực của học sinh.

Phần II: Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài cụ thể. Những hướng dẫn này là sự triển khai cụ thể của các phương pháp, biện pháp và phương tiện dạy học đã trình bày trong Phần I. Nội dung hướng dẫn tổ chức dạy từng bài học gồm ba mục lớn *Yêu cầu cần đạt*, *Phương pháp*, *phương tiện dạy học* và *Tổ chức các hoạt động học*.

Ở *Yêu cầu cần đạt* trình bày rõ những mục tiêu mà HS cần đạt sau khi học xong bài học. Những mục tiêu này được xây dựng dựa trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực mà *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* và *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018* đã xác định.

Ở mục *Phương pháp, phương tiện dạy học*, giới thiệu những phương pháp và phương tiện dạy học mà GV có thể sử dụng để dạy bài học.

Ở mục *Tổ chức các hoạt động học*, sách tập trung đề xuất cách tổ chức các hoạt động dạy học cho các bài học (bài 1 đến bài 5), từ cách giới thiệu bài mới đến cách hướng dẫn học sinh đọc, viết, nói nghe nhằm đạt được các yêu cầu cần đạt về năng lực. Mỗi hoạt động dạy học được tổ chức nhằm giúp học sinh đạt được các yêu cầu cần đạt về năng lực chung cũng như năng lực chuyên biệt mà chương trình đặt ra.

Tập hai, sách trình bày hướng dẫn tổ chức dạy học các bài học từ bài 6 đến bài 10.

Trên nguyên tắc chia sẻ mang tính hướng dẫn, gợi ý, chúng tôi mong rằng sách giáo viên *Ngữ văn 6*, bộ *Chân trời sáng tạo* sẽ hỗ trợ, giúp giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới hiệu quả.

Nhóm tác giả



MỤC LỤC

PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Cơ sở của việc biên soạn sách giáo khoa	6
2. Những điểm mới nổi bật của sách giáo khoa	9
3. Cấu trúc sách	17
4. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh	27
5. Phương tiện dạy học	47
6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh	48

PHẦN II: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

Bài mở đầu: Hoà nhập vào môi trường mới	51
Bài 1: Lắng nghe lịch sử nước mình	55
Bài 2: Miền cổ tích	77
Bài 3: Vẻ đẹp quê hương	94
Bài 4: Những trải nghiệm trong đời	113
Bài 5: Trò chuyện cùng thiên nhiên	131
Gợi ý trả lời các câu hỏi ôn tập cuối học kì I	154

1. CƠ SỞ CỦA VIỆC BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA

Sách giáo khoa (SGK) môn Ngữ văn lớp 6, bộ Chân trời sáng tạo (NXBGD Việt Nam) được biên soạn dựa trên các cơ sở sau:

1.1. Các nghị quyết, thông tư, chương trình

– Định hướng đổi mới giáo dục phổ thông được thể hiện qua Nghị quyết 88 về đổi mới chương trình và SGK phổ thông của Quốc hội và qua chương trình giáo dục phổ thông mới, gồm Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn (Bộ GD&ĐT, 2018) với trọng tâm là chuyển từ giáo dục chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp cho học sinh (HS) hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

– Bám sát các tiêu chuẩn SGK mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD & ĐT, Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT Ban hành CTGDPT mới.

1.2. Các quan điểm giáo dục hiện đại

1.2.1. Các lý thuyết học tập

SGK *Ngữ văn 6* được biên soạn dựa trên các lý thuyết học tập: học thông qua quan sát, trải nghiệm, tương tác; từ đó, người học tự kiến tạo kiến thức cho bản thân.

Đa số hành vi của con người được hình thành thông qua quan sát hành vi do người khác thực hiện. Học bằng cách quan sát là cách học cho phép HS học hành vi mới một cách hiệu quả, giảm thiểu được sự thất bại nếu tự học (Bandura, 1977).

Học tập là quá trình mỗi cá nhân tự kiến tạo kiến thức (Vygotski, 1978) thông qua: trải nghiệm, tương tác xã hội, quá trình tự điều chỉnh.

Việc học mang tính cá nhân và chỉ có kết quả khi người học tham gia tích cực vào quá trình khám phá tri thức mới dựa trên những trải nghiệm, từ đó thay đổi và cá nhân hoá những kiến thức và kỹ năng đã có dựa trên kiến thức nền và tình huống cụ thể.

Học tập còn là một hoạt động tương tác diễn ra trong một bối cảnh cụ thể. Đó là sự tương tác đa chiều giữa người dạy với người học, giữa người học với người học và giữa người học với môi trường xã hội. Thông qua các tương tác đó, HS học được kiến thức, kỹ năng (tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo) và xây dựng cho mình niềm tin và giá trị sống.

Học thông qua trải nghiệm (Kolb, 1984) là cách học mà người học tham gia trải nghiệm thực tế có mục đích và suy ngẫm, chiêm nghiệm về những gì đã trải nghiệm để từ đó tăng cường kiến thức, phát triển các kĩ năng; là tiến trình mà người học xây dựng kiến thức và ý nghĩa của kiến thức từ trải nghiệm thực tiễn.

Thực hiện quan điểm trên, sách *Ngữ văn 6* thiết kế các hoạt động học tập tạo cho HS cơ hội trải nghiệm việc đọc, viết, nói và nghe xung quanh những chủ điểm phù hợp với lứa tuổi của các em, qua đó, HS kiến tạo tri thức cho bản thân, hướng đến việc hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù mà chương trình yêu cầu. HS cũng có cơ hội tự kiểm soát và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân thông qua việc thực hiện các bảng kiểm kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà sách đã thiết kế.

1.2.2. Các quan điểm hiện đại về dạy đọc, viết, nói và nghe

1.2.2.1. Đọc hiểu văn bản

Lí thuyết đọc hiểu hiện đại coi đọc là quá trình gồm ba giai đoạn, trước, trong và sau khi đọc, là quá trình tương tác giữa người đọc với văn bản (VB), giữa người đọc với người đọc (Rosenblatt, 1980; Langer, 1992; Trần Đình Sử, 2001) trong một bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội cụ thể; là quá trình người đọc giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB. Mỗi người đọc ở mỗi lứa tuổi, thời điểm, bối cảnh xã hội khác nhau có những cách hiểu khác nhau về VB. Điều này góp phần làm nên sức sống của VB qua các thời đại.

Trong quá trình đọc, người đọc sử dụng các kĩ năng đọc như dự đoán, liên hệ, đọc lướt, tưởng tượng, suy luận, tóm tắt, khái quát hoá, đánh giá,... để tham gia vào VB, đem kiến thức nền của mình vào giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB. Đó là vai trò đồng kiến tạo nội dung VB chứ không phải là tiếp nhận một chiều.

Xuất phát từ quan điểm trên, sách *Ngữ văn 6* thiết kế các câu hỏi hướng dẫn HS trong ba giai đoạn: trước khi đọc (chuẩn bị đọc), trong khi đọc (trải nghiệm cùng VB) và sau khi đọc (suy ngẫm và phản hồi). Các câu hỏi chuẩn bị đọc có tác dụng kích hoạt kiến thức nền, huy động vốn sống và trải nghiệm đã có, đồng thời kích thích sự tò mò, hứng thú của HS. Các câu hỏi trải nghiệm cùng VB như suy luận, tưởng tượng, dự đoán,... được sử dụng để gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu, khám phá những chi tiết, hình ảnh quan trọng ngay trong quá trình đọc VB, giúp cho quá trình đọc diễn ra hiệu quả hơn. Các câu hỏi suy ngẫm và phản hồi gồm: đọc hiểu nội dung; đọc hiểu hình thức; liên hệ, đánh giá, vận dụng nhằm giúp HS đạt các yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc được quy định trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018. Điểm nhấn quan trọng trong hướng dẫn đọc hiểu của nhóm câu hỏi này là giúp HS phát triển kĩ năng đọc theo đặc trưng của từng loại VB.

1.2.2.2. Viết

Có hai cách tiếp cận hiện đại đối với dạy viết, đó là: dạy dựa trên đặc điểm kiểu VB và dạy dựa trên tiến trình.

Các nhà nghiên cứu như Swales (1990), Martin (1984) coi kiểu VB như một kiểu giao tiếp xã hội, thể hiện những nguyên tắc giao tiếp, đặc điểm văn hoá của một cộng đồng được các thành viên trong cộng đồng chấp nhận. Mỗi kiểu VB đều có những mục tiêu giao tiếp nhất định, những yêu cầu cụ thể về giọng điệu, ngôn từ,... Nghĩa là mỗi kiểu VB đòi hỏi người viết phải có những kiến thức và kĩ năng khác nhau. Quan điểm trên đã chi phối cách thiết kế hoạt động dạy tạo lập VB trong SGK *Ngữ văn 6*, đó là hướng dẫn HS đọc, quan sát, phân tích cấu trúc, đặc điểm kiểu của VB mẫu để học cách tạo lập VB cùng kiểu.

Nhiều nhà nghiên cứu, trong đó có Flower & Hayes (1981) đã chỉ ra rằng tạo lập VB là một tiến trình, không phải chỉ là một sản phẩm. Tiến trình tạo lập VB trải qua ba giai đoạn với nhiều bước: giai đoạn trước khi viết (xác định mục đích viết, người đọc, nảy sinh ý tưởng, tìm thông tin, lập dàn ý), giai đoạn viết và giai đoạn sau khi viết (đọc lại, chỉnh sửa, biên tập và công bố). Viết, thực sự là quá trình tư duy, quá trình tương tác với người đọc trong một bối cảnh cụ thể. Dựa trên quan điểm trên, *Ngữ văn 6* đã thiết kế các hoạt động hướng dẫn HS trong suốt tiến trình tạo lập VB với bốn bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý, lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Qua các bước này, HS học cách giao tiếp bằng hình thức viết theo đặc điểm kiểu loại, đồng thời phát triển năng lực tư duy và khả năng kiểm soát quá trình viết của bản thân.

1.2.2.3. Nói và nghe

Nói là một trong những cách thể hiện ý tưởng để giao tiếp với người khác. Nghe là một trong những cách tiếp nhận thông tin để hiểu người khác. Sự tương tác trong quá trình nói – nghe giúp người nói và người nghe trao đổi thông tin, ý tưởng bằng lời nói và cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt để hiểu nhau hơn.

Lí thuyết giao tiếp cho thấy một cuộc hội thoại thông thường luôn có sự đổi vai giữa người nói và người nghe. Vì vậy, không thể dạy kĩ năng nói tách rời kĩ năng nghe. Đồng thời để duy trì quá trình giao tiếp thì giữa người nói và người nghe cần có sự tương tác liên tục. Do đó, việc dạy kĩ năng nói phải được dạy kết hợp với kĩ năng nghe và nói – nghe tương tác.

Brown, K. L. (1981) trong công trình nghiên cứu *Teaching Speaking and Listening Skills in the Elementary and Secondary School* đã cho rằng kĩ năng nói và nghe không chỉ được tạo nên từ sự hiểu biết về các đơn vị ngữ pháp và vốn từ phong phú mà đó là một tập hợp cấu trúc gồm các yếu tố: sự hiểu biết về các phương tiện ngôn ngữ; các hành vi, cử chỉ phi ngôn ngữ; độ nhạy bén trong từng hoàn cảnh giao tiếp (thể hiện qua khả năng nhập vai để hiểu người nghe/ nói, tạo thông điệp ứng với từng hoàn cảnh và phản ứng với những phản hồi của người nghe/ nói). Do đó, bên cạnh việc được hướng dẫn để chiếm lĩnh các kiến thức về ngôn ngữ học, Việt ngữ học thì người học cũng cần được rèn luyện để hình thành các kĩ năng liên quan đến việc phân tích, xử lí các nhân tố của hoàn cảnh giao tiếp để lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ sao cho hiệu quả.

Dựa vào quan điểm trên, *Ngữ văn 6* thiết kế nhiều hoạt động hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động nói, trình bày về một đề tài qua bốn bước: xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói; tìm ý, lập dàn ý; luyện nói; luyện tập và trình bày; trao đổi và đánh giá (trong vai trò người nói, người nghe). Qua các hoạt động này, HS không chỉ được hình thành kĩ năng giao tiếp, hợp tác mà còn phát triển năng lực tư duy, khả năng tự kiểm soát hành vi, nhận thức, thái độ của bản thân trong quá trình giao tiếp.

1.2.3. Tích hợp

Tích hợp là một cách tiếp cận giáo dục hiện đại, đã được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới đồng thời là cũng cách tiếp cận của CTGDPT 2018. Một chương trình có tính tích hợp là chương trình tạo cơ hội cho người học vận dụng tổng hợp các kiến thức, kĩ năng từ các môn học và từ thực tế cuộc sống vào giải quyết một vấn đề (Fogarty R., 1991; Davies A., Politano C., & Cameron C., 1993). Điều này có nghĩa là HS sẽ được phát triển kĩ năng chuyển hoá những gì đã được học vào những bối cảnh giao tiếp cụ thể, giúp bộ não phát triển tốt hơn, giúp người học có kĩ năng giải quyết vấn đề của thực tế linh hoạt và hiệu quả hơn.

2. NHỮNG ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA SÁCH GIÁO KHOA

So với SGK hiện hành, *Ngữ văn 6*, bộ Chân trời sáng tạo, có nhiều điểm mới về yêu cầu cần đạt, tính tích hợp, nội dung dạy học theo chủ điểm, cách thiết kế các nhiệm vụ học tập,...

2.1. Yêu cầu cần đạt

Yêu cầu của từng bài học trong *Ngữ văn 6* được thiết kế dựa trên các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đã đề ra. Một trong những năng lực mà CTGDPT tổng thể đã nêu là năng lực giao tiếp. Đây vừa là năng lực mà tất cả các môn học cần giúp HS hình thành và phát triển, đồng thời cũng là năng lực đặc thù của môn Ngữ văn, thể hiện qua bốn kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe. Vì thế, khi thực hiện mục tiêu của môn Ngữ văn, chúng ta đã góp phần thực hiện mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp. Và khi hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu cần đạt trong từng bài học, giáo viên (GV) cũng góp phần đạt được các yêu cầu về phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Đặc biệt là phẩm chất yêu nước, nhân ái được thể hiện rất rõ qua việc HS hiểu, phân tích, đánh giá được nội dung các VB đọc.

Yêu cầu cần đạt được xác định không chỉ giúp HS chiếm lĩnh kiến thức mà còn phát triển các kĩ năng như: đọc, viết, nói và nghe, từ đó hình thành phẩm chất, năng lực. Kiến thức không chỉ là nội dung cần học mà còn là công cụ để qua nội dung, HS được hình thành và phát triển kĩ năng.

Các yêu cầu được thể hiện bằng những động từ miêu tả những hành động mà HS có thể thực hiện được đồng thời GV có thể đo được mức độ thực hiện các hành động đó.

Ví dụ: sau khi học xong bài 4 *Những trải nghiệm trong đời*, HS cần đạt được những yêu cầu sau (tập một):

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại; người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.
- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Nhân ái, khoan dung với người khác; biết trân trọng những giá trị của cuộc sống.

Yêu cầu cần đạt của từng bài học có những vai trò sau:

– Định hướng kết quả mà người biên soạn sách cần bám vào để giúp HS đạt được yêu cầu cần đạt sau khi học xong mỗi bài học;

– Là căn cứ để đánh giá HS. Ví dụ: nếu học xong bài 4, HS chỉ ra được những yếu tố của truyện đồng thoại qua một VB cụ thể thì nghĩa là HS đã đạt yêu cầu mà bài học đã đề ra.

– Là căn cứ để GV thực hiện các phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động học sao cho giúp HS đạt được yêu cầu. Mọi hoạt động học phải được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học, không hạ thấp cũng như không nâng cao yêu cầu đã xác định (trừ trường hợp dạy lớp chuyên, khi HS đã đạt được yêu cầu cần đạt mà chương trình đã nêu). Yêu cầu đó là chuẩn tối thiểu mà HS mọi vùng miền cần đạt. Nếu HS yếu, thay vì dạy 1 tiết, có thể dạy 2 tiết, thay vì một câu hỏi, có thể thiết kế nhiều câu hỏi để hướng dẫn HS từng bước đạt được yêu cầu/ chuẩn tối thiểu đã đặt ra.

2.2. Cách tiếp cận tích hợp

Một điểm mới nổi bật của *Ngữ văn 6*, bộ Chân trời sáng tạo là sự tích hợp. Quan điểm tích hợp được thể hiện trên nhiều mặt: tích hợp chủ điểm và thể loại, tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe và tích hợp đọc, viết với tiếng Việt.

2.2.1. Tích hợp các văn bản đọc theo chủ điểm và thể loại

Tích hợp các VB đọc theo chủ điểm và thể loại nhằm giúp HS không chỉ học về thể loại mà còn học cách nhận biết thế giới tự nhiên, xã hội và bản thân. Điều này làm cho nội dung học tập trở nên hứng thú hơn (xem bảng thống kê dưới đây):

Tập một		Tập hai	
<i>Lắng nghe lịch sử nước mình</i>	TRUYỀN THUYẾT	<i>Điểm tựa tinh thần</i>	TRUYỆN
<i>Miền cổ tích</i>	CỔ TÍCH	<i>Gia đình thương yêu</i>	THƠ
<i>Vẻ đẹp quê hương</i>	THƠ (LỤC BÁT)	<i>Những góc nhìn cuộc sống</i>	VB NGHỊ LUẬN
<i>Những trải nghiệm trong đời</i>	ĐỒNG THOẠI	<i>Nuôi dưỡng tâm hồn</i>	TRUYỆN
<i>Trò chuyện cùng thiên nhiên</i>	HỎI KÍ	<i>Mẹ Thiên Nhiên</i>	VB THÔNG TIN

Nội dung các VB được đưa vào sách có những đặc điểm chung như: giàu giá trị nhân văn, thẩm mỹ; gần gũi với tâm lí, nhận thức của HS; gần với những vấn đề mà lứa tuổi HS lớp 6 thường gặp; cập nhật các vấn đề của thời đại; tiêu biểu cho đặc điểm những thể loại mà HS cần học. Điều này làm cho kiến thức không bị hàn lâm, quá cao đối với HS lớp 6, qua đó tăng hứng thú học tập cũng như góp phần giáo dục kĩ năng sống cho HS.

Mỗi bài học gồm hai VB đọc chính, có cùng chủ đề và thể loại nhằm giúp HS phát triển phẩm chất, hình thành kĩ năng đọc theo thể loại đồng thời thực hiện kĩ năng liên hệ, so sánh giữa VB đọc thứ nhất với VB đọc thứ hai để nhận ra những điểm giống và khác nhau giữa hai VB.

VB thứ ba khác thể loại nhưng vẫn kết nối với VB thứ nhất và thứ hai về chủ đề. Điều này giúp HS tiếp tục có cơ hội thực hiện kĩ năng liên hệ, so sánh VB này với các VB khác để tăng hứng thú cho HS.

VB thứ tư cùng thể loại, chủ đề với VB thứ nhất và thứ hai. Chức năng của nó là hướng dẫn HS thực hành đọc theo thể loại. Vì thế, các câu hỏi hướng dẫn đọc VB này không đi sâu vào nội dung VB mà hướng dẫn HS thực hành, sử dụng kiến thức đã có về thể loại để đọc hiểu VB.

2.2.2. Tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe

Tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói nghe được thể hiện ở tất cả các bài học với những mức độ khác nhau.

2.2.2.1. Tích hợp kĩ năng đọc với kĩ năng viết

Tích hợp đọc và viết được thể hiện trong phần lớn các bài. Bảng thống kê dưới đây thể hiện rõ điều này:

Bài	Đọc	Viết
1	Truyện (kể lại một trải nghiệm)	Kể lại một trải nghiệm
3	Hồi kí (văn tả cảnh)	Viết bài văn tả cảnh
5	Thơ lục bát	Làm bài thơ lục bát
6	VB thuyết minh	Viết VB thuyết minh thuật lại một sự kiện
7	Truyện cổ tích	Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích
8	Văn nghị luận	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng đọc nhiều sẽ có tác động tốt đến kĩ năng viết. Vì thế, mục đích của việc tích hợp đọc và viết cùng kiểu loại VB là giúp HS có thể vận dụng những hiểu biết về kiểu loại VB (hình thức thể hiện và phong cách ngôn ngữ) mà HS đã học trong giờ đọc hiểu để tạo lập VB cùng kiểu loại.

Tích hợp đọc và viết còn thể hiện ở một cấp độ nhỏ hơn là thực hiện các phiếu học tập, vẽ sơ đồ, viết nhật kí đọc sách, ... Hoạt động này giúp HS khám phá VB, đồng thời ghi nhớ những gì đã học lâu hơn vì quá trình viết là quá trình HS phải định hình suy nghĩ của mình và thể hiện bằng ngôn từ. Những sản phẩm này sẽ được lưu giữ trong hồ sơ học tập của HS để các em và GV đánh giá được thái độ học tập, mức độ hoàn thành yêu cầu cần đạt của HS.

2.2.2.2. Tích hợp kĩ năng viết và nói – nghe

Việc tích hợp viết với nói – nghe được thực hiện trong nhiều bài học. Sau khi hoàn thành bài viết, HS trình bày trong giờ học Nói và nghe (xem bảng dưới đây):

Bài	Viết	Nói và nghe
1	Kể lại một trải nghiệm	Kể một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân
2	Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích	Kể lại một truyện cổ tích
3	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát	Trình bày cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát
4 và 9	Kể lại một trải nghiệm của bản thân	Kể lại một trải nghiệm của bản thân

6	Viết VB thuyết minh thuật lại một sự kiện	Thuật lại một sự kiện đáng nhớ đối với bản thân
7	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ	Trình bày cảm xúc sau khi đọc một bài thơ
8	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống

Mục đích của dạy kỹ năng nói và nghe gắn với kỹ năng viết là tạo cơ hội cho HS chia sẻ những gì đã viết, phát triển năng lực giao tiếp bằng cả hai hình thức nói và viết, đồng thời giúp HS nhận ra mặc dù nói và viết đều là những kỹ năng thuộc về quá trình tạo lập VB nhưng không hoàn toàn giống nhau.

2.2.3. Tích hợp đọc, viết với tiếng Việt

Tích hợp đọc và tiếng Việt được thực hiện theo nguyên tắc: tri thức tiếng Việt được đưa vào bài học phụ thuộc vào việc VB đọc có chứa tri thức đó hay không, nhằm giúp HS có thể sử dụng tri thức tiếng Việt để đọc hiểu VB tốt hơn.

Ví dụ 1: Trong VB *Lao xao ngày hè* (Bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên*), nhà văn Duy Khán sử dụng nhiều biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ, vì thế, tri thức tiếng Việt mà HS được học trong bài này là ẩn dụ và hoán dụ.

Ví dụ 2: Trong VB *Những cánh buồm* (Bài *Gia đình yêu thương*) có chứa hiện tượng từ đồng âm, vì thế, tri thức tiếng Việt được dạy ở bài này là từ đồng âm và từ đa nghĩa.

Mục đích của việc thiết kế bài học theo hướng tích hợp như trên là giúp HS có thể sử dụng tri thức tiếng Việt để đọc hiểu VB tốt hơn.

Tích hợp viết với tiếng Việt được thể hiện qua việc thực hiện viết những bài tập viết ngắn (viết đoạn). Trong quá trình viết đoạn văn, HS được yêu cầu vận dụng tri thức tiếng Việt vào viết đoạn. Điều đó tạo cho HS cơ hội vận dụng kiến thức tiếng Việt vào thực tế sử dụng ngôn ngữ của bản thân.

2.3. Các tri thức nền trong sách giáo khoa

Các tri thức (gồm kiến thức, kỹ năng) trong *Ngữ văn 6* được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiến thức đối với lớp 6 đã được quy định trong CTGDPT môn Ngữ văn.

2.3.1. Tri thức Ngữ văn

Các tri thức Ngữ văn được trình bày ngắn gọn trong mục *Tri thức đọc hiểu* và *Tri thức tiếng Việt*.

Tri thức đọc hiểu, gồm những tri thức mang tính chất công cụ, giúp HS không chỉ biết cách đọc hiểu VB theo thể loại trong SGK mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể

loại, nằm ngoài chương trình. Trong SGK *Ngữ văn 6*, các thông tin về tác giả, tác phẩm được đóng khung, trình bày sau các câu hỏi suy ngẫm và phản hồi, không trình bày trước VB như SGK hiện hành. Các thông tin này có tính chất tham khảo, không phải là tri thức bắt buộc HS phải học trên lớp hoặc được dùng để kiểm tra khả năng học thuộc lòng của HS. Do vậy, trong tiến trình dạy trên lớp, GV không cần hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm mà tập trung vào hướng dẫn HS đọc, trải nghiệm về VB, về thể loại VB.

Tri thức tiếng Việt là những tri thức mà chương trình yêu cầu. Các tri thức này được dạy gắn với các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB và mang tính chất công cụ, giúp HS đọc hiểu VB tốt hơn (xem bảng sau):

Bảng thống kê các tri thức tiếng Việt

Tri thức tiếng Việt	Bài học
Từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy	Bài 1
Trạng ngữ – chức năng liên kết câu	Bài 2
Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB	Bài 3
Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ	Bài 4
Ẩn dụ, hoán dụ	Bài 5
Đoạn văn và VB: đặc điểm và chức năng	Bài 6
Công dụng của dấu ngoặc kép	
Từ đa nghĩa và từ đồng âm	Bài 7
Từ mượn, từ gốc Hán	Bài 8
Lựa chọn cấu trúc câu và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nghĩa của VB	Bài 9
Công dụng của dấu chấm phẩy	Bài 10
Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu	

2.3.3. Tri thức về Viết

Tri thức về kiểu bài viết, gồm: đặc điểm và các yêu cầu đối với kiểu bài (được đóng khung). Đây là những tri thức công cụ để HS không chỉ biết được đặc điểm kiểu bài mà còn có thể vận dụng để tạo lập VB đúng với yêu cầu của kiểu bài.

VB mẫu trong bài học được hiểu như là một mô hình trực quan. Ở đó hội đủ những đặc điểm về nội dung lẫn hình thức của kiểu VB mà HS cần tạo lập đồng thời vừa tâm với HS, giúp HS nhận thấy là mình có thể học được và có thể tạo lập được VB tương tự về kiểu bài với những đề tài khác nhau. Điều này hoàn toàn khác với việc GV cho HS bài mẫu và HS chép văn mẫu. Chức năng của VB mẫu là để HS học cách làm chứ không phải là mẫu để sao chép nội dung.

Trong chương trình lớp 6, HS được học cách viết sáu kiểu bài sau:

Bảng thống kê các kiểu bài

Kiểu VB	Đề bài	Bài học
Biểu cảm	Ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát	Bài 3
	Ghi lại cảm xúc về một đoạn thơ	Bài 7
Tả cảnh	Tả lại một cảnh sinh hoạt	Bài 5
Tự sự	Kể lại một truyện cổ tích	Bài 2
	Kể lại một trải nghiệm	Bài 4 và bài 9
Nghị luận	Trình bày ý kiến về một hiện tượng trong cuộc sống	Bài 8
Sáng tác	Làm một bài thơ lục bát	Bài 3
Thông tin	Tóm tắt nội dung chính của một số VB bằng sơ đồ	Bài 1
	Viết biên bản	Bài 6
	Thuyết minh thuật lại một sự kiện	Bài 10

2.3.4. Tri thức về nói và nghe

Nội dung tri thức về nói và nghe trong SGK gồm hai mảng:

- Cách nói/ trình bày một kiểu bài cụ thể;
- Kỹ năng giao tiếp nói chung, gồm kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi.

Đối với mảng thứ nhất, cách nói/ trình bày về một kiểu bài thường gắn với kiểu bài viết mà HS đã học và viết.

Đối với kỹ năng giao tiếp, ở từng bài, HS đều được học về kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi. Đây là những kỹ năng mềm mà HS có thể sử dụng khi nói hoặc thuyết trình về bất cứ đề tài nào.

2.4. Các nhiệm vụ học tập

2.4.1. Đặc điểm chung

Các nhiệm vụ học tập trong *Ngữ văn 6* có những đặc điểm sau:

– Được thiết kế theo nguyên tắc phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS, hướng dẫn HS từng bước kiến tạo tri thức, không cung cấp kiến thức có sẵn cũng không “mớm” kiến thức cho HS.

– Bám chặt vào yêu cầu cần đạt (cũng chính là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và các kỹ năng đọc viết, nói, nghe) mà CTGDPT tổng thể cũng như CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra.

- Phù hợp với tầm nhận thức và đặc điểm tâm, sinh lí của HS lớp 6.

2.4.2. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Đọc

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về đọc mà CT đã đề ra, bao gồm các yêu cầu về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức và liên hệ, so sánh, kết nối và yêu cầu đọc mở rộng.
- Hướng dẫn HS khám phá nội dung và hình thức của VB, qua đó, hình thành và phát triển các kĩ năng đọc theo thể loại đã được xác định trong chương trình.
- Được thiết kế theo 3 giai đoạn của tiến trình đọc: trước, trong và sau khi đọc. Ba giai đoạn này được cài đặt ứng với ba mục lớn của bài học đọc là *Chuẩn bị đọc*, *Trải nghiệm cùng văn bản* và *Suy ngẫm và phản hồi*.
- Hướng dẫn đọc mở rộng gồm các VB thứ 4 trong mỗi chủ điểm (mục Đọc mở rộng theo thể loại).

2.4.3. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Thực hành tiếng Việt

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu về tiếng Việt của chương trình lớp 6.
- Gắn với ngữ liệu trong VB đọc.
- Gồm các bài tập thực hành kiến thức mới và ôn lại các đơn vị kiến thức đã học ở những bài học trước, cấp lớp dưới.

2.4.4. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Viết ngắn

- Yêu cầu HS viết đoạn văn nhằm phát triển kĩ năng viết đoạn, khả năng tưởng tượng, sáng tạo, liên hệ,...
- Vận dụng kiến thức về tiếng Việt và hiểu biết về VB đã đọc vào viết đoạn.

2.4.5. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Viết

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về viết mà chương trình đã đề ra.
- Hướng dẫn HS phân tích văn bản mẫu để học cách tạo lập kiểu văn bản tương tự.
- Hướng dẫn HS quy trình viết qua việc thực hành viết một bài, nghĩa là học bằng cách làm (learning by doing).
- Hướng dẫn HS tự kiểm soát và điều chỉnh bài viết thông qua các bảng kiểm (checklist).
- Gắn với thể loại VB đọc (trong một số trường hợp).

2.4.6. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về nói và nghe mà CTGDPT đã đề ra.
- Hướng dẫn HS cách nói dựa trên một đề bài cụ thể để HS có cơ hội học kĩ năng nói,

nghe và nói nghe tương tác.

– Tích hợp với viết (trong phần lớn các bài) để HS có cơ hội chia sẻ bài đã viết bằng hình thức nói.

– Hướng dẫn HS tự kiểm soát và điều chỉnh bài viết thông qua các bảng kiểm (checklist).

3. CẤU TRÚC SÁCH

3.1. Cấu trúc bộ sách

3.1.1. Hướng dẫn sử dụng sách

Hướng dẫn sử dụng sách gồm hình ảnh của các mục trong bài học và ý nghĩa của việc thực hiện các mục đó. Ví dụ (tr. 6, tập một):

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Kể lại truyện cổ tích “Cây khế”

Mở bài

Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
(Lâm Thị Mỹ Dạ)

Thật vậy, truyện cổ tích luôn mở ra thế giới nhiệm màu, kì ảo với những bài học sâu xa mà người xưa gửi gắm. Những bài học ấy, qua lời kể của bà, của mẹ, luôn in sâu trong tâm trí mỗi người từ thuở ấu thơ. Một trong những câu chuyện hay, được nhớ mãi là *Cây khế*.⁽¹⁾

1. Giới thiệu tên truyện và lí do muốn kể lại truyện.

Đọc kĩ những thông tin trong các ô bên trái và bên phải văn bản sẽ giúp em hiểu được đặc điểm văn bản, học cách tạo lập văn bản tương tự.

3.1.2. Các bài học

Các bài học trong *Ngữ văn 6* được phân bố thành ba mạch chính: nhận thức về thiên nhiên, nhận thức về xã hội, nhận thức về bản thân. Cụ thể là:

Tìm hiểu thiên nhiên	Tìm hiểu xã hội	Tìm hiểu bản thân
– Trò chuyện cùng thiên nhiên – Mẹ Thiên Nhiên	– Lắng nghe lịch sử nước mình – Miền cổ tích – Vẻ đẹp quê hương – Gia đình yêu thương – Những góc nhìn cuộc sống	– Những trải nghiệm trong đời – Điểm tựa tinh thần – Nuôi dưỡng tâm hồn
Bài mở đầu: Hoà nhập vào môi trường mới Bài kết: Bạn sẽ giải quyết việc này như thế nào?		

Sách gồm 10 bài học chính tương ứng với 10 chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi với cuộc sống của HS lớp 6. Ở tập một, HS sẽ được học về lịch sử của đất nước qua cách kể chuyện của các tác giả dân gian (bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*); khám phá một thế giới khác lạ trong các truyện cổ tích, từ đó rút ra những bài học sâu sắc về đạo lý làm người (bài *Miền cổ tích*); yêu quý, tự hào về vẻ đẹp của thiên nhiên, con người Việt Nam (bài *Vẻ đẹp quê hương*); trải nghiệm thế giới xung quanh để nhận ra những mặt tốt đẹp cũng như những điều chưa hoàn thiện của bản thân (bài *Những trải nghiệm trong đời*); quan sát, cảm nhận những bí ẩn, kì diệu của thiên nhiên (bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên*).

Ở tập hai, HS sẽ được tìm hiểu giá trị của những điểm tựa trong cuộc sống mỗi khi đối mặt với thử thách (bài *Điểm tựa tinh thần*); cảm nhận sâu sắc ý nghĩa của gia đình và học cách yêu thương gia đình (bài *Gia đình thương yêu*); học cách nhìn cuộc sống từ những góc độ khác nhau, tôn trọng sự khác biệt và biết cách trao đổi, thuyết phục người khác (bài *Những góc nhìn cuộc sống*); thấu hiểu ý nghĩa của việc nuôi dưỡng một đời sống tâm hồn phong phú (bài *Nuôi dưỡng tâm hồn*); học cách chung sống, trân quý và bảo vệ vạn vật quanh mình (bài *Mẹ Thiên Nhiên*).

Ngoài ra, trong bài mở đầu cuốn sách HS được làm quen với các bạn và môi trường học tập mới (bài *Hoà nhập vào môi trường mới*). Cuối cuốn sách, HS được đặt vào một số tình huống thực tế, tìm những cách khác nhau để giải quyết những vấn đề của chính các em (bài *Bạn sẽ giải quyết việc này như thế nào?*).

Mỗi bài học là một cột mốc trong cuộc hành trình đầy ắp những điều mới lạ và hấp dẫn, giúp HS hiểu thêm về xã hội, thiên nhiên và về chính bản thân.

Ấn trong từng nội dung bài học là các lí thuyết, mô hình, phương pháp dạy học hiện đại, nhằm hướng dẫn HS trong suốt tiến trình học đọc, viết, nói và nghe; là tổ chức cho HS thảo luận, chia sẻ về những gì đã đọc, viết, nói và nghe.

Mỗi bài học đều có nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu về phẩm chất, đọc, viết, nói và nghe cho từng thể loại. Dưới đây là ma trận nội dung và yêu cầu cần đạt của *Ngữ văn 6*:

Bài	VB	Yêu cầu cần đạt về đọc	Yêu cầu cần đạt về Tri thức Tiếng Việt	Yêu cầu cần đạt về Viết	Nói và nghe
<i>Lắng nghe lịch sử nước mình</i>	<i>Thánh Gióng</i> <i>Sự tích Hồ Gươm</i> <i>Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân</i> <i>Bánh chưng, bánh giầy</i>	Đọc hiểu thể loại truyền thuyết	Từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy	Tóm tắt nội dung chính của một VB bằng sơ đồ	Thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất

Miền cổ tích	Sọ Dừa Em bé thông minh Chuyện cổ nước mình Non-bu và Heng-bu	Đọc hiểu thể loại cổ tích	Trạng ngữ – chức năng liên kết câu	Kể lại một truyện cổ tích	Kể lại một truyện cổ tích
Vẻ đẹp quê hương	Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương Việt Nam quê hương ta Về bài ca dao Đứng bên tê đồng ngô bên ni đồng... Hoa bìm	Đọc hiểu thơ lục bát	Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB	Làm một bài thơ lục bát Viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc về bài thơ lục bát	Trình bày cảm xúc về bài thơ lục bát đã đọc
Những trải nghiệm trong đời	Bài học đường đời đầu tiên Giọt sương đêm Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ Cô Gió mất tên	Đọc hiểu truyện đồng thoại	Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ	Kể lại một trải nghiệm của bản thân	Kể một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân
Trò chuyện cùng thiên nhiên	Lao xao ngày hè Thương nhớ bầy ong Đánh thức trầu Một năm ở Tiểu học	Đọc hiểu hồi kí	Ẩn dụ, hoán dụ	Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt	Trình bày về một cảnh sinh hoạt
Điểm tựa tinh thần	Gió lạnh đầu mùa Tuổi thơ tôi Con gái của mẹ Chiếc lá cuối cùng	Đọc hiểu VB thông tin	Công dụng của dấu ngoặc kép	Viết biên bản về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc	Tóm tắt nội dung trình bày của người khác

<i>Gia đình thương yêu</i>	<i>Những cánh buồm Mây và sóng Chị sẽ gọi em bằng tên Con là...</i>	Đọc hiểu thơ	Từ đa nghĩa và từ đồng âm	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ	Thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất
<i>Những góc nhìn cuộc sống</i>	<i>Học thầy học bạn Bàn về nhân vật Thánh Gióng Góc nhìn Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?</i>	Đọc hiểu VB nghị luận	Từ mượn; Từ gốc Hán	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống
<i>Nuôi dưỡng tâm hồn</i>	<i>Lặng quả thông Con muốn làm một cái cây Và tôi nhớ khói Cô bé bán diêm</i>	Đọc hiểu truyện	Lựa chọn cấu trúc câu và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nghĩa của VB	Kể lại một trải nghiệm của bản thân	Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân
<i>Mẹ Thiên Nhiên</i>	<i>Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ-ro Trái Đất – Mẹ của muôn loài Hai cây phong Ngày Môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ</i>	Đọc hiểu VB thông tin	Công dụng của dấu chấm phẩy Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu	Viết VB thuyết minh thuật lại một sự kiện	Tóm tắt nội dung trình bày của người khác

3.1.3. Các bảng hướng dẫn và tra cứu

Ngữ văn 6 có bảng Hướng dẫn kĩ năng đọc để giúp HS hiểu nội hàm, tác dụng của các kĩ năng đọc, từ đó biết cách đọc (tr. 136, tập một).

BẢNG HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG ĐỌC

Đọc là cách thu nhận thông tin, khám phá ý tưởng của người khác, đồng thời học cách tư duy, cách giao tiếp hiệu quả, qua đó, làm giàu tâm hồn mình. Những kĩ năng đọc mà người đọc thường xuyên sử dụng trong khi đọc là:

Kĩ năng đọc	Chỉ dẫn	Tác dụng
Xác định mục đích đọc	Trước khi đọc tự trả lời các câu hỏi: – Đọc văn bản này để thưởng thức gì? – Đọc văn bản này để có thêm thông tin gì? – Đọc văn bản này để biết cách thực hiện một công việc gì?	Đọc văn bản hiệu quả hơn.

Ngoài ra, sách còn có bảng tra cứu thuật ngữ và bảng tra cứu tên tiếng nước ngoài, giúp HS dễ dàng tra những thuật ngữ đã học cũng như các tên tiếng nước ngoài (tr. 138, 139, tập một).

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Trang
A	Ẩn dụ	111
C	Chủ đề	38
	Cốt truyện	18
	Cụm từ	82

BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
H	Heung Bu	Heng-bu	49
L	Luang Phrabang	Luông-phơ-ra-băng	65

3.2. Cấu trúc từng bài

Ngoài Lời nói đầu, Hướng dẫn sử dụng sách ở đầu sách, các bảng hướng dẫn và tra cứu, *Ngữ văn 6* có 12 bài học. Cấu trúc từng bài học được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ cấu trúc và chức năng các mục trong bài học

Yêu cầu cần đạt: 1. Năng lực đặc thù (đọc, viết, nói và nghe); 2. Phẩm chất

Định hướng yêu cầu cần đạt sau khi học xong.

Giới thiệu chủ điểm và thể loại chính của VB đọc
Câu hỏi lớn cho toàn bài học

Cung cấp thông tin tổng quát về bài học và gợi hứng thú học bài mới.

ĐỌC:

Tri thức Ngữ văn (Đọc hiểu, tiếng Việt)

VB 1, 2: thuộc thể loại chính của bài học

VB 3: Đọc kết nối chủ điểm, thuộc thể loại khác

VB 4: Đọc mở rộng theo thể loại

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VIẾT NGẮN

Cung cấp những tri thức công cụ để đọc VB.

Hướng dẫn đọc VB nhằm đạt yêu cầu của bài học.

Thực hành kiến thức tiếng Việt để đọc hiểu và tạo lập VB.

VIẾT:

Tri thức về kiểu bài

Hướng dẫn phân tích kiểu VB

Hướng dẫn quy trình viết

Cung cấp tri thức công cụ để tạo lập VB.

Hướng dẫn các bước tạo lập VB.

NÓI VÀ NGHE:

Tri thức về kiểu bài

Hướng dẫn quy trình nói và nghe

Cung cấp những tri thức công cụ để nói và nghe.

Hướng dẫn nói, nghe và trao đổi.

ÔN TẬP

Củng cố kiến thức và suy ngẫm về những gì đã học trong bài.

3.2.1. Yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt của bài học là sự thể hiện các yêu cầu cần đạt của CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn. Việc lựa chọn yêu cầu cần đạt nào trong chương trình để đưa vào từng bài học được thực hiện dựa trên nguyên tắc:

– Phù hợp với nội dung ngữ liệu trong văn bản đọc. Ví dụ yêu cầu “Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng” được đưa vào bài học *Những góc nhìn cuộc sống* vì thể loại chủ đạo của bài học này là VB nghị luận.

– Đảm bảo mỗi bài không có quá nhiều mục tiêu để tránh quá tải cho HS và GV.

Từng yêu cầu sẽ được triển khai qua các hoạt động trong bài học.

3.2.1.1. Yêu cầu về năng lực đặc thù

a. Yêu cầu về kĩ năng đọc

Gồm các yêu cầu về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ, so sánh, kết nối.

Ví dụ: bài *Gia đình thương yêu* có các yêu cầu:

ĐỌC

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ;
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ;
- Nhận biết và nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ;
- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân được gợi ra từ các bài thơ.

Yêu cầu đọc hiểu nội dung

Yêu cầu đọc hiểu hình thức

Yêu cầu liên hệ, so sánh, kết nối

b. Yêu cầu về kĩ năng viết

Gồm yêu cầu về viết một kiểu bài (trừ bài thứ 3). Ví dụ: yêu cầu của bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên*:

VIẾT

- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.

Yêu cầu về viết một kiểu bài

Cần lưu ý là các bài không nêu yêu cầu về quy trình viết nhưng khi thiết kế các hoạt động trong mục dạy Viết, các tác giả SGK vẫn hướng dẫn HS thực hiện từng bước theo quy trình.

c. Yêu cầu về kĩ năng nói và nghe

Mỗi bài học thực hiện một yêu cầu nói và nghe khác nhau, thường gắn với yêu cầu kiểu bài viết. Điều đó tạo thuận lợi cho GV khi triển khai bài dạy và thuận lợi cho HS khi học đọc, viết, nói và nghe về cùng một thể loại.

3.2.1.2. Yêu cầu phẩm chất và năng lực chung

Mỗi bài học sẽ giúp HS hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực chung như tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo mà CTGDPT tổng thể đã quy định, phù hợp với nội dung của từng bài và được thể hiện thông qua các hoạt động học tập.

3.2.2. Giới thiệu bài học và câu hỏi lớn

Mục này gồm đoạn giới thiệu nội dung bài học, thể loại VB đọc và câu hỏi liên quan đến chủ điểm bài học. Chức năng là giúp HS có những thông tin tổng quát về bài học, đồng thời khơi gợi hứng thú học bài mới.

3.2.3. Tri thức Ngữ văn

Tri thức Ngữ văn gồm những tri thức mang tính chất công cụ về đọc hiểu và tiếng Việt, giúp HS đọc, viết, nói và nghe tốt hơn.

Trước khi dạy đọc, GV cần dạy tri thức đọc hiểu để cung cấp cho HS “công cụ” đọc hiểu VB.

Tri thức tiếng Việt có thể được dạy trước khi HS thực hành tiếng Việt, tránh việc học lí thuyết tách rời thực hành.

3.2.4. Đọc

3.2.4.1. Chức năng và định hướng cách dạy nhóm câu hỏi Chuẩn bị đọc

Chức năng của nhóm câu này là tạo tâm thế, hứng thú cho HS, khơi gợi kiến thức nền của HS, giúp HS sử dụng kiến thức nền để đọc hiểu VB. Bên cạnh đó, những câu hỏi này còn phát triển cho HS kĩ năng đọc lướt để các em bước đầu cảm nhận về nội dung VB, kĩ năng dự đoán về nội dung có thể có của VB.

Định hướng cách dạy: Trước khi tổ chức đọc VB trên lớp, GV cho HS trả lời các câu hỏi này. HS trả lời đúng hay sai đều được. Nếu HS trả lời sai, GV cũng không cần chỉnh sửa câu trả lời của HS vì đây chủ yếu là những câu hỏi mở.

3.2.4.2. Chức năng và định hướng cách dạy nhóm câu hỏi Trải nghiệm cùng văn bản

Nhóm câu hỏi này có những chức năng sau:

– Hướng dẫn HS thực hiện các kĩ năng đọc mà bất cứ người đọc nào cũng phải sử dụng trong quá trình đọc, đó là liên tưởng, tưởng tượng, suy luận, dự đoán,...

– Giúp HS đọc chậm, đôi lúc tạm dừng để suy ngẫm về một số chi tiết quan trọng trong VB, từ đó, tự kiểm soát việc hiểu của mình.

– Kích hoạt, huy động kiến thức nền của HS vào việc hiểu VB.

– Giúp HS đọc hiểu các yếu tố bộ phận của VB, chuẩn bị dữ liệu đầu vào cho việc hiểu chỉnh thể VB sau khi đọc (giai đoạn suy ngẫm và phản hồi).

Định hướng cách dạy: Những câu hỏi này được trình bày song hành cùng với một số chi tiết quan trọng trong VB, được thể hiện bằng kí hiệu . Khi tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB (ở nhà hoặc trên lớp), GV nhắc HS dừng một vài phút, suy ngẫm, trả lời những câu hỏi được đặt ngay bên cạnh kí hiệu, sau đó đọc tiếp.

3.2.4.3. Chức năng và định hướng cách dạy nhóm câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi

Các câu hỏi này gồm ba nhóm: (1) đọc hiểu nội dung VB; (2) đọc hiểu hình thức; (3) liên hệ, so sánh đánh giá, vận dụng.

Chức năng của các câu hỏi này là:

– Hướng dẫn HS nhận biết các chi tiết trên bề mặt VB: từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật, sau đó, giải mã, tạo nghĩa cho các chi tiết đó cũng như tác dụng của các chi tiết nghệ thuật.

– Giúp HS nhận ra mối quan hệ giữa các chi tiết trong tính chỉnh thể của VB, vai trò của các thành tố trong VB đối với việc thể hiện chủ đề VB.

– Hướng dẫn HS liên hệ những gì đã đọc với kinh nghiệm và kiến thức nền của chính các em, liên hệ với các VB khác và với cuộc sống để từ đó không chỉ hiểu VB mà còn hiểu những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên, hiểu bản thân, rút ra được bài học cho bản thân.

– Tiếp tục hình thành và phát triển các kĩ năng đọc hiểu VB: dự đoán, kiểm soát cách hiểu của mình khi đối chiếu với những dự đoán trước đó, suy luận, tưởng tượng, phân tích, đánh giá, liên hệ,... (xem bảng kĩ năng đọc trong SGK).

– Giúp HS đạt được các yêu cầu về đọc của bài học.

Định hướng cách dạy: khi dạy, GV cần dành nhiều thời gian cho HS suy ngẫm, thảo luận và trình bày suy nghĩ của các em về các câu hỏi này.

3.2.4.4. Chức năng và định hướng cách dạy của nhóm câu hỏi Đọc mở rộng theo thể loại

Những câu hỏi này có chức năng hướng dẫn HS vận dụng những tri thức về thể loại vào đọc VB cùng thể loại.

Định hướng cách dạy: Cho HS đọc VB đọc mở rộng theo thể loại ở nhà và trả lời các câu hỏi về thể loại VB. Sau đó đến lớp, GV dành khoảng nửa tiết cho HS trình bày, trao đổi, qua đó, GV điều chỉnh nhận thức của HS về thể loại.

3.2.5. Thực hành tiếng Việt

Ngữ liệu sử dụng cho *Thực hành tiếng Việt* được lấy trong ba VB đọc. Do vậy, chức năng của *Thực hành tiếng Việt* là giúp HS vận dụng lí thuyết về tiếng Việt để đọc hiểu các VB, đồng thời vận dụng vào viết đoạn.

Định hướng cách dạy: Hướng dẫn HS làm các bài tập thực hành sau khi học xong VB 1, VB 2 và đọc kết nối chủ điểm.

3.2.6. Viết ngắn

Chức năng của bài tập viết ngắn là:

- Thực hành viết những đoạn văn, từng bước hình thành kĩ năng viết.
- Kết nối những gì đã đọc với viết.
- Thực hành sử dụng tri thức tiếng Việt vừa học vào viết.
- Tiếp tục phát triển năng lực tưởng tượng, đánh giá, đặc biệt là năng lực sáng tạo.
- Liên hệ, vận dụng những gì đã học từ VB vào cuộc sống của chính HS.

Định hướng cách dạy: GV có thể cho HS viết tại lớp hoặc viết ở nhà, sau đó, cho HS chia sẻ bài viết của mình bằng cách: (1) dành vài phút tiết học cho một vài HS đọc đoạn văn của mình; (2) dán các đoạn văn đó lên tờ giấy A0 treo trên tường hoặc bản tin học tập của lớp; (3) chia sẻ trong nhóm trao đổi của lớp.

3.2.7. Viết

Chức năng:

- Hướng dẫn HS nhận biết các đặc điểm của kiểu VB.
- Hướng dẫn HS trong suốt tiến trình tạo lập VB.
- Phát triển khả năng lập kế hoạch cho quá trình viết, khả năng tự kiểm soát, tự định hướng bài viết của mình.

Định hướng cách dạy:

– Hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm của VB bằng cách cho HS quan sát VB mẫu và trả lời các câu hỏi về đặc điểm kiểu VB, qua đó, giúp HS kiến tạo tri thức về đặc điểm kiểu VB.

– Lần lượt hướng dẫn cá nhân hoặc nhóm HS thực hiện bốn bước của quy trình viết để từng bước học cách viết, đồng thời hình thành khả năng lập kế hoạch cho quá trình viết, tự định hướng và tự kiểm soát bài viết thông qua các bảng kiểm.

– Tổ chức cho các nhóm thảo luận, thực hiện bước 1, bước 2 trên lớp, sau đó cho các nhóm trình bày dàn ý trên giấy A0/A1 và treo trên bảng để cả lớp thảo luận.

– Sau đó yêu cầu mỗi HS viết bài tại lớp hoặc viết ở nhà (bước 3) đồng thời hướng dẫn HS sử dụng các bảng kiểm để tự điều chỉnh bài viết.

– Vào tiết học tiếp theo, GV tổ chức cho HS trao đổi bài trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để HS đọc, góp ý lẫn nhau dựa trên các bảng kiểm (bước 4). Trong trường hợp bài viết được tích hợp với bài nói thì hoạt động trao đổi, góp ý lẫn nhau cho bài viết được tổ chức trong giờ Nói và nghe, trường hợp bài viết và bài nói không được tích hợp thì GV cần dành thời gian 1 tiết để tổ chức riêng hoạt động này.

– Cuối cùng, cho HS một vài phút để tự do viết ra những kinh nghiệm đã học được qua tiến trình tạo lập VB.

3.2.4. Nói và nghe

Chức năng:

- Hướng dẫn HS học cách nói/trình bày về một kiểu bài.
- Hướng dẫn HS hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, bao gồm các kĩ năng nói, nghe và nói – nghe tương tác.
- Hướng dẫn HS hình thành và phát triển khả năng tự kiểm soát, tự định hướng bài nói/ trình bày của mình, khả năng phản biện và tự điều chỉnh.

Định hướng cách dạy:

- Hướng dẫn HS thực hiện bước 1, bước 2 và phần luyện tập (phần một của bước 3) ở nhà.
- Tổ chức cho HS trình bày (phần 2 của bước 3) và bước 4 trên lớp theo tiến trình sau:
 - + Lần lượt cho HS trình bày bài nói và trao đổi, đánh giá về bài nói của bạn trong nhóm nhỏ dựa trên các bảng kiểm.
 - + Mời một vài HS đại diện cho các nhóm trình bày bài nói.
 - + Hướng dẫn HS góp ý cho bạn.
 - + Rút kinh nghiệm chung trên lớp.

3.2.5. Ôn tập

Các câu hỏi trong mục ôn tập giúp HS củng cố các kiến thức về đọc, viết, nói nghe, kiến thức về chủ điểm bài học, suy ngẫm về câu hỏi lớn ở đầu bài học và tìm câu trả lời.

Định hướng cách dạy: GV cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm, sau đó trình bày trên lớp.

4. CÁC PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

4.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Ngữ văn

Mục tiêu dạy học của môn Ngữ văn trong chương trình mới là phát triển các phẩm chất, năng lực ngôn ngữ (gồm bốn kĩ năng đọc, viết, nói – nghe) và năng lực văn học. Năng lực là khả năng hành động, khả năng giải quyết vấn đề. Vì thế, khi thực hiện chương

trình mới, GV cần chuyển từ cách dạy truyền thụ kiến thức cho HS sang hướng dẫn, tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập, qua đó hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực, cụ thể là:

- Tổ chức cho HS học thông qua trải nghiệm: đọc VB, quan sát mẫu, trả lời câu hỏi, diễn kịch, thuyết trình, thảo luận, giải quyết tình huống, vẽ tranh,... từ đó tự kiến tạo tri thức cho bản thân.

- Dạy kĩ năng thông qua việc dạy kiến thức để HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể loại.

- Tổ chức cho HS thảo luận, tương tác trong nhóm nhỏ, nhóm lớn để học cách tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc độ, học kĩ năng giao tiếp (nói, nghe, tương tác), kĩ năng hợp tác.

- Tổ chức cho HS suy ngẫm, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, từ đó điều chỉnh nhận thức của bản thân thông qua việc dùng bảng kiểm.

- Thiết kế hoạt động học tập cụ thể, rõ ràng, thể hiện được các yêu cầu cần đạt của bài học.

- Hướng dẫn, trợ giúp HS trong suốt quá trình học để HS từng bước đạt được yêu cầu mà chương trình đề ra.

- Tạo môi trường thân thiện để HS hăng hái tham gia hoạt động với tư cách chủ thể tích cực, sáng tạo.

- Phản hồi kịp thời, phù hợp, tế nhị để giúp HS tiến bộ đồng thời tạo động lực học tập cho HS.

- Phối hợp sử dụng nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học. Cơ sở của việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học là yêu cầu cần đạt đối với từng bài học, nội dung bài học, đối tượng HS, thời gian cho phép và sở trường của GV.

- Sử dụng và hướng dẫn HS sử dụng công nghệ thông tin phù hợp, nhằm tạo cơ hội cho HS tìm kiếm, trình bày, phân tích thông tin, tránh trường hợp chiếu chép.

- Đa dạng hoá hình thức tổ chức hoạt động: theo nhóm và cá nhân, hoạt động trong lớp, ngoài lớp, ngoài trường, ở nhà.

4.2. Dạy đọc hiểu văn bản

Để hướng dẫn HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn biết cách đọc VB khi thực hiện chương trình mới, GV cần phối hợp sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học, trong đó đặc biệt chú trọng các phương pháp và kĩ thuật được trình bày sau đây.

4.2.1. Thuyết trình

Thuyết trình, giải thích ngắn gọn về những khái niệm trong mục *Tri thức đọc hiểu*, kết hợp với nêu ví dụ từ các VB để HS có được công cụ đọc hiểu VB. Trong quá trình dạy đọc hiểu VB, GV sẽ tiếp tục giúp HS hiểu các khái niệm này qua các hiện tượng cụ thể trong VB.

GV cũng có thể sử dụng phương pháp thuyết trình để trình bày, chia sẻ với HS về một vài cảm nhận của cá nhân đối với một khía cạnh cụ thể nào đó của VB. Tuy nhiên, hoạt động này nên hạn chế và chỉ nên thực hiện sau khi HS đã trình bày, chia sẻ những cảm nhận, suy nghĩ của các em về VB. Phương pháp thuyết trình được dùng trong những trường hợp này để tạo cảm xúc thẩm mĩ cho giờ học.

4.2.2. Làm mẫu kĩ năng đọc

Một trong những cách học phổ biến là học thông qua quan sát mẫu. Học bằng cách quan sát là cách học cho phép HS học hành vi mới một cách hiệu quả, giảm thiểu được sự thất bại nếu tự học. Để đọc hiểu được một VB, người đọc phải sử dụng rất nhiều kĩ năng: liên tưởng, tưởng tượng, truy xuất kiến thức nền, suy luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, dự đoán, kiểm soát cách hiểu. Vì thế, GV cần phải làm mẫu cách đọc để HS không chỉ đọc được những VB trong SGK mà còn biết cách đọc các loại VB khác, ngoài chương trình học.

Làm mẫu cách đọc là biện pháp GV vừa đọc vừa nói to những suy nghĩ, những gì mình chú ý, tưởng tượng, cảm xúc, suy đoán,... về VB. Bằng cách nói to những suy nghĩ của mình, GV giúp cho HS quan sát được cách mà một người đọc có kĩ năng sử dụng trong quá trình đọc.

Đối với mỗi chủ điểm, GV có thể chọn một kĩ năng đọc (trong *Bảng thuật ngữ kĩ năng đọc*) để làm mẫu cách đọc cho HS. Tiến trình làm mẫu như sau:

- GV giải thích ngắn gọn về kĩ năng đó.
- Sau đó, chọn một đoạn trong VB (có thể chiếu trên màn hình).
- Đọc to đoạn đó và gạch chân/ đánh dấu vị trí mà GV định làm mẫu.
- Làm mẫu cách sử dụng kĩ năng đó bằng cách nói to những suy nghĩ trong đầu mình khi đọc, ví dụ:

- + Từ này nên được hiểu như thế nào?
- + Mình đã gặp từ này trong đoạn trước.
- + Có lẽ từ này nên được hiểu là...
- + ...

Sau đó, GV dành vài phút cho HS thực hành trong nhóm kĩ năng đọc vừa học.

4.2.3. Đàm thoại gợi mở

Một trong những mục đích quan trọng của dạy học là phát triển năng lực tư duy cho HS. Câu hỏi và trả lời câu hỏi là một trong những công cụ hiệu quả để hình thành và phát triển năng lực tư duy sáng tạo, kĩ năng giao tiếp cho HS. Đọc chính là quá trình tư duy, đồng thời là quá trình trải nghiệm, khám phá VB. Bản thân ngôn từ trong VB có tính đa nghĩa, mỗi người đọc lại có tri thức nền khác nhau nên một từ ngữ, hình ảnh có thể gợi lên

những cách hiểu khác nhau, đặc biệt là đối với VB văn chương. Sự đa dạng về cách hiểu VB giúp HS có cơ hội thể hiện và tiếp nhận những cách nhìn khác nhau về VB, làm cho giờ học thêm hứng thú. Vì thế mà trong giờ đọc hiểu VB, vai trò của GV là tổ chức, hướng dẫn HS từng bước trải nghiệm, khám phá tri thức thông qua các câu hỏi, các hướng dẫn, không áp đặt, truyền thụ kiến thức một chiều, cũng không cung cấp sẵn câu trả lời cho HS.

Sử dụng câu hỏi trong dạy học nói chung, dạy đọc VB nói riêng là một phương pháp rất quan trọng, tạo cơ hội cho HS kiến tạo tri thức về VB, về thể loại, về cuộc sống, qua đó hình thành và phát triển năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề, giao tiếp, đồng thời đạt được những yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu VB mà CTGDPT 2018 môn Ngữ văn đã quy định.

Câu hỏi cần được sử dụng ở các cấp độ từ nhận biết đến phân tích, suy luận, liên hệ, vận dụng, đánh giá. Các cấp độ câu hỏi này phù hợp quy trình nhận thức về VB: từ nhận biết ngôn từ, hình ảnh, chi tiết, sự kiện đến phân tích, suy luận để khám phá ý nghĩa của các ngôn từ, hình ảnh, chi tiết, sự kiện đó, diễn giải mối quan hệ giữa chúng với tính cách nhân vật, chủ đề VB,... Qua đó, HS nhận ra tính chỉnh thể, tính thống nhất về nội dung và hoàn chỉnh về hình thức của VB.

Loại câu hỏi nhận biết: gồm những câu hỏi hướng dẫn HS tìm thông tin, chi tiết, từ ngữ, hình ảnh quan trọng, hiển thị trên VB. Việc tìm, xác định các thông tin, hình ảnh, từ ngữ, sự kiện là bước đầu tiên, vô cùng quan trọng của tiến trình đọc, là cơ sở để từ đó, tiến đến cấp độ thứ hai của tiến trình đọc là phân tích, suy luận ý nghĩa của những chi tiết, từ ngữ, hình ảnh đó. Loại câu hỏi nhận biết thường là: liệt kê, chỉ ra, tìm những từ ngữ, hình ảnh, hãy sắp xếp các sự kiện theo trình tự, xác định,...

Loại câu hỏi phân tích, suy luận: gồm câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu, khám phá, suy đoán những tầng ý nghĩa dưới bề mặt ngôn từ của VB, hướng dẫn HS sử dụng kiến thức nền của bản thân để giải mã và kiến tạo nghĩa cho các chi tiết, từ ngữ, hình ảnh mà HS đã tìm ra trước đó. Không những thế, nhóm câu hỏi này còn có tác dụng hướng dẫn HS khám phá mối liên hệ giữa các chi tiết, sự kiện, từ đó nhận ra tính chỉnh thể của VB và ý nghĩa, thông điệp của VB. Đây là nhóm câu hỏi mà GV cần sử dụng nhiều nhất trong quá trình dạy đọc VB. Nếu ở nhóm câu hỏi nhận biết, yêu cầu có câu trả lời đúng, thì với nhóm câu hỏi này, không có một đáp án duy nhất đúng, bởi vì ngoài việc dựa vào nguồn thông tin có sẵn trong VB, HS còn dựa vào kiến thức nền, khả năng tưởng tượng, sáng tạo của bản thân để tìm câu trả lời. Vấn đề là khi đưa ra những cách hiểu khác nhau, HS phải chứng minh, lí giải được cách hiểu của mình và GV cần tôn trọng những cách hiểu hợp lí của HS, không gò ép HS theo một cách hiểu duy nhất. Loại câu hỏi phân tích, suy luận rất phong phú, ví dụ:

- Ý nghĩa của từ ngữ/ hình ảnh... trong VB?
- Từ ngữ, hình ảnh này có thể hiểu theo những cách nào?
- Tác dụng của biện pháp... ?

- Vì sao nhân vật lại hành động như vậy?
- Vì sao tác giả viết như vậy?
- Dựa vào đâu mà em cho là như vậy?
- Nếu cần kể lại cho người khác về VB này, em sẽ nói gì?
- Ý chính của VB là gì?
- Luận điểm của VB này là gì ? Tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ luận điểm ấy?
- Thông điệp tác giả muốn gửi gắm trong VB là gì?
- Tác giả muốn thể hiện quan điểm gì qua VB này?
- Vẽ sơ đồ kết cấu VB.
- Viết đoạn văn tóm tắt VB.
- ...

Loại câu hỏi so sánh, liên hệ, vận dụng, đánh giá: Quá trình đọc cũng là quá trình người đọc phải sử dụng tri thức nền của mình để hiểu VB đồng thời để nhận thấy VB có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của mình. Vì thế, cần hướng dẫn HS liên hệ những vấn đề đặt ra trong VB với cuộc sống để hiểu VB cũng như hiểu cuộc sống, liên hệ VB này với VB khác để nhận biết nét đặc sắc của từng VB, liên hệ những gì được miêu tả, thể hiện trong VB với chính mình để hiểu VB và hiểu bản thân hơn. Đọc không phải chỉ để hiểu mà còn để đánh giá những cái hay của VB và những vấn đề của cuộc sống mà VB gọi lên, do vậy, cần hướng dẫn HS nhận xét những cái hay, thậm chí cái chưa hoàn chỉnh của VB, chứ không chỉ tiếp nhận VB một chiều. Qua đó, HS nhận thấy ý nghĩa của VB đối với cuộc sống của chính mình đồng thời hình thành khả năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện, sáng tạo. Loại câu hỏi đánh giá, liên hệ, vận dụng rất phong phú:

- Đánh giá như thế nào/ nhận xét gì về hành động của nhân vật/ về vấn đề mà tác giả đặt ra trong VB?
- VB/ sự kiện/ chi tiết này gợi nhớ điều gì về cuộc sống của em?
- Tính cách/ suy nghĩ/ cuộc sống của em có nét gì tương đồng hoặc khác biệt với nhân vật?
- Em đã gặp tình huống nào giống như nhân vật đã gặp?
- VB này có gì giống với những VB nào khác?
- Những chi tiết/ nhân vật/ sự kiện/ hình ảnh trong VB này khiến em liên tưởng tới VB nào khác?
- Điểm khác biệt giữa VB này và VB... là gì?
- VB có gợi cho em suy nghĩ điều gì về cuộc sống hiện nay?

– Em đã từng gặp câu chuyện/ nhân vật/ chi tiết... tương tự trong cuộc sống hay chưa? Điều đó gợi cho em suy nghĩ gì?

– Điều này có gì khác với thực tế mà em biết?

– VB/ nhân vật/ chi tiết này gợi cho em/ bạn suy nghĩ gì về cuộc đời/ con người?

– Nếu em ở trong hoàn cảnh/ vị trí của nhân vật, em có thể sẽ phản ứng như thế nào/ có những hành động, suy nghĩ, cảm xúc gì?

– Nếu em là tác giả, em sẽ cho nhân vật hành động như thế nào/ sẽ kết thúc tác phẩm như thế nào? Tại sao lại chọn cách xử lý như vậy?

Ngoài việc nêu câu hỏi cho HS trả lời, GV cần hướng dẫn và tạo cơ hội cho HS tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc và đặt câu hỏi cho bạn trong khi thảo luận. Điều này góp phần làm cho HS trở thành người đọc chủ động.

Ví dụ: GV có thể sử dụng thẻ thông tin để hướng dẫn HS cách đặt câu hỏi. Mỗi nhóm được phát một bộ thẻ tương ứng với số thành viên trong nhóm, tất cả các nhóm có bộ thẻ giống nhau. Các câu hỏi trong bộ thẻ có thể là:

Sự việc.. đã xảy ra như thế nào...?

Tại sao... lại như vậy?

Nguyên nhân của chuyện này là...

Điều gì có thể xảy ra nếu...

Nếu bạn là... bạn sẽ cảm thấy như thế nào...?

Nhân vật... được miêu tả thế nào?

GV có thể sử dụng kết hợp đàm thoại gợi mở với những phương pháp, kĩ thuật dạy học khác để hướng dẫn HS khám phá VB như: dạy học hợp tác, kĩ thuật sử dụng phiếu học tập, khăn trải bàn, động não, tia chớp, sơ đồ tư duy,...

4.2.4. Đóng vai

Một trong những hình thức trải nghiệm VB thú vị đó là hoá thân vào nhân vật để cảm nhận sâu sắc những suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, để hiểu vì sao nhân vật hành xử như thế này mà không phải thế khác. Trong giờ đọc hiểu VB, GV nên tổ chức cho HS diễn kịch, đóng vai để tạo cho HS cơ hội thử nghiệm những vai trò, tình huống khác nhau trong một môi trường giả định an toàn. Khi diễn kịch, đóng vai, HS cơ có hội học cách ứng xử, trải nghiệm những cảm xúc khác nhau, phát triển trí tưởng tượng sáng tạo, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp, đồng thời giúp phát triển trí thông minh cảm xúc. Qua đó, HS học kiến thức một cách chủ động, thú vị, sáng tạo. GV có thể tổ chức cho HS:

– Phân vai, đọc diễn cảm một tác phẩm, thể hiện cảm xúc, tính cách nhân vật bằng giọng đọc.

– Tưởng tượng mình là một nhân vật trong VB để hình dung nếu mình ở trong hoàn cảnh của nhân vật đó thì mình sẽ giải quyết vấn đề như thế nào, sẽ có những cảm xúc, suy nghĩ gì.

– Mời một HS đóng vai nhân vật hoặc tác giả để những HS khác với vai trò là người đọc, nêu câu hỏi cho nhân vật hoặc tác giả.

– Sân khấu hoá một đoạn trích trong một VB văn học.

4.2.5. Tổ chức cho học sinh tương tác trong giờ học

Đọc là quá trình tương tác giữa VB/ tác giả với người đọc và giữa những người đọc với nhau. Ở mỗi thời điểm khác nhau, những người đọc với kiến thức nền, quan điểm khác nhau có thể có những cách lí giải khác nhau về VB. Tính đa nghĩa của hình tượng nghệ thuật cũng là một nhân tố góp phần tạo nên sự phong phú cho những cách lí giải đó. Trong nhà trường, hoạt động đọc là tiến trình tương tác giữa VB với người đọc – GV và với người đọc – HS.

Quan điểm kiến tạo kiến thức về đọc hiểu VB (constructivist view of reading comprehension) cho rằng người đọc – GV và người đọc – HS trong cộng đồng lớp học đều tham gia vào việc kiến tạo ý nghĩa cho VB. Quan điểm này coi việc hiểu VB bao gồm tiến trình thương thuyết về ý nghĩa của VB giữa tác giả, người đọc – GV và những người đọc – HS trong cộng đồng lớp học. Các loại kiến thức nền, sự tương tác giữa những người đọc trong cộng đồng lớp học, những nhiệm vụ học tập mà GV giao cho HS, sự khuyến khích của GV, môi trường văn hoá xã hội của lớp học là những nhân tố tác động đến cuộc thương thuyết này. GV vừa là một trong những người đọc (có kinh nghiệm hơn) trong lớp học, vừa là người tổ chức tiến trình tương tác này. Vai trò của GV không phải là người truyền thụ hiểu biết của bản thân về VB cho HS. HS không phải là người ghi chép những gì GV đọc, học thuộc những lời giảng của GV mà là những người tham gia vào quá trình kiến tạo nghĩa cho văn bản. Quy mô và mức độ của sự tương tác giữa những người đọc (HS – HS, HS – GV) sẽ rất phong phú, nếu GV biết cách tổ chức cho HS thảo luận, chia sẻ ý tưởng, nhận thức về VB và về những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên. Đọc là quá trình “kiến tạo ý nghĩa, một quá trình đầy thử và sai, loại bỏ cái sai, dần dần xác lập cái đúng” (Trần Đình Sử, *Đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn*, Tạp chí *Dạy và học ngày nay*, 2014, tr. 15). Nếu việc đọc xảy ra trong một cộng đồng thì sự tương tác với cộng đồng sẽ tác động đến cách lí giải của người đọc về VB. Một VB được nhiều người đọc và thảo luận thì trong quá trình trao đổi, thảo luận, sự va chạm, tương tác giữa những ý tưởng của những người đọc khác có thể giúp cả GV lẫn HS định hình rõ hơn cách hiểu về VB, khơi gợi những ý tưởng khác về VB hoặc điều chỉnh cách hiểu trước đó về VB.

Vì những lí do trên, trong lớp học, GV cần tổ chức cho HS tương tác, thảo luận để HS điều chỉnh cách hiểu về VB và để nhận thấy rằng có nhiều cách hiểu về VB, để học cách trình bày, bảo vệ quan điểm của mình, cách phản biện và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Nội dung cho HS thảo luận gồm:

- Thảo luận về nội dung và hình thức nghệ thuật của VB: ý nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh, về quan điểm sống, cách hành xử của nhân vật, về quan điểm của tác giả, về cách xây dựng nhân vật, cách sử dụng từ ngữ và các biện pháp nghệ thuật,...
- Thảo luận về những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên, ví dụ vấn đề sử dụng mạng xã hội của HS, GV nên hành xử thế nào nếu vô tình có lỗi với HS,...
- Thảo luận về những ý kiến, quan điểm độc đáo, khác biệt của một HS nào đó trong lớp.

Hình thức tổ chức thảo luận đa dạng, gồm: thảo luận trong nhóm 2 HS hoặc 4 đến 5 HS, thảo luận giữa các HS trong lớp. Sau khi HS thảo luận xong, GV cần cho đại diện các nhóm hoặc một số nhóm (nếu không đủ thời gian) trình bày ý kiến, sản phẩm của mình và các nhóm khác góp ý, nhận xét. Những ý kiến lí giải thú vị, độc đáo của HS, nhóm HS về VB cần được GV khen ngợi, tôn trọng. Dựa trên những ý kiến phản hồi, tranh luận của HS về VB, GV có thể điều chỉnh nội dung dạy học/ điều chỉnh kế hoạch bài dạy. Như vậy, “sản phẩm” của giờ học có sự đóng góp của cả HS lẫn GV chứ không phải chỉ của riêng GV và GV áp đặt cho HS.

4.2.6. Hướng dẫn học sinh kết hợp viết trong quá trình đọc

Đọc, viết, nói và nghe là bốn kĩ năng giao tiếp có mối quan hệ chặt chẽ, đọc tốt giúp tăng kĩ năng viết, viết giúp tăng kiến thức về ngôn ngữ, giúp đọc tốt hơn, hiểu rõ hơn cái được đọc, nhớ lâu hơn. Hoạt động nghe giúp tăng kĩ năng nói. Hoạt động viết trong quá trình đọc là biện pháp giúp HS thể hiện và lưu giữ ý tưởng bằng hình thức viết (khác với việc viết bài luận về VB sau khi học để kiểm tra kiến thức về VB). Vì thế, trong quá trình đọc, GV cần tổ chức và hướng dẫn HS ghi lại những suy nghĩ, ý tưởng của bản thân trong quá trình đọc bằng nhiều cách khác nhau (ở nhà hoặc trên lớp) bằng nhiều hình thức:

- Ghi những ý tưởng nảy sinh trong quá trình đọc lên những miếng giấy nhỏ (note), dán vào trang sách.
- Điền vào phiếu học tập.
- Làm phiếu từ hay.
- Vẽ sơ đồ kết cấu, sơ đồ tính cách nhân vật, sơ đồ so sánh hai nhân vật, sự kiện,...
- Vẽ tranh thể hiện sự tưởng tượng của mình về nhân vật, sự kiện hoặc cảnh vật được miêu tả trong VB.
- Viết đoạn văn sau khi đọc VB trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về VB hoặc sáng tạo thêm một đoạn viết về nhân vật hoặc viết lại cái kết của VB.
- Viết nhật kí đọc sách.

— ...

Những sản phẩm trên của HS có thể thay thế cho việc HS chép máy móc những gì GV đọc hoặc ghi trên bảng. Những gì HS viết, vẽ, ... có thể được sử dụng để trao đổi, thảo luận trong giờ đọc hiểu VB đồng thời được tập hợp vào một hồ sơ học tập để làm minh chứng đánh giá quá trình học tập của HS.

4.3. Dạy viết

Đối với phần lớn chúng ta, viết không phải là một tài năng bẩm sinh, mà từ khi sinh ra, mỗi người đã có. Để có thể tạo lập một VB, người viết cần có nhiều loại kiến thức khác nhau như kiến thức về đề tài cần viết, kiến thức về cách thức tạo lập VB, thể loại VB, ngôn ngữ và người đọc. Vì thế, tạo lập VB là một kĩ năng cần phải được học và HS cần phải được dạy đồng thời được thực hành nhiều lần. Không chỉ học cách viết mà HS còn học cách giao tiếp có văn hoá. GV trợ giúp, hướng dẫn HS học cách viết bằng cách làm mẫu, hướng dẫn, giải thích, cùng viết với HS, tạo cơ hội cho HS trải nghiệm việc viết, thực hành những kĩ năng vừa học được.

Dưới đây là một số gợi ý dành cho GV khi tổ chức dạy học tạo lập VB.

4.3.1. Thuyết trình

Để giúp HS nhận biết kiểu bài, GV diễn giảng ngắn gọn về những thông tin đã được trình bày trong khung (xem hình dưới), kết hợp với nêu câu hỏi, nêu ví dụ.

Kể lại một truyện cổ tích thuộc loại văn kể chuyện, trong đó, người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Người kể sử dụng ngôi thứ ba.
- Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.
- Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.
- Bài văn gồm có ba phần:

Mở bài: giới thiệu truyện cổ tích sẽ kể lại (tên truyện, lí do chọn kể,...).

Thân bài: giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày những sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.

Kết bài: nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

Cần lưu ý: HS sẽ có cơ hội hiểu rõ hơn về kiểu bài trong bước phân tích VB mẫu, vì thế, khi dạy lí thuyết, GV cần diễn giảng ngắn gọn.

4.3.2. Phân tích mẫu

Thể loại là dạng thức của VB, thể hiện cách thức sử dụng ngôn ngữ trong một dạng thức nhất định. Trong chương trình Ngữ văn 6, HS học cách tạo lập các kiểu VB: biểu cảm, tự sự, sáng tác, tả cảnh, nghị luận, thuyết minh. Để có thể tạo lập được VB theo các kiểu loại, trước tiên, HS cần được học để hiểu rõ kiểu loại này khác với kiểu loại kia như thế nào. Để đạt được mục tiêu này, GV cần hướng dẫn HS phân tích VB mẫu. Hướng dẫn HS phân tích VB mẫu là phương pháp hướng dẫn HS đọc, quan sát, phân tích nội dung, cấu trúc một VB mẫu, cách thức ngôn ngữ được sử dụng trong VB để qua đó, HS học cách tạo lập kiểu VB. Như vậy, HS không học lí thuyết suông về VB như cách dạy hiện nay mà học lí thuyết thông qua một VB mẫu, tức một ví dụ cụ thể.

Trong SGK đã có những VB mẫu thể hiện các đặc điểm của từng kiểu VB. Để hướng dẫn HS phân tích mẫu, qua đó, học cách tạo lập VB tương tự, GV cần: (1) tìm hiểu kĩ các yêu cầu về kiểu loại VB mà chương trình đã đề ra; (2) nghiên cứu kĩ VB mẫu trong SGK để hiểu rõ đặc điểm kiểu loại VB; (3) chuẩn bị VB mẫu trên bảng phụ hoặc trên phần mềm Word để trình chiếu trên lớp, hoặc trên một phiếu học tập để phát cho các nhóm HS.

Tiến trình hướng dẫn HS phân tích VB mẫu được thực hiện như sau:

Bước 1: Hướng dẫn phân tích mẫu

Chia HS thành từng nhóm nhỏ, yêu cầu đọc, quan sát VB mẫu, sau đó GV cho HS lần lượt thảo luận các câu hỏi hoặc điền vào các phiếu học tập:

- Phân tích cấu trúc VB (gồm các phần mở bài, thân bài, kết bài) để nhận biết cấu trúc chung của VB.
- Phân tích các đặc điểm của từng phần để nhận biết yêu cầu, đặc điểm của từng phần trong VB.
- Phân tích các đặc điểm ngôn ngữ được sử dụng trong VB để nhận biết yêu cầu về ngôn ngữ đối với kiểu VB đó.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Mở
đoạn

Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi.

Thân
đoạn

Bài ca dao trên luôn gợi cho tôi những cảm xúc sâu lắng⁽¹⁾ về "công cha, nghĩa mẹ"⁽¹⁾. Với âm hưởng ngọt ngào của thể thơ lục bát, bài ca dao làm tôi nhớ⁽¹⁾ đến lời ru thân thương thuở nào. Những hình ảnh so sánh quen thuộc như "núi ngất trời"⁽²⁾ và "nước ở ngoài biển Đông"⁽²⁾ giúp tôi hình dung về công lao không thể nào đo đếm được của đấng sinh thành.⁽¹⁾ Đúng vậy, làm sao có thể kể hết bao khó khăn, nhọc nhằn mà cha mẹ đã trải qua để nuôi dưỡng chúng

^(*) Câu chủ đề của đoạn văn.

⁽¹⁾ Những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát.

**Kết
đoạn**

ta nên người!⁽¹⁾ Câu cuối “cù lao chín chữ ghi lòng con ơi”⁽²⁾ là lời dặn dò chân thành, tha thiết và cũng là lời dạy của người xưa về bốn phận làm con. Làm con là phải khắc ghi công ơn trời biển ấy. Những câu ca dao về tình cha, nghĩa mẹ như vậy đã nuôi dưỡng tâm hồn tôi từ thơ bé, giúp tôi thấm thía những yêu thương mà mình nhận được trong đời.

⁽²⁾ Những từ ngữ trong ngoặc kép là những bằng chứng được trích từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết.

(Bài học sinh có chỉnh sửa)

Bước 2: Khái quát các đặc điểm chung của kiểu VB

Yêu cầu cá nhân hoặc nhóm HS rút ra các đặc điểm chung của VB mẫu.

Hướng dẫn HS phân tích VB mẫu là sự thể hiện của việc tích hợp dạy đọc với dạy viết, nhưng mục đích chính không phải là để hiểu nội dung VB mà là để học cách tạo lập VB tương tự.

4.3.3. Làm mẫu kỹ năng viết

Tạo lập VB là một hoạt động nhận thức phức tạp, để biết cách tạo lập một VB, HS cần được học cách làm. Trong lớp học, GV chính là một người viết có kinh nghiệm, cần giải thích và làm mẫu kỹ năng viết xảy ra như thế nào cho HS quan sát, để từ đó học cách làm, ví dụ: cách phân tích đề, cách lập dàn ý, cách viết câu chủ đề, cách viết mở bài, kết bài,... Để HS có thể “thấy” và hiểu được những hoạt động tư duy xảy ra trong đầu GV khi viết, ví dụ như khi nảy sinh, chọn lựa các ý tưởng, viết thành câu rồi lại xoá, bổ sung,... GV cần phải nói to những suy nghĩ của mình, trực quan hoá cách làm của mình bằng những lời nói (kỹ thuật think-aloud). Điều này tương tự như một GV toán trình bày cách giải bài toán của mình bằng lời nói để giúp HS “nhìn thấy” logic tư duy của GV khi giải toán.

Trong quá trình làm mẫu cách viết, GV nên:

- Giải thích mục đích của việc GV làm mẫu là để HS học cách viết.
- Nói rõ kỹ năng mà GV sẽ làm mẫu cho HS, ví dụ: Hôm nay chúng ta sẽ học cách triển khai luận điểm trong bài văn nghị luận,...
- Yêu cầu HS chú ý nghe những gì GV nói, quan sát các hoạt động viết của GV, ghi lại những gì HS quan sát được về cách tạo lập VB, ví dụ: Cô giáo đã lập dàn ý bằng cách,...
- Chọn một phương diện cụ thể của kiểu loại VB để làm mẫu, ví dụ: cách viết mở bài cho một bài văn nghị luận, cách triển khai một luận điểm. Nếu làm mẫu cách viết toàn bộ một bài văn trong một tiết thì sẽ gây quá tải cho HS.

– Trong quá trình làm mẫu kỹ năng viết, GV nên dùng máy chiếu hoặc bảng phụ để vừa viết vừa nói to những suy nghĩ của mình khi viết. Điều này giúp HS nhìn rõ những ý tưởng của GV đang được thể hiện như thế nào trên trang giấy, kể cả những phút ngập ngừng để suy nghĩ tiếp, để tìm từ thích hợp, những đoạn viết ra xong lại xoá đi, cách chọn ý nào là luận điểm, cách đưa dẫn chứng chứng minh cho luận điểm,... Ví dụ, vừa viết, GV vừa nói:

- + Viết câu mở bài thế nào cho hấp dẫn người đọc nhỉ?
- + Đến đây, cô sẽ xuống dòng, chuyển qua một đoạn khác.
- + Thầy nghĩ là thầy phải nhìn lại dàn ý xem có bỏ sót ý nào không?
- + Có lẽ là cần thay thế từ “...” bằng từ “...” thì mới phù hợp.
- + ...
- Sau khi kết thúc việc làm mẫu, GV yêu cầu HS trình bày những gì đã nghe và quan sát được về cách tạo lập VB của GV, những bài học kinh nghiệm mà HS rút ra được sau khi quan sát và có thể vận dụng khi tạo lập một VB tương tự về kiểu loại.
- Yêu cầu HS thực hành viết.

Lưu ý:

- Trong quá trình làm mẫu, GV không nêu câu hỏi, yêu cầu HS phát biểu, đề xuất ý tưởng, cách của HS.
- GV cần giải thích rõ cái mình đang nghĩ, đang viết và tại sao lại viết như vậy.

4.3.4. Hướng dẫn quy trình viết

Viết là một tiến trình người viết tìm kiếm thông tin, nảy sinh và định hình các ý tưởng có trong đầu, là quá trình chuyển hoá các thông tin, ý tưởng đó thành ngôn từ, thể hiện trong một thể thức VB nhất định. Đó là tiến trình của sự khám phá không ngừng, thông qua ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu về thế giới, đánh giá những gì chúng ta học hỏi được từ thế giới xung quanh và truyền đạt những gì chúng ta hiểu. Thực chất, tiến trình này không có điểm dừng, bởi vì ngay cả khi chúng ta đã viết ra một VB, thì chúng ta vẫn phải đọc lại, thêm bớt, chỉnh sửa nhiều lần. Mỗi lần đọc lại, chỉnh sửa là mỗi lần người viết tạo ra VB tốt hơn VB trước chứ không có VB hoàn chỉnh. Tiến trình này gồm các bước: (1) chuẩn bị trước khi viết, bao gồm xác định đề tài, thu thập tư liệu, mục đích viết, người đọc tương lai; (2) tìm ý, lập dàn ý; (3) viết bài; (4) xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. HS cần được hướng dẫn thực hiện từng bước, qua đó, học cách trình bày ý tưởng của mình bằng hoạt động viết. Cần lưu ý: chỉnh sửa không phải chỉ được thực hiện ở bước 4 mà được thực hiện trong toàn bộ tiến trình viết, khi người viết thường xuyên nhìn lại yêu cầu của đề bài, mục đích và đối tượng giao tiếp để điều chỉnh ý tưởng, lập dàn ý, viết bản thảo. Tiến trình này thể hiện quan điểm viết, tập trung vào quá trình tạo lập VB chứ không phải chỉ tập trung vào sản phẩm cuối cùng – bài viết của HS. HS cần được học cách viết trước khi làm bài kiểm tra để GV đánh giá năng lực viết của HS.

Vì “viết là một tiến trình” nên GV không áp đặt quan điểm của mình, không lập dàn ý mẫu cho HS sao chép mà tổ chức cho HS học cách viết trong suốt tiến trình tạo lập VB với sự trợ giúp của GV, sự tương tác với các bạn học. Các hoạt động học được tổ chức “xung quanh những trải nghiệm cá nhân của người học và những ý kiến. Viết được xem là một hành động sáng tạo của sự tự khám phá. Điều này giúp làm nảy sinh sự tự ý thức

về hoạt động viết ở vai trò xã hội và năng lực văn chương cũng như giúp suy nghĩ thông suốt và tự thể hiện một cách hiệu quả” (Hyland, 2003, tr. 9).

Vai trò của GV trong dạy học viết dựa trên tiến trình là trợ giúp, tư vấn, là người đọc, người lắng nghe, là người tạo ra môi trường để HS cảm thấy thoải mái, tự tin tìm ra giọng điệu của chính mình để chia sẻ sản phẩm của họ. GV cần tạo cho HS cơ hội chọn lựa chủ đề VB, tự thực hiện hoạt động viết, xem xét, khám phá sự phát triển của những ý tưởng của chính HS và bạn học, viết nháp, thử nghiệm các hình thức VB khác nhau mà HS cho là sẽ giúp các em giao tiếp tốt hơn. Qua đó, HS học cách tạo lập VB. Điều này hoàn toàn khác với cách dạy tập trung vào việc phân tích những bài mẫu có sẵn và copy các bài mẫu.

Để làm được điều này, GV phải tạo ra môi trường học tập thoải mái, khuyến khích, trợ giúp HS trong suốt tiến trình viết. Sản phẩm của HS cần được thảo luận xem các em có thể làm gì để bài viết tốt hơn. GV cần làm cho HS hiểu hoạt động viết là hoạt động tiếp diễn, sự thay đổi, phát triển ý tưởng luôn tiếp tục xảy ra cho đến khi có sản phẩm cuối cùng. Đồng thời, GV cần phải kiên nhẫn, cho HS đủ thời gian để nảy sinh ý tưởng, thu thập thông tin, đọc lại và chỉnh sửa.

Nhiệm vụ của HS không chỉ là tạo lập VB mà còn là phản hồi, tự đánh giá, đánh giá bài viết của bạn, chỉnh sửa nhiều lần để tạo ra VB tốt hơn.

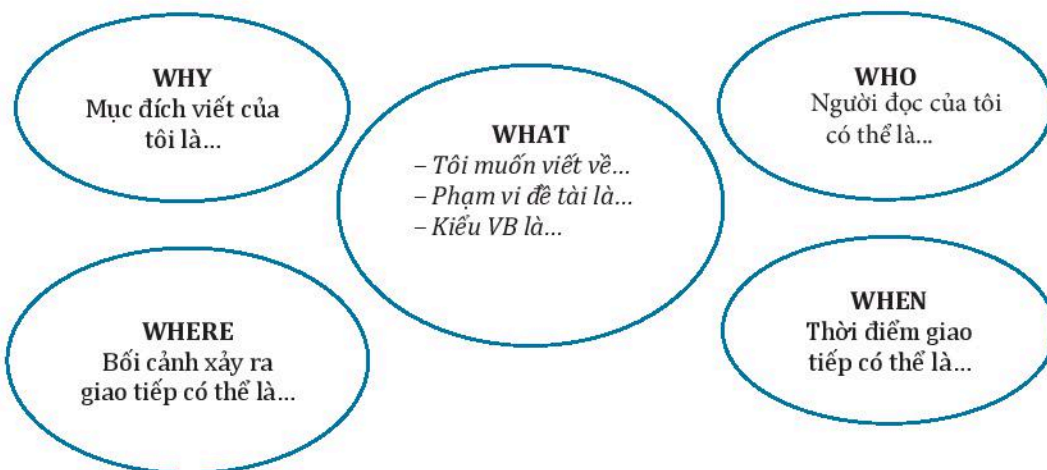
Cách dạy này khác với cách dạy hiện nay: GV cung cấp lí thuyết về cách viết cho HS, cung cấp bài mẫu, sau đó giao đề tài cho HS, HS sao chép bài mẫu.

Để hướng dẫn HS thực hiện quy trình viết, GV cần thực hiện những biện pháp sau:

a. Ra đề bài để HS có cơ hội học bằng cách làm, thông qua làm. Yêu cầu đối với đề bài là phải gắn với những vấn đề của thực tế, nằm trong tầm quan tâm, nhận thức của HS để HS có đủ kiến thức nền vào tạo lập VB, đồng thời hình dung được bối cảnh, mục tiêu, đối tượng giao tiếp. Đề bài cũng cần có tính mở để HS có thể trình bày những suy nghĩ, ý tưởng của bản thân. GV cũng nên khuyến khích HS tự nghĩ về những đề tài mà các em quan tâm, mong muốn được chia sẻ.

b. Hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài viết, mục đích viết, người đọc tương lai. Viết là một trong những cách để chúng ta giao tiếp với những người khác, là một hoạt động tương tác xã hội. Và để giao tiếp hiệu quả, chúng ta cần xác định nội dung sẽ viết, mục đích viết, người đọc tương lai. Nghĩa là khi giao tiếp dù bằng hình thức nào, người nói, người viết cũng cần trả lời các câu hỏi: Đối tượng giao tiếp của tôi là ai? Mục đích, nội dung giao tiếp là gì? Với đối tượng và mục đích đó, nội dung và cách thức giao tiếp nên như thế nào?

Vì thế, trong bước này, GV nên sử dụng 5W trong mô hình 5W1H (WHAT, WHO, WHY, WHERE, WHEN, HOW) để hướng dẫn HS thảo luận, xác định đề tài, mục đích và đối tượng giao tiếp bằng cách điền vào sơ đồ sau:



(Lưu ý: chỉ nên sử dụng hai câu hỏi WHERE, WHEN khi đề bài cung cấp thông tin về bối cảnh và thời điểm giao tiếp)

Biện pháp trên nhằm giúp HS động não, kích hoạt kiến thức nền của HS về đề tài, hình dung trước mục đích giao tiếp, đặt mình vào vai người đọc tương lai để hiểu nhu cầu của người đọc cũng như hình dung bối cảnh, thời gian xảy ra giao tiếp. Qua đó, giúp HS hiểu rằng mục đích viết không chỉ là để trả bài, chấm điểm; đối tượng đọc không chỉ là GV mà còn là nhiều đối tượng người đọc khác, hướng đến nhiều mục đích khác.

c. Hướng dẫn học sinh tìm ý, lập dàn ý bằng cách:

– Yêu cầu HS thu thập thông tin liên quan đến đề tài, kiểu VB trong sách, trên mạng, trong điện thoại, máy tính hoặc album ảnh cá nhân.

– Liệt kê bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong đầu bằng cách viết ra những từ, cụm từ liên quan, không cần quan tâm đến ngữ pháp, chính tả.

– Trả lời câu hỏi HOW (mô hình 5W1H): những ý tưởng của tôi sẽ được thể hiện bằng hình thức nào (hình thức của một bài văn nghị luận hay một bài văn kể chuyện,...).

– Sau đó, dùng sơ đồ đã vẽ ở trên để tự hỏi:

+ Những ý tưởng đã nêu có phù hợp với yêu cầu của đề tài hoặc thể hiện được những suy nghĩ của tôi, có thể hiện được mục tiêu?

+ Nếu tôi là người đọc thì những ý tưởng trên đã đáp ứng được yêu cầu của tôi?

+ Có cần thêm hoặc bớt ý tưởng nào?

+ Có cần tìm thêm thông tin? Tìm ở đâu?

Việc trả lời những câu hỏi trên có tác dụng giúp HS bổ sung kiến thức còn thiếu, kích hoạt kiến thức nền, nhận diện “con đường” cần tiếp tục khám phá, phát triển năng lực đánh giá và tự điều chỉnh. Cũng có thể cho cá nhân hoặc nhóm HS trao đổi ý tưởng để góp ý cho nhau.

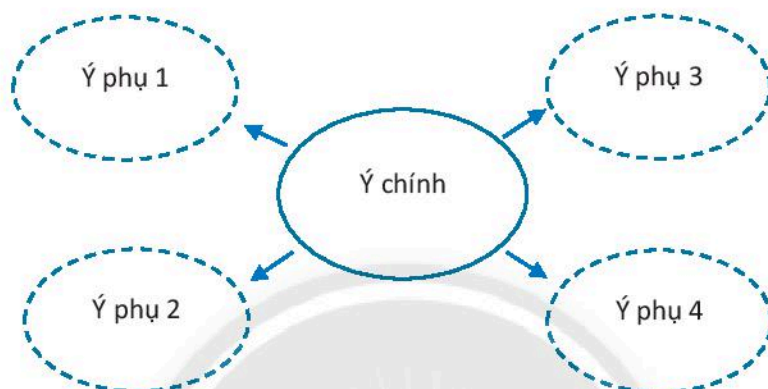
Sau đó, hướng dẫn HS lập dàn ý. Trong bước này, GV hướng dẫn HS phát triển các ý tưởng đã liệt kê thành dàn ý chi tiết bằng cách:

– Tiếp tục trả lời câu hỏi HOW (mô hình 5W1H): Bài viết của tôi sẽ được viết theo thể thức (kiểu VB) như thế nào?

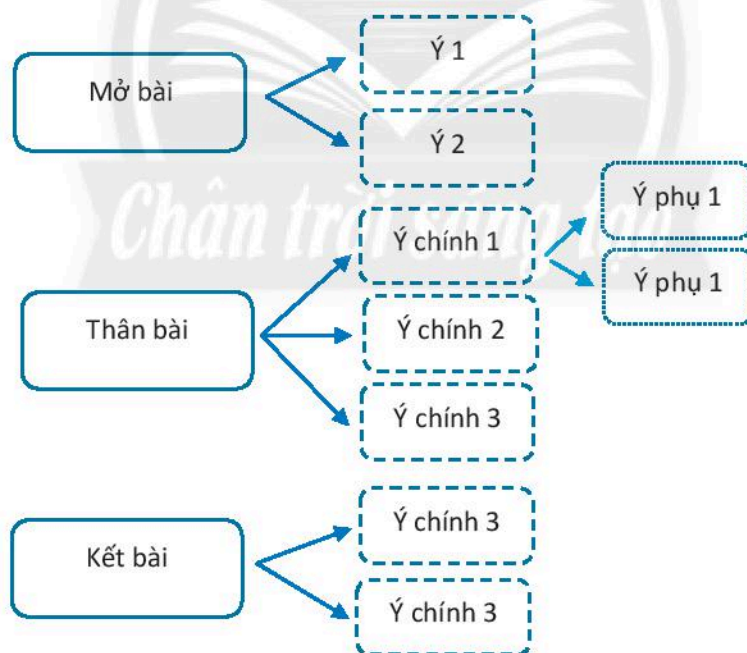
– Đánh số các ý tưởng theo trình tự sẽ xuất hiện trong dàn ý.

– Thể hiện các ý tưởng thành sơ đồ (sơ đồ mạng hoặc sơ đồ chuỗi):

+ Sơ đồ mạng:



+ Sơ đồ chuỗi:



– Sau đó, hướng dẫn HS nhìn lại sơ đồ dàn ý để trả lời các câu hỏi:

+ Dàn ý của tôi đã đủ ý, đã đáp ứng được yêu cầu của đề tài hoặc thể hiện được những suy nghĩ của tôi chưa?

- + Dàn ý của tôi có thể hiện được mục tiêu không?
- + Các ý trong dàn ý có phù hợp với người đọc không?
- + Có nên thêm bớt hoặc điều chỉnh trình tự các ý không?

Cũng có thể cho cá nhân/ nhóm HS trao đổi bản sơ đồ dàn ý để góp ý cho nhau.

Việc hướng dẫn HS vẽ sơ đồ dàn ý giúp cho HS có được “bản vẽ thiết kế” của “ngôi nhà” tương lai, giúp HS không bỏ sót ý, phát triển tư duy logic và hiểu sự cần thiết của việc lập dàn ý trước khi viết.

Ở bước này, GV có thể sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật dạy học như: đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác, sơ đồ tư duy, động não,...

d. Viết bài

Trước khi HS viết bài, GV cần cung cấp cho HS tiêu chí đánh giá VB hoặc bảng kiểm và giải thích rõ ý nghĩa của từng tiêu chí để giúp HS định hướng bài viết của mình. Bảng tiêu chí này được xây dựng dựa trên đặc điểm, yêu cầu của kiểu loại VB (kiểu bài nghị luận, kiểu bài kể chuyện,...).

Như vậy, các tiêu chí, bảng kiểm có hai chức năng: (1) hướng dẫn cách làm; (2) công cụ để HS tự đánh giá bài viết của mình và đánh giá lẫn nhau. Qua đó, HS có thể được hình thành và phát triển khả năng tự định hướng, tự điều chỉnh. Tiêu chí còn là công cụ để GV đánh giá HS.

GV có thể chọn những cách sau để hướng dẫn tổ chức cho HS viết bài:

- Yêu cầu mỗi nhóm viết một đoạn trong dàn ý (có thể viết lên giấy A0/A1), sau đó, treo sản phẩm của các nhóm lên bảng theo trình tự bài viết để thảo luận chung trên lớp.
- Yêu cầu mỗi HS về nhà viết bài hoàn chỉnh dựa trên dàn ý.
- Nhắc HS dùng các từ nối để làm cho bài văn liền mạch.

đ. Tổ chức cho HS xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

Chỉnh sửa là thực hiện các thay đổi vào bất kì thời điểm nào trong tiến trình viết, liên quan đến việc nhận dạng sự khập khiễng giữa cái dự định viết và cái được viết ra, những quyết định cái gì có thể hoặc nên thay đổi trong bài viết và làm thế nào để sửa lại. Trong những bước trên, khi đối chiếu ý tưởng, dàn ý với yêu cầu của đề bài, mục đích viết và người đọc, người viết đã thực hiện chỉnh sửa từng phần của bài viết. Sau khi viết xong bản thảo, người viết đọc lại toàn bài và thực hiện chỉnh sửa toàn bài. Tiến trình chỉnh sửa bao gồm các hoạt động: đánh giá, chọn lựa cách chỉnh sửa. Để có thể chỉnh sửa, người chỉnh sửa phải có kiến thức về đề tài, kiểu bài, ngôn ngữ, người đọc. Vì thế, chỉnh sửa không phải là việc dễ thực hiện nếu không có sự hiểu biết về yêu cầu của kiểu bài.

Hoạt động chỉnh sửa có thể được thực hiện bởi nhiều chủ thể: người viết – HS, người đọc – HS khác, người đọc – GV. Những người đang học cách viết như HS thì hầu như

chưa có kinh nghiệm về việc chỉnh sửa nên GV cần hướng dẫn cách phát hiện lỗi và chỉnh sửa cũng như cách phản hồi văn mình.

Tiến trình tổ chức cho HS chỉnh sửa nên được thực hiện như sau:

- GV giải thích rõ từng yêu cầu của bảng kiểm để HS hiểu rõ yêu cầu đối với kiểu bài.
- Hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm hoặc tiêu chí đánh giá bài viết để tự kiểm tra và điều chỉnh bài viết.
- GV làm mẫu cách góp ý cho một bài viết để HS học cách góp ý.
- Hướng dẫn HS chỉnh sửa bài lẫn nhau theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ dựa trên bảng kiểm theo các bước:
 - + Chia nhóm, mỗi HS đọc bài viết của mình, giải thích ý định, mục đích viết.
 - + HS góp ý bài viết của bạn dựa trên bảng kiểm và nêu câu hỏi những chỗ chưa rõ.
 - + Người viết lắng nghe, ghi chép các ý kiến góp ý, trả lời câu hỏi.
- Sau đó, GV chọn một vài sản phẩm của các nhóm (sản phẩm tốt và chưa tốt) để rút kinh nghiệm chung trên lớp, chốt lại những kiến thức về cấu trúc VB, về cách viết.
- Khuyến khích HS về nhà tiếp tục chỉnh sửa bài viết.

Lưu ý:

- Nếu tổ chức cho HS đánh giá lẫn nhau theo nhóm đôi, cần chú ý chia nhóm theo nguyên tắc: HS yếu – HS trung bình, HS trung bình – HS khá, HS khá – HS giỏi để HS kém hơn không bị áp lực. Không chia theo cặp quá chênh lệch về khả năng, ví dụ: HS giỏi, khá với HS trung bình, HS yếu để những HS này không có cảm giác quá chán khi đọc bài của HS kém hơn mình nhiều lần.
- Nếu tổ chức cho HS chỉnh sửa bài lẫn nhau trong nhóm nhỏ thì mỗi HS phải có cơ hội lần lượt đọc bài của mình cho cả nhóm góp ý.
- Những sơ đồ dàn ý, bản nháp,... của HS được lưu lại trong một hồ sơ học tập để đánh giá quá trình học tập của HS.

Các biện pháp trên có tác dụng giúp HS – người viết phát triển năng lực tự đánh giá, tự điều chỉnh, đặt mình vào vai trò người đọc để hiểu cảm xúc, suy nghĩ của người đọc, nhận ra người đọc cần gì ở VB này, hiểu cách người đọc tiếp nhận và phản hồi về VB của mình như thế nào, từ đó có những chỉnh sửa hoặc thay đổi phù hợp.

Đối với HS – người đọc, qua việc đọc sản phẩm của bạn, các em được học và hình thành năng lực phản biện, đặt mình vào vai trò người viết để hiểu cách họ tạo lập VB, học cái hay của bạn, nhận ra cái dở trong bài viết của bạn để tránh những lỗi tương tự khi viết. Không những thế, HS còn học kĩ năng giao tiếp: cách nhận xét, đánh giá dựa trên mình chứng, cách lập luận và cách nói năng lịch sự.

4.4. Dạy Nói và nghe

Để nói, nghe hiệu quả, người nói và người nghe cần có nhiều loại kiến thức như kiến thức về chủ đề muốn nói, ngôn ngữ, hiểu biết về các loại văn phong của ngôn ngữ nói, đối tượng giao tiếp, cách giao tiếp với những đối tượng khác nhau, sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và viết, hiệu quả của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Không chỉ học cách nói, nghe mà HS còn học cách giao tiếp có văn hoá.

HS học cách nói và nghe trong quá trình HS đọc và viết, trong tiết nói và nghe qua các hoạt động thảo luận, chia sẻ những gì đã đọc và viết. GV cần tổ chức cho HS đóng vai là người nghe, người nói để hình dung được cảm xúc, suy nghĩ của người nói, người nghe. Qua đó, không chỉ học cách nói mà còn học được cách dự đoán tâm lí người nghe, cách đồng cảm với người nói, cách phản hồi phù hợp.

4.4.1. Dạy nói

Khi dạy nói, GV cần:

- Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi như người nghe của tôi là ai, họ muốn biết những gì về điều tôi sẽ nói, mục đích nói của tôi là gì. Từ đó, hướng dẫn HS xác định nội dung nói và cách nói.

- Hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài nói (dựa trên bài viết đã viết) về nội dung và về cách nói (cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận). Trong trường hợp HS đã có bài viết thì hướng dẫn HS chuyển nội dung bài viết thành bài nói.

- Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để kiểm soát bài nói của bản thân.

4.4.2. Dạy nghe

Khi dạy HS nghe, GV nên:

- Làm mẫu cách lắng nghe người nói bằng cách: nhìn vào mặt người nói, nêu câu hỏi cho người nói về những gì chưa rõ, nhắc lại điều người nói vừa trình bày để đảm bảo hiểu đúng ý người nói.

- Dùng mảnh giấy nhỏ ghi chép vắn tắt những gì đã nghe.

- Dùng bảng kiểm để góp ý cho bài nói của bạn bằng giọng điệu nhẹ nhàng và bằng những mẫu câu như: Bài nói của bạn rất hay nhưng nếu có thể, bạn làm rõ thêm,...; Nếu là tôi, tôi sẽ,...; Nên chăng bạn tập trung vào nội dung....

4.4.3. Dạy nói – nghe tương tác

Hướng dẫn HS:

- Kiên nhẫn chờ đến lượt mình nói, không ngắt lời người nói.

- Nói tiếp cuộc hội thoại bằng những câu hỏi, lời nhận xét, bổ sung gắn với chủ đề cuộc thảo luận/ tranh luận/ đối thoại.

- Tôn trọng người nói và những ý kiến khác biệt.
- Hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Lưu ý: bản thân cách nói của GV trong quá trình dạy chính là “mẫu” mà HS hằng ngày quan sát, học hỏi. Vì thế, GV phải học cách nói sao cho gãy gọn, rõ ràng, phù hợp đối tượng người nghe.

4.5. Dạy tiếng Việt

Việc dạy tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 không nhằm cung cấp kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ, mà nhằm phục vụ việc đọc hiểu và tạo lập các loại VB. Do đó, trong sách *Ngữ văn 6*, ngữ liệu được sử dụng trong dạy học tiếng Việt chính là ngữ liệu của VB đọc. Điều này giúp HS gắn kết được các kiến thức ngôn ngữ vào quá trình tiếp nhận VB, từ đó có thể nâng cao kỹ năng đọc hiểu. Tuy nhiên GV cũng có thể cân nhắc thêm những ngữ liệu gắn với thực tế sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hằng ngày để tạo hứng thú cho HS.

Ngoài ra, để việc dạy học các đơn vị kiến thức tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đạt hiệu quả, GV cần tích hợp dạy tiếng Việt vào các hoạt động dạy học các kỹ năng khác như viết, nói và nghe.

Khi tổ chức dạy học tiếng Việt, GV cần chú ý đến trình độ tiếng Việt của HS để tận dụng, phát huy những ưu điểm cũng như khắc phục sai sót trong việc học tiếng Việt của HS. Việc chú ý đến trình độ tiếng Việt của HS còn giúp định hướng cách dạy với các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp.

Từ những định hướng ấy, việc dạy học tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* gồm hai nội dung chính là:

Tri thức tiếng Việt: trình bày những khái niệm về tiếng Việt đã xuất hiện trong văn bản đọc hiểu để giúp các em vận dụng vào quá trình đọc và tạo lập VB.

Thực hành tiếng Việt: gồm thực hành luyện tập, vận dụng những kiến thức tiếng Việt vừa được học và những kiến thức đã học ở các bài trước, lớp trước.

Trong đó, nội dung trọng tâm của việc dạy học tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* là thực hành. Thông qua thực hành, HS sẽ hiểu hơn về các đơn vị kiến thức tiếng Việt và vận dụng chúng vào thực tế sử dụng ngôn ngữ.

Với định hướng như vậy, việc tổ chức dạy học tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* nên được thực hiện với một số gợi ý sau:

4.5.1. Dạy tri thức tiếng Việt

GV có thể sử dụng một số phương pháp, kỹ thuật sau:

- Thuyết trình: dùng lời để thông báo, giới thiệu, giải thích cho HS về những đơn vị kiến thức mới.

– Đàm thoại gợi mở: sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS phân tích các ngữ liệu mẫu, từ đó đi đến việc rút ra các đơn vị kiến thức tiếng Việt cơ bản.

– Phân tích mẫu: sử dụng mẫu ngữ liệu được cung cấp ở phần *Tri thức tiếng Việt* hoặc GV tự lựa chọn kết hợp với câu hỏi để hướng dẫn HS quan sát, phân tích ngữ liệu theo định hướng của bài học để giúp HS rút ra nội dung kiến thức cần lĩnh hội.

– Kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan (sơ đồ, biểu bảng,...) để hỗ trợ HS lĩnh hội kiến thức.

Ngoài ra, GV có thể sử dụng một số kỹ thuật như công não, KWL để khơi gợi, huy động tri thức nền của HS về những đơn vị kiến thức tiếng Việt vốn có của HS.

Vì nội dung *Tri thức tiếng Việt* không phải là trọng tâm của giờ dạy học nên GV không nên dành quá nhiều thời gian để dạy phần này mà nên tập trung vào phần thực hành để tổ chức cho HS vận dụng tri thức đã học vào làm bài tập. Qua đó, HS hiểu rõ lý thuyết đã học.

4.5.2. Dạy Thực hành tiếng Việt

Đối với những nội dung *Thực hành tiếng Việt*, GV có thể sử dụng một số phương pháp, kỹ thuật dạy học sau:

– Đàm thoại gợi mở: sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS giải quyết các bài tập thực hành hoặc dùng câu hỏi để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành của HS.

– Dạy học hợp tác: tổ chức cho HS thảo luận nhóm để thực hành, trao đổi, chia sẻ kết quả bài tập, đồng thời tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về mức độ thông hiểu và vận dụng kiến thức.

– Thực hành trò chơi: để kích thích động cơ, hứng thú học tập của HS.

Ngoài ra, GV có thể kết hợp với việc sử dụng một số kỹ thuật như khăn trải bàn đối với những bài tập khó, kỹ thuật sơ đồ tư duy,...

4.6. Dạy Viết ngắn/ viết đoạn

Đây là nội dung dạy học mang tính tích hợp cao: tích hợp kỹ năng đọc với viết, tích hợp nội dung tiếng Việt vào hoạt động đọc và viết. Vì vậy, GV có thể tổ chức dạy học theo những gợi ý dưới đây:

– Hướng dẫn HS viết theo hình thức cá nhân. Lưu ý HS vận dụng những hiểu biết đã có từ các VB vừa đọc và tri thức tiếng Việt vừa học vào viết đoạn/ viết ngắn.

– Tổ chức cho HS chia sẻ, trao đổi đoạn viết với nhau theo hình thức cặp đôi hoặc công bố trên bản tin học tập của lớp.

– Hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng bằng bảng kiểm (checklist) hoặc kỹ thuật 321.

– Tổ chức nhận xét, đánh giá, sửa chữa một vài sản phẩm tiêu biểu.

- Nhắc HS lưu giữ sản phẩm trong hồ sơ học tập cá nhân.

Việc viết ngắn có thể được thực hiện tại lớp hoặc ở nhà tùy theo điều kiện thời gian của lớp học. Tuy nhiên, GV cần tổ chức nhận xét, đánh giá một vài sản phẩm tiêu biểu trên lớp.

5. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

5.1. Sơ đồ, biểu bảng

Kiến thức được lưu giữ dưới 2 dạng: ngôn ngữ và hình ảnh, do vậy, sử dụng hình ảnh, sơ đồ sẽ giúp HS:

- Hiểu bài sâu hơn, nhận rõ mối quan hệ giữa các kiến thức.
- Củng cố, nhớ lâu kiến thức.
- Rèn luyện kỹ năng khái quát, phân tích, so sánh, phân loại vấn đề.

Có nhiều loại sơ đồ, biểu bảng:

- Sơ đồ khái quát tính cách nhân vật;
- Sơ đồ các chi tiết về nhân vật;
- Sơ đồ diễn biến tâm trạng nhân vật;
- Sơ đồ mối quan hệ giữa các nhân vật, các sự việc;
- Sơ đồ tóm tắt nội dung chính của một bài học, một chương, một phần;
- Sơ đồ các yếu tố trong tác phẩm;
- Sơ đồ cấu trúc VB;
- Bảng tổng kết một chương, một học kì;
- Bảng so sánh các đơn vị kiến thức;
- ...

Định hướng cách dạy:

- Sử dụng sơ đồ, biểu bảng khuyết (khuyết nhiều: khó, ít: dễ) kèm theo câu hỏi.
- Cho các nhóm thảo luận, điền vào sơ đồ.
- Cho các nhóm trình bày sơ đồ, chỉnh sửa, đánh giá.
- Cho sơ đồ sai, HS chỉnh sửa, sắp xếp lại (ví dụ: sơ đồ cốt truyện).

5.2. Hình ảnh

Khi sử dụng hình ảnh để dạy học đọc hiểu VB văn học, GV cần chú ý:

- Không lạm dụng hình ảnh vì đặc trưng của văn bản nghệ thuật là tính hình tượng. Chất liệu của văn chương là ngôn từ, có tác dụng phát huy trí tưởng tượng của người đọc.

– Chỉ sử dụng trong trường hợp HS không có kiến thức nền về những đối tượng, sự vật được miêu tả trong VB, ví dụ: hình ảnh hoa gạo (khi đối tượng HS là người miền Nam), hình ảnh hoa bần (khi đối tượng HS là người miền Bắc),...

5.3. Yêu cầu đối với phương tiện trực quan

- Phù hợp với nội dung bài học, yêu cầu cần đạt.
- Có tính khái quát cao: tổng kết, tóm lược được các kiến thức cơ bản (sơ đồ, biểu bảng).
- Thể hiện được mối quan hệ giữa các phần, các yếu tố trong bài học, chương.
- Phân biệt các thông tin chính, phụ bằng màu sắc, kích cỡ của các kiểu hình, kiểu chữ, mũi tên.
- Diễn đạt ngắn gọn bằng các cụm từ, mệnh đề, kí hiệu.
- Cỡ hình, cỡ chữ rõ ràng và đủ lớn.

6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH

6.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục trong giáo dục nói chung, trong môn Ngữ văn nói riêng, nhằm các mục tiêu sau:

- Giúp HS nhận ra những gì mình đã đạt hoặc chưa đạt so với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà chương trình đã đề ra, để giúp HS điều chỉnh việc học và tiến bộ.
- Giúp GV tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động dạy học, từ đó điều chỉnh các hoạt động dạy học nhằm giúp HS đạt chuẩn năng lực.
- Giúp các nhà quản lí và phát triển chương trình nhận ra những điểm tốt/ chưa tốt để điều chỉnh chương trình và cách quản lí, đảm bảo chất lượng giáo dục.

6.2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là các yêu cầu cần đạt về:

- Các phẩm chất chung, được thể hiện qua môn học;
- Các năng lực chung, đặc biệt là năng lực giao tiếp;
- Các năng lực đặc thù mà CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đã đề ra đối với HS mỗi lớp học, cấp học.

6.3. Nội dung đánh giá

Trong môn Ngữ văn, GV đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của HS thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe. Cụ thể là:

6.3.1. Đánh giá hoạt động đọc

Đo lường mức độ HS đạt yêu cầu về đọc hiểu nội dung, chủ đề của VB, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, kiểu VB, thể loại và ngôn ngữ sử dụng; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của VB đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong VB; liên hệ, so sánh giữa các VB và giữa VB với cuộc sống.

6.3.2. Đánh giá hoạt động viết

Đánh giá khả năng tạo lập các kiểu VB: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh,... mà chương trình đã đề ra.

Đánh giá kĩ năng viết dựa vào các tiêu chí, bảng kiểm được xây dựng dựa trên đặc điểm của kiểu bài, bao gồm nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, ngôn ngữ và trình bày,...

6.3.3. Đánh giá hoạt động nói và nghe

Đánh giá khả năng HS nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kĩ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ.

Đánh giá khả năng nắm bắt nội dung do người khác nói, khả năng đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

6.4. Cách thức đánh giá

Có hai hình thức đánh giá: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

6.4.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, thể hiện ở việc HS thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao: trả lời câu hỏi, thực hiện các phiếu học tập, trao đổi trong nhóm, ôn tập cuối bài học. Xem ví dụ dưới đây:

Ví dụ 1: Câu hỏi trong bài *Về đẹp quê hương*:



Suy ngẫm và phản hồi

1. Em hãy chỉ ra cách gieo vần và ngắt nhịp của bốn dòng thơ đầu.
2. Trong văn bản, tác giả tập trung miêu tả những hình ảnh nào tiêu biểu cho đất nước, con người Việt Nam và nói đến những vẻ đẹp nào của quê hương?
3. Tìm và nêu tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc mà tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc quê hương trong bốn dòng thơ đầu.

Ví dụ 2: Câu hỏi ôn tập trong bài *Gia đình thương yêu*

ÔN TẬP

1. Đọc lại ba văn bản *Những cánh bướm*, *Mây và sóng*, *Con là...* và điền thông tin vào bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Nội dung chính	Nhận xét về cách thể hiện tình cảm gia đình qua ba văn bản
<i>Những cánh bướm</i>		
<i>Mây và sóng</i>		
<i>Con là...</i>		

2. Khi đọc một bài thơ chúng ta cần chú ý đến những yếu tố nào về hình thức và nội dung?
3. Các văn bản trong bài học này gợi cho em những suy nghĩ gì về tình cảm gia đình?

6.4.2. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối cấp học) bằng một đề kiểm tra viết.

Cấu trúc của đề kiểm tra viết thường gồm hai phần:

- Phần 1: Đọc và tiếng Việt
- Phần 2: Viết

Đối với đề kiểm tra viết VB văn học, cần hết sức cân nhắc việc sử dụng dạng đề trắc nghiệm, vì VB văn học là một thực thể mở và động, có thể có nhiều cách hiểu. Đối với đọc hiểu VB thông tin, VB nghị luận, kiến thức Tiếng Việt và Làm văn, GV có thể sử dụng câu hỏi trắc nghiệm.

Khi đánh giá kĩ năng đọc của HS, GV cần chọn những VB ngoài SGK nhưng đảm bảo độ dài và cùng thể loại với VB HS đã được học để có thể đánh giá chính xác kĩ năng đọc hiểu VB của HS.

Khi đánh giá kĩ năng viết và nói nghe của HS, GV cần ra những đề mở, nằm trong tầm hiểu biết và quan tâm của HS để HS có đủ tri thức nền và hứng thú làm bài, đồng thời có cơ hội thể hiện cá tính và năng lực sáng tạo.

6.5. Chủ thể tham gia đánh giá

Bên cạnh việc GV đánh giá HS, GV cần hướng dẫn và tạo cơ hội cho HS được tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau thông qua bảng kiểm.

HOÀN NHẬP VÀO MÔI TRƯỜNG MỚI (2 tiết)

(Nói và nghe: 0.5 tiết; Đọc: 0.5 tiết; Viết: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được nội dung cơ bản của sách giáo khoa *Ngữ văn 6*.
- Biết được một số phương pháp học tập môn Ngữ văn.
- Biết lập kế hoạch câu lạc bộ đọc sách.
- Có trách nhiệm với việc học tập của bản thân.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

Đây là bài mở đầu, nhằm mục đích giúp HS làm quen với môi trường học tập mới, làm quen với SGK *Ngữ văn 6* và trang bị cho HS một số phương pháp học tập môn Ngữ văn. Do đó, GV cần tổ chức bài học một cách nhẹ nhàng, cởi mở, khơi gợi được sự thích thú, tò mò khám phá của HS với môi trường mới và môn học mới.

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về tên một số phương pháp học tập môn Ngữ văn, thẻ thông tin, các mẫu phiếu đọc sách.
- Sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học hợp tác như: dạy học bằng trò chơi, kỹ thuật KWL, kỹ thuật nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ để tổ chức các hoạt động trao đổi của HS về môi trường mới và kinh nghiệm học tập bộ môn Ngữ văn.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.
- Sản phẩm học tập môn Ngữ văn: phim, tranh vẽ, thẻ thông tin (nếu có).
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi trong bài đọc thành phiếu học tập cho HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Để khơi gợi tâm thế cho HS vào *Bài mở đầu*, GV có thể tổ chức trò chơi để HS tìm hiểu môi trường, bạn bè, thầy cô, môn học mới. Ví dụ như:

– Ô chữ: *Người ấy là ai?* (hỏi về thầy cô, các cô chú công nhân viên chức nhà trường,...).

– *Đoán ý đồng đội* hoặc *Nhanh như chớp* (các từ khoá có thể là về môn học, thầy cô, bạn bè,...).

Thời gian tổ chức trò chơi ngắn (khoảng 5 phút), đủ để tạo tâm thế hứng khởi vào bài, tránh quá dài gây nhàm chán và xao nhãng.

NÓI VÀ NGHE

1. Mục tiêu dạy học

– Chia sẻ suy nghĩ về môi trường học tập mới, từ đó nhận ra những thuận lợi, thử thách để lên kế hoạch học tập phù hợp.

– Tự tin trước đám đông.

2. Thực hành nói và nghe

GV sử dụng các câu hỏi trong SGK để làm bộ câu hỏi định hướng giúp HS viết ra câu trả lời.

Câu hỏi gợi ý	Ý kiến của em
Em có cảm xúc gì khi bước vào trường Trung học cơ sở?	
Điều gì là thuận lợi với em trong môi trường mới?	
Điều gì là thử thách với em trong môi trường mới?	

– GV có thể sử dụng một số kỹ thuật để giúp HS trình bày ý kiến, ví dụ như thảo luận nhóm đôi (nghĩ – viết – bắt cặp – chia sẻ); động não bằng tờ ghi chú, kỹ thuật những chiếc mũ tư duy;...

– Để khơi gợi HS chia sẻ ý kiến, cũng như gia tăng sự đồng cảm của HS, GV nên làm mẫu, chia sẻ ngắn gọn trải nghiệm (trong quá khứ) của bản thân trong những ngày đầu tiên là HS Trung học cơ sở.

– Quá trình tổ chức hoạt động nói – nghe này nên đi theo trình tự sau: GV làm mẫu; HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân HS chia sẻ trong nhóm lớn hoặc nhóm đôi; GV mời một vài HS lên chia sẻ trước lớp.

ĐỌC VĂN BẢN

VĂN BẢN 1: KHÁM PHÁ MỘT CHẶNG HÀNH TRÌNH

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phân hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phân hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi
Nhận biết được nội dung cơ bản của SGK <i>Ngữ văn 6</i> .	1
Biết được một số phương pháp học tập môn <i>Ngữ văn</i> .	2

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV sử dụng kĩ thuật KWL tổ chức cho HS chia sẻ về *Ngữ văn 6* với hai câu hỏi:

- Em đã biết gì về SGK *Ngữ văn 6*?
- Em mong đợi học được những gì trong SGK *Ngữ văn 6*?

HS chia sẻ cá nhân vào tờ giấy ghi chú, sau đó bắt cặp với bạn bên cạnh để trao đổi thông tin. GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp.

2.2. Trải nghiệm cùng VB

GV mời HS đọc VB.

GV cũng có thể chia VB ra làm hai phần (phần giới thiệu sách và phần giới thiệu một số phương pháp học tập môn *Ngữ văn*) và phân công cho hai HS đọc.

2.3. Suy ngẫm và phân hồi

Trước khi bắt đầu trả lời câu hỏi 1, 2, GV có thể đặt một câu hỏi dẫn dắt nhằm giúp HS tiếp cận với tên cuốn sách: Tên bộ sách *Chân trời sáng tạo* gợi ra cho em suy nghĩ gì hoặc liên tưởng gì?

HS có thể trả lời bằng cách ghi lại hoặc vẽ lại hình dung của bản thân.

Câu hỏi 1:

Mục đích của câu hỏi nhằm giúp HS tiếp cận với 3 mạch kết nối chủ đề là kết nối em với thiên nhiên, kết nối em với cộng đồng, kết nối em với chính mình.

GV có thể tổ chức trò chơi liệt kê nhanh. Chia lớp làm 4 đội, mỗi đội phát một phiếu học tập, đội nào trả lời chính xác nhất và nhanh nhất sẽ chiến thắng.

Mẫu phiếu

Mạch kết nối	Những bài liên quan
Kết nối em với thiên nhiên	
Kết nối em với cộng đồng	
Kết nối em với chính mình	

Câu hỏi 2:

Mục đích của câu hỏi giúp HS tiếp cận với một số phương pháp học tập môn Ngữ văn đã được đề xuất.

GV cho HS bình chọn phương pháp học tập mà em thấy dễ ứng dụng hoặc phù hợp với mình nhất, giải thích được tại sao em lại lựa chọn cách học đó.

GV có thể cho HS xem một số sản phẩm học tập môn Ngữ văn như là sổ tay ngữ văn, video clip, tranh ảnh về bài học, thẻ thông tin, một số sản phẩm sáng tạo,...

VIẾT

1. Mục tiêu dạy học

Lập kế hoạch câu lạc bộ đọc sách.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

– *Khởi động*: GV tổ chức hoạt động khởi động để kích hoạt kiến thức nền của HS về vai trò của việc lập kế hoạch câu lạc bộ đọc sách, những thông tin cơ bản về kế hoạch câu lạc bộ đọc sách.

Ví dụ:

– Vì sao cần lập câu lạc bộ đọc sách?
– Theo em, một kế hoạch câu lạc bộ đọc sách cần có những nội dung gì?
– Một số hoạt động gợi ý: tổ chức trò chơi về việc đọc sách, thảo luận nhanh về các vai trò của việc đọc sách, cho HS xem clip ngắn về lợi ích của việc đọc sách,... Sau đó, GV giải thích ngắn gọn cho HS biết thế nào là câu lạc bộ đọc sách.

– Hướng dẫn HS viết kế hoạch cho câu lạc bộ đọc sách:

+ GV chuẩn bị phiếu học tập cho HS dựa vào mẫu *Kế hoạch hoạt động câu lạc bộ đọc sách* trong SGK. GV chia nhóm, mỗi nhóm 4 HS và hướng dẫn HS viết kế hoạch câu lạc bộ đọc sách theo mẫu.

+ Trong quá trình hướng dẫn HS viết kế hoạch cho câu lạc bộ đọc sách, GV giải thích ngắn gọn về bốn mẫu phiếu đọc sách trong SGK.

Thứ nhất, bài tập trong bốn mẫu phiếu này chính là những hoạt động thường làm khi chúng ta đọc một VB.

Thứ hai, khi tiến hành tổ chức câu lạc bộ đọc sách, các vai này sẽ thay đổi luân phiên giữa các thành viên, để ai cũng thực hiện đủ bốn loại bài tập.

Lưu ý: Mục đích của hoạt động này là hướng dẫn HS viết kế hoạch cho câu lạc bộ đọc sách, nên GV chỉ giới thiệu sơ lược về bốn mẫu phiếu đọc sách, GV sẽ hướng dẫn cụ thể về các hoạt động đọc trong các phiếu học tập này khi tổ chức hoạt động câu lạc bộ đọc sách trong thực tế.

BÀI 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH (14 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết, Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết.
- Nhận biết được nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chính thể tác phẩm và tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB.
- Phân biệt được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); nhận biết được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng trong VB.
- Tóm tắt được nội dung chính của một số VB đơn giản bằng sơ đồ.
- Biết thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Biết giữ gìn, phát huy truyền thống dựng nước, giữ nước; trân trọng các giá trị văn hoá của dân tộc.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

– Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại truyền thuyết, cách tóm tắt VB bằng sơ đồ, thế nào là từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy), nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

– Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến khi dạy đọc VB ở hoạt động *Chuẩn bị đọc*, *Trải nghiệm cùng văn bản* (chia sẻ cảm nhận/ kết quả trả lời một số câu hỏi), *Suy ngẫm và phản hồi*; phân tích kiểu văn bản, thực hiện một số bước của quy trình viết và nói và nghe.

– Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và tri thức tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim về *Thánh Gióng*, *Sơn Tinh*, *Thủy Tinh* (nếu có).
- Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (trong phần *Chuẩn bị đọc*, *Suy ngẫm và phản hồi*) trong SGK thành phiếu học tập.
- Sơ đồ, biểu bảng.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Dựa vào câu hỏi lớn và đoạn mở đầu bài 1 trong SGK, GV có thể:

– Nêu một vài câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về một nhân vật liên quan đến lịch sử từng học ở các lớp cuối bậc Tiểu học, bằng hình ảnh, tư liệu cho thấy một vài sự kiện nhân vật lịch sử đã đi vào tranh, tượng, bài hát, phim ảnh,...

– Yêu cầu HS liệt kê một số truyện dân gian gắn với lịch sử đất nước mà các em đã biết,...

Điều quan trọng là mở ra ở HS một tâm lí tiếp nhận VB: có thể tìm hiểu, nhận thức về lịch sử đất nước qua nhiều “kênh”, nhiều kiểu VB khác nhau. Trong truyện truyền thuyết, yếu tố lịch sử đã được chấp cánh bởi trí tưởng tượng nghệ thuật, thấm vào phong tục, lễ hội truyền thống và được VB hoá, có thể mang lại sức sống riêng, tạo nên những hứng thú riêng trong nhận thức của mỗi người.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Khi hướng dẫn HS tìm hiểu, vận dụng tri thức đọc hiểu GV cần chú ý một số điểm sau:

– Hình thành ở HS ý thức tự trang bị tri thức công cụ trước khi đọc VB theo thể loại (các khái niệm lí luận liên quan đến thể loại truyền thuyết nói riêng, văn bản truyện nói chung). GV cần giúp HS hiểu rằng: nếu không tìm hiểu kĩ mục *Tri thức đọc hiểu* để nắm bắt các khái niệm, nội dung có tính công cụ, thì việc đọc hiểu các VB trong bài học, nhất là việc trả lời các câu hỏi ở mục *Suy ngẫm và phản hồi* (sau khi đọc) sẽ gặp nhiều khó khăn.

– GV không dành quá nhiều thời gian để giảng giải các khái niệm lí luận về thể loại mà tùy đối tượng HS và tình hình trên lớp, có thể gợi ý, hướng dẫn, hỗ trợ HS nắm bắt tri thức. Tập cho HS thói quen tự tra cứu, tìm hiểu khái niệm, trang bị kiến thức nền cho việc đọc.

– Bài *Lắng nghe lịch sử nước mình* là bài học đầu tiên hướng dẫn HS đọc VB truyện, nên tri thức đọc hiểu trong bài học không chỉ gắn với thể loại truyện thuyết mà còn liên quan đến VB truyện nói chung trong các bài khác. Chẳng hạn, muốn hiểu khái niệm *cốt truyện truyền thuyết* thì phải hiểu khái niệm *cốt truyện*; muốn hiểu các khái niệm *nhân vật truyền thuyết*, *người kể chuyện*, *lời người kể chuyện*, *lời nhân vật*,... trong truyện thuyết thì phải hiểu các khái niệm này trong truyện nói chung. Điều đó cho thấy, dạy cách đọc VB truyện thuyết, xét từ mục tiêu bao quát hơn, cũng chính là dạy cách đọc VB truyện nói chung, đặt cơ sở cho việc dạy – học các thể loại khác về sau (truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện lịch sử, truyện khoa học viễn tưởng, truyện trinh thám, truyện đồng thoại, truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện thơ Nôm,...) thuận lợi hơn.

2. Tri thức tiếng Việt

Trong bài học này, HS được hướng dẫn thực hành về hai nội dung: 1) *từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy)*; 2) *ngữ của một số thành ngữ thông dụng*. Các hiện tượng ngôn ngữ này được trích xuất từ 3 VB đọc trong bài học. Các ngữ liệu để xây dựng bài tập thực hành tiếng Việt đều được trích từ các VB đọc nêu trên. HS chỉ có thể thực hành giải quyết được các bài tập khi nắm được những tri thức tiếng Việt liên quan. Tuy vậy, mọi tri thức lí thuyết về tiếng Việt không nên dạy thành bài riêng, mà được kết hợp vào quá trình HS làm các bài tập, đúng với tinh thần “thực hành tiếng Việt”.

Tuy vậy, về phương pháp, khi dạy thực hành tiếng Việt theo *Ngữ văn 6*, GV phải hướng dẫn HS đọc hiểu, khắc ghi các *Tri thức tiếng Việt* liên quan đến các khái niệm *từ đơn*, *từ phức (từ ghép, từ láy)* và *ngữ của một số thành ngữ thông dụng*.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc hiểu thể loại truyện thuyết

Khi dạy bài này, GV cần lưu ý dạy kĩ năng đọc hiểu thể loại truyện thuyết theo cụm VB. Cách thức đọc VB theo một thể loại nào đó, gắn với các mục tiêu đã được xác định, dựa trên việc kết nối nhiều VB và theo nguyên tắc lặp lại. Tức là nhiều VB có đặc điểm tương tự về thể loại sẽ được sử dụng để triển khai một mục tiêu; một số mục tiêu có thể được thực hiện lặp lại trên nhiều VB.

Trọng tâm của bài học là hướng dẫn HS đọc hiểu VB truyện thuyết (*Thánh Gióng*, *Sự tích Hồ Gươm* và đọc mở rộng *Bánh chưng, bánh giầy*). Vì thế, mục tiêu giúp HS *nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật* là mục tiêu hàng đầu, cần được ưu tiên và giải quyết rõ ràng. Tuy nhiên, khi dạy đọc một VB thuộc thể loại truyện thuyết hay VB thuộc bất kì một thể loại

nào khác, GV cũng cần đặc biệt chú ý đến yêu cầu giúp HS:

- Biết quy cách đọc VB cụ thể theo hình mẫu chung của “thể” và hình mẫu chung của “loại”. Theo đó, cần hướng dẫn HS từ việc thực hành đọc hiểu các VB cụ thể (*Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm* và *Bánh chưng, bánh giầy*) mà suy ra cách đọc truyền thuyết (khác với cách đọc cổ tích hay các “thể” truyện khác) và cách đọc hiểu truyện nói chung (khác với cách đọc các “loại” VB thơ, VB kịch, VB kí; khác với cách đọc “loại” VB nghị luận, VB thông tin).

- Biết xem xét các yếu tố, chi tiết trong tính chỉnh thể của VB. Theo đó, cần dạy cho HS khi đọc, phân tích các yếu tố (cốt truyện, nhân vật, lời của người kể chuyện, lời của nhân vật,...) hay các chi tiết của VB truyện, phải luôn luôn biết xem xét chúng trong “tính chỉnh thể của VB”. Tránh tình trạng “xem voi”, tuy thấy “tai”, “vòi”, “chân”, “đuôi”, đủ cả, nhưng thực ra vẫn chưa thực sự thấy “con voi”, ở đây là thấy được mối quan hệ tương tác giữa các bộ phận, yếu tố, chi tiết,... trong việc thể hiện chủ đề, thông điệp nghệ thuật chung.

- Giải thích cho HS hiểu: Qua ngôn ngữ của văn bản, tình cảm, cảm xúc của người viết thường được thể hiện trực tiếp (như trong văn bản thơ) hoặc gián tiếp (như trong văn bản truyện). Người đọc có thể nhận biết tình cảm, cảm xúc này qua cách người viết sử dụng câu văn, hình ảnh, từ ngữ có tính biểu cảm.

- Cách biểu cảm gián tiếp của người viết trong VB truyện (tự sự) nói chung khác với cách biểu cảm trực tiếp trong VB thơ (trữ tình). Theo đó, cần hướng dẫn HS biết tìm kiếm các dấu hiệu gián tiếp nói lên thái độ, tình cảm, cảm xúc của tác giả/người viết trong VB tự sự khác VB trữ tình như thế nào.

2. Kỹ năng dự đoán

Trong bài học này, SGK chú trọng vào kỹ năng như *dự đoán*, vì thế, GV cần lưu ý hướng dẫn HS rèn luyện kỹ năng này. Sau đây là ví dụ về cách hướng dẫn thực hiện nội dung trong khung *Dự đoán*:

- GV giải thích ngắn gọn về kỹ năng *dự đoán* (tham khảo bảng *Hướng dẫn kỹ năng đọc* ở SGK).

- GV hoặc cho HS đọc nhanh một đoạn trong VB (có đánh dấu và có khung câu hỏi tương ứng), nhắc lại câu hỏi kỹ năng đọc nếu cần; GV (hoặc cho HS) nêu ngắn gọn các *dự đoán* theo suy nghĩ, kinh nghiệm đọc của mình cùng lời giải thích ngắn về cách thực hiện.

- GV dành một khoảng thời gian cần và đủ cho HS vừa đọc VB vừa thực hành kỹ năng đọc để hoàn thành khâu *Trải nghiệm cùng VB*. Trong khi HS đọc, GV có thể yêu cầu HS trả lời nhanh một câu hỏi dự đoán,... hoặc quan sát lớp học, nắm bắt các phản hồi trong khi đọc của HS để có những điều chỉnh cho các hoạt động tiếp theo của bài học, cũng như điều chỉnh cách tổ chức hoạt động *Trải nghiệm cùng VB* trong khi đọc đối với các VB tiếp theo của bài học.

– Mời HS đọc một đoạn khác và thực hiện theo cách mà GV đã làm 1 hoặc 2 lần. GV tập trung nhận xét cách HS thực hiện kỹ năng hơn là nội dung câu trả lời của HS.

– Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm đôi kết quả đọc sau khi hoạt động *Trải nghiệm cùng VB* trên lớp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu VB theo nhóm câu hỏi sau khi đọc (mục *Suy ngẫm và phản hồi*).

Việc dạy học kỹ năng đọc như trên, về thực chất chỉ là thao tác có tính “chiến thuật” trong cả một chiến lược đọc nói chung. Chiến lược ấy cần phải được thực hiện dựa trên một quy trình đọc phù hợp. Quy trình này thường theo ba bước: trước khi đọc (*Chuẩn bị đọc*), trong khi đọc (*Trải nghiệm cùng VB*), sau khi đọc (*Suy ngẫm và phản hồi*). Như đã nói, trong 4 VB ngữ liệu thì VB1 (*Thánh Gióng*) và VB2 (*Sự tích Hồ Gươm*) – được xem là hai VB nòng cốt để triển khai các mục tiêu bài học – đã bám sát quy trình ba bước nêu trên. Riêng với VB3 (*Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*), là *VB đọc kết nối chủ điểm*, SGK chỉ nêu 3 câu hỏi gợi ý đọc hiểu ở bước sau khi đọc để HS suy ngẫm và phản hồi. VB4 (*Bánh chưng, bánh giầy*) được đưa vào SGK như một trường hợp tương đương về thể loại và độ dài với các VB đã học (*Thánh Gióng* và *Sự tích Hồ Gươm*). Sách hướng dẫn thực hành đọc hiểu VB này bằng cách đưa ra một số câu hỏi hoặc bảng kiểm. Ở đây, HS tự đọc là chính trên cơ sở được GV hướng dẫn, gợi nhắc HS vận dụng kỹ năng, thao tác đúng theo quy trình đọc đã hình thành khi đọc hai VB trước đó.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: THÁNH GIÓNG

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như cốt truyện [1.a], nhân vật [1.b], lời của người kể chuyện [1.c], lời của nhân vật [1.d]	[1.a]: Câu hỏi 1, 3, 6 [1.b]: Câu hỏi 2, 5 [1.c]: Câu hỏi 2 [1.d]: Câu hỏi 4
Nhận biết được nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính cách thể tác phẩm [2]	[2]: Câu hỏi 4, 6
Nhận biết tình cảm cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB [3]	[3]: Câu hỏi 3, 4, 5
Liên hệ, so sánh, kết nối [4]	[4]: Câu hỏi 6, 7

Ma trận trên cho thấy:

- Một câu hỏi có thể góp phần thực hiện hơn một mục tiêu (ví dụ: câu hỏi 2, 3, 4, 6).
- Mỗi mục tiêu có thể được thực hiện thông qua hơn một câu hỏi (ví dụ: mục tiêu [1] được thực hiện qua câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5, 6; mục tiêu [3] được thực hiện qua câu hỏi 3, 4, 5),...
- Trong các mục tiêu được cài đặt vào hoạt động đọc VB ở bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*, việc thực hiện mục tiêu [2] giúp HS nhận biết được nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chính thể tác phẩm chủ yếu qua các câu hỏi 4, 6 trong ma trận trên. Đây tuy là một yêu cầu không dễ, nhưng rất cần thiết, cần từng bước rèn tập cho HS.

Việc thực hiện mục tiêu qua hệ thống câu hỏi đọc hiểu được xây dựng, sắp xếp (một cách tương đối) theo ba dạng câu hỏi: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng. Chẳng hạn, VB *Thánh Gióng* có 7 câu hỏi, gồm: 3 câu hỏi nhận biết (1, 2, 3); 2 câu hỏi phân tích, suy luận (về sau câu 2, 4, 5); 2 câu hỏi đánh giá, vận dụng (6, 7).

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi/ nhóm nhỏ/ cá nhân để suy nghĩ, trao đổi nhanh với nhau về câu hỏi ở mục *Chuẩn bị đọc*.

Mục đích của câu hỏi 1 là tạo cơ hội để HS tái hiện những ấn tượng, kinh nghiệm quen thuộc về một đứa trẻ ở tuổi lên ba, để nhận ra sự lớn lên kì diệu khác thường của nhân vật Gióng – người được dân gian tôn xưng là “*Thánh*”, “*Thiên Vương*” trong VB.

Câu hỏi 1 có tính “mở”, với câu hỏi 1, HS có thể đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau trên cơ sở phỏng đoán trước khi đọc. Khi HS nêu các phỏng đoán, GV không đánh giá kết quả (đúng/sai, hay/dở,...) mà khuyến khích các em đưa ra ý kiến cụ thể, càng có tính khác biệt càng tốt. GV gợi ý một số mẫu câu để HS có thói quen diễn đạt đúng ngữ pháp (ví dụ mẫu câu: *Em nghĩ việc một cậu bé ba tuổi bỗng trở thành tráng sĩ...*). GV dẫn dắt HS chuyển vào bước *Trải nghiệm cùng VB*.

Trong một số trường hợp, GV có thể chuyển những câu hỏi *Chuẩn bị đọc* thành hoạt động thực hiện ở nhà, nhưng cần hướng dẫn HS cách thức thực hiện; đồng thời, ở khâu này, GV không nên cho HS xem các tranh, phim ảnh minh hoạ ngoài VB đang học vì mục đích hoạt động này là rèn luyện kĩ năng đọc lướt và dự đoán trước khi đọc.

Trước khi thực hiện bước *Trải nghiệm cùng VB*, GV cũng cần nêu câu hỏi nhắc HS lưu ý các khái niệm, kiến thức công cụ trong mục *Tri thức đọc hiểu* và các câu hỏi trong khung liên quan.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Đây là khâu HS thực hiện việc đọc (có thể kết hợp đọc bằng mắt, đọc to/ đọc diễn cảm theo yêu cầu của GV) VB *Thánh Gióng* ở trên lớp. Nhưng đây cũng là khâu GV

hướng dẫn HS thực hành các kĩ năng trong khi đọc (như đã đề cập ở mục 2.2.3), nhằm giúp HS thực hành việc đọc VB có phương pháp và hiệu quả hơn. GV cần hướng dẫn HS tập trung chú ý để đọc VB: huy động nhịp nhàng cả thị giác (đọc, xem ảnh minh hoạ, định dạng VB,...), thính giác (qua đọc diễn cảm); đặc biệt tập trung chú ý để suy luận, liên hệ, kết nối, theo dõi, hình dung,... khi đọc VB. Cũng như vậy, ngay trong bước *Suy ngẫm và phản hồi*, nhiều câu hỏi nhận biết giữ vai trò chuẩn bị cho câu hỏi phân tích, suy luận hoặc câu hỏi đánh giá, vận dụng. Vì vậy, GV cần nhận rõ và chủ động khai thác mạch kết nối, logic của các hoạt động đọc hiểu dựa trên tri thức đọc hiểu cũng như hệ thống câu hỏi trong suốt phần Đọc.

Một số lưu ý về cách thức tổ chức hoạt động *Trải nghiệm cùng VB* đối với VB *Thánh Gióng*:

– Hướng dẫn HS đọc thầm, đọc to và diễn cảm (một số đoạn) VB *Thánh Gióng*, GV nên đọc mẫu một vài đoạn cần đến sự thị phạm. Chẳng hạn: GV thị phạm về cách đọc sao cho có sự phân biệt rõ lời của người kể chuyện và lời của nhân vật, thị phạm cách “diễn cảm” về đoạn Thánh Gióng lớn nhanh như thổi với cái vươn vai kì diệu của Thánh Gióng, hoặc đoạn thể hiện sức mạnh phi thường của Thánh Gióng khi xung trận truy quét giặc Ân,... GV nhận xét ngắn gọn về việc đọc trước lớp của HS: mức độ đọc trôi chảy, độ to, rõ (sự phù hợp về tốc độ đọc, phân biệt được lời người kể chuyện với lời của nhân vật,...); khả năng diễn cảm (phân biệt và thể hiện được giọng điệu của các nhân vật, mức độ biểu cảm trong khi đọc,...). Đây là giai đoạn tạo nền tảng, cơ sở để tổ chức hướng dẫn HS giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB ở giai đoạn sau. Vì vậy, ngay cả khi GV đã giao nhiệm vụ cho HS đọc trước VB ở nhà, thì khi tổ chức các hoạt động đọc trên lớp, vẫn cần thực hiện bước này, vẫn phải dành thời gian để HS tập trung đọc thầm, đọc diễn cảm, vừa đọc vừa luyện tập kĩ năng theo các khung câu hỏi.

– GV nhắc HS dừng đọc một vài phút để suy ngẫm, tự trả lời câu hỏi trong khung khi gặp những kí hiệu như ●. GV kiểm tra kĩ năng đọc VB của HS bằng nhiều cách, chẳng hạn: yêu cầu HS trả lời nhanh một số câu hỏi (dự đoán, suy luận) hoặc chia sẻ cảm xúc, ấn tượng chung về VB ở một vài thời điểm đọc cụ thể,...

– GV cũng cần theo dõi về tốc độ đọc, khả năng nắm bắt thông tin trong khi đọc của HS. Đối với những HS đọc chậm phải giúp các con khắc phục tình trạng đọc dò từng chữ, tập cách mở rộng tầm mắt bao quát mặt chữ trên VB (đọc cả cụm 5 – 7 chữ), hình thành kĩ năng đọc lướt, đọc quét,...

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* thường có sự kết nối nhất định với các câu hỏi rèn luyện kĩ năng đọc trong giai đoạn *Trải nghiệm cùng VB* cũng như các câu hỏi có tính khởi động ở bước *Chuẩn bị đọc*. Một số yêu cầu trong các câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* (kể cả câu hỏi nhận biết, phân tích, suy luận, đánh giá, vận dụng) đã được ngầm chuẩn bị qua các câu hỏi ở các bước *Trải nghiệm cùng VB* và bước *Chuẩn bị đọc*.

Câu hỏi 1: GV có thể hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của câu hỏi này, theo các bước sau:

– Kẻ vào vở mẫu bảng để thực hiện việc liệt kê chi tiết kì ảo gắn với các sự kiện *ra đời, lớn lên, ra trận và chiến thắng, bay về trời* của nhân vật Thánh Gióng.

– Xác định các đoạn của VB tương ứng với các sự kiện *ra đời, lớn lên, ra trận và chiến thắng, bay về trời* của nhân vật Thánh Gióng.

– Tìm và liệt kê chi tiết kì ảo xuất hiện theo diễn biến của các loại sự kiện nêu trên.

Các chi tiết kì ảo phong phú, không yêu cầu HS liệt kê hết, nhưng yêu cầu liệt kê đúng chi tiết và đúng với sự kiện.

Dưới đây là gợi ý câu trả lời:

TT	Các sự kiện chính	Chi tiết kì ảo
a	Thánh Gióng <i>ra đời</i>	Ví dụ: Người mẹ “ướm” chân mình vào vết chân lạ và “thụ thai”.
b	Thánh Gióng <i>lớn lên</i>	Ví dụ: Chỉ sau một cái “vươn vai”, “cậu bé” đã trở thành thành “tráng sĩ” cao lớn dị thường.
c	Thánh Gióng <i>ra trận và chiến thắng</i>	Ví dụ: Ngựa sắt của Thánh Gióng “phun lửa” vào lũ giặc.
d	Thánh Gióng <i>bay về trời</i>	Ví dụ: Cả người và ngựa bay lên trời.

Câu hỏi 2: GV hướng dẫn HS nhận ra cách phân biệt *lời của người kể chuyện* và *lời của nhân vật* (ví dụ: trong VB truyện, lời của nhân vật thường được đánh dấu bằng dấu hai chấm đầu qua dòng, gạch đầu dòng hoặc bằng dấu hai chấm và mở đóng ngoặc kép,...). GV dẫn câu có hai thành phần lời văn: “Đứa bé nghe tin, bỗng dưng cất tiếng nói: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sau đó, GV yêu cầu một số HS trả lời câu hỏi 2 và đưa ra căn cứ nhận biết. Gợi ý trả lời:

– Câu Thánh Gióng nói với mẹ (xem VB *Thánh Gióng*).

– Câu Thánh Gióng nói với sứ giả (xem VB *Thánh Gióng*).

– Câu “Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua” là lời của người kể chuyện.

GV gợi ý để HS biết phân tích, suy luận theo yêu cầu thứ hai của câu hỏi. Từ đó tìm được câu trả lời đúng, chẳng hạn: sứ giả “kinh ngạc” trước sự lạ: lời nói tình nguyện đánh giặc cứu nước lại là của một cậu bé mới lên ba; “mừng rỡ” vì đã tìm được người cứu nước, hoàn thành việc vua giao.

Câu hỏi 3: Câu hỏi này yêu cầu HS khảo sát cách xưng gọi nhân vật để nhận ra sự thay đổi về khoảng cách, thái độ của tác giả đối với nhân vật Thánh Gióng qua lời người kể chuyện. (Việc liệt kê này nhằm chuẩn bị cho việc trả lời câu hỏi 4: nhận xét về tác dụng của sự thay đổi ấy).

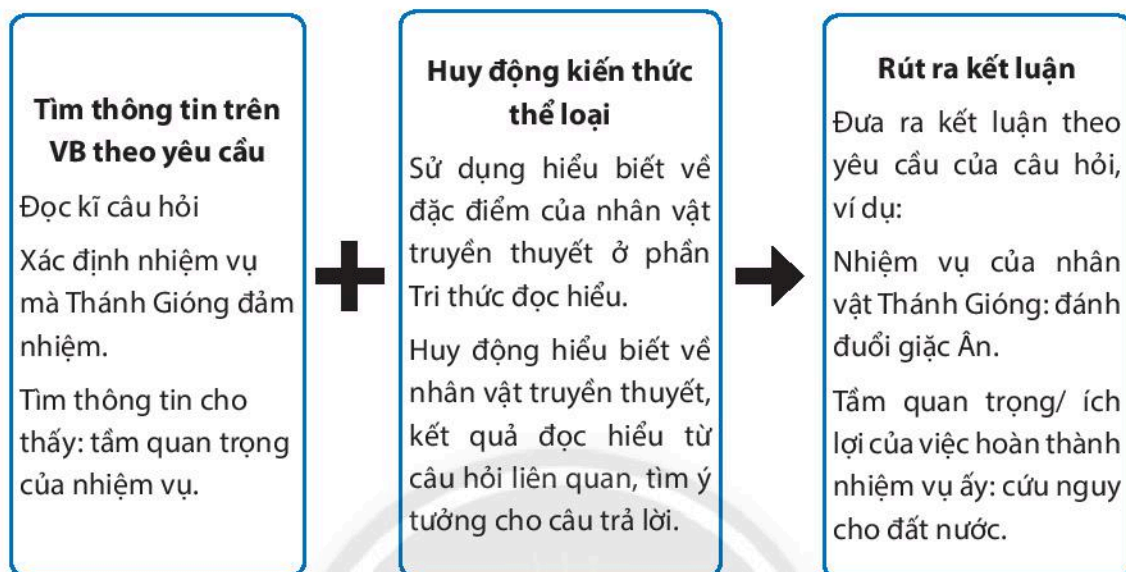
Với câu này, GV nên thực hiện các bước sau:

- HS kẻ mẫu bảng liệt kê vào vở chuẩn bị thực hiện việc khảo sát từ ngữ;
- GV giải thích (hoặc cho HS thảo luận nhóm) để các em hiểu rằng: các từ ngữ để nói đến nhân vật – người ở ngôi thứ ba – trong truyện kể thường là đại từ (*anh ta, cô ấy, hắn, ...*), nhưng cũng có thể là danh từ chỉ người (*chàng, Nam, đức vua, công chúa, thần, dũng sĩ, tác giả, ...*).
- HS khảo sát hai phần VB (trước và sau sự việc Thánh Gióng “vươn vai”) để điền từ ngữ vào mẫu thông kê. Gợi ý trả lời:

Trước khi Thánh Gióng ra trận đánh đuổi giặc Ân	Trong và sau khi Thánh Gióng ra trận đánh đuổi giặc Ân
cậu bé đứa trẻ chú bé ...	Tráng sĩ Phù Đổng Thiên Vương Thánh Gióng
	Thể hiện tình cảm, cảm xúc...?

Các câu hỏi 4, 5, 6, 7 yêu cầu HS phải có khả năng phân tích, suy luận. GV cần tìm cách gợi mở, tạo không khí thoải mái để HS độc lập suy nghĩ, hào hứng, tự tin trao đổi, thảo luận trong nhóm, chia sẻ cách hiểu, cách nhìn vấn đề của chính mình. Qua đó, cần giúp HS hiểu rằng: cùng một chi tiết, từ ngữ trong VB, mỗi người đọc có thể có những suy luận, phân tích riêng. Đó là vì ngôn từ trong VB văn học vốn đa nghĩa và mỗi người đọc lại có thể kiến tạo nghĩa cho VB dựa trên tri thức nền và những trải nghiệm riêng của mình. Điều quan trọng là khi đưa ra cách hiểu nào đó, HS phải lập luận, chứng minh được rằng cách hiểu ấy có căn cứ đáng tin cậy từ các chi tiết, hình ảnh trong VB. Qua thảo luận, trao đổi, HS biết chia sẻ cách nhìn, cách hiểu của mình, nhận được sự chia sẻ cách nhìn, cách hiểu của nhiều bạn khác; qua đó học được cách nhìn vấn đề từ nhiều góc độ, học được kĩ năng giao tiếp, kĩ năng hợp tác, cách tôn trọng những ý kiến khác biệt. Với nhóm câu hỏi này, GV cần hướng dẫn HS cách huy động tri thức nền, kinh nghiệm đọc của bản thân để tìm kiếm, thu thập, kết nối các thông tin nằm rải rác trong VB, suy

luận về những điều tác giả không trực tiếp nói ra trong VB,... để đưa ra câu trả lời. Con đường để HS giải quyết một câu hỏi phân tích, suy luận thường là: tìm thông tin trên VB và huy động tri thức nền về thể loại và cuộc sống để rút ra kết luận. Có thể sơ đồ hoá quá trình trên như sau:



Câu hỏi 4:

GV có thể hướng dẫn HS lần lượt trả lời theo 2 bước:

– Nhận xét, so sánh về sắc thái khác biệt của các từ xưng gọi đã được liệt kê ở cột thứ nhất (*cậu bé, đứa trẻ, chú bé,...*) và cột thứ hai (*tráng sĩ, Phù Đổng Thiên Vương, Thánh Gióng*). Kết luận có thể được ghi vào mẫu bảng như sau:

Trước khi Thánh Gióng ra trận đánh đuổi giặc Ân	Trong và sau khi Thánh Gióng ra trận đánh đuổi giặc Ân
<i>cậu bé</i> : ? lần <i>đứa trẻ</i> : ? lần <i>chú bé</i> : ? lần	<i>tráng sĩ</i> : ? lần <i>Phù Đổng Thiên Vương</i> : ? lần <i>Thánh Gióng</i> : ? lần
Thể hiện tình cảm, cảm xúc...? Sự thân mật, triu mến	Thể hiện tình cảm, cảm xúc...? Niềm tôn quý, ngợi ca,...

– Đếm trong VB số lượt xuất hiện của mỗi từ ngữ để nhận ra, từ “tráng sĩ” ở nhóm thứ hai có số lượt sử dụng cao nhất: 7 lượt.

GV yêu cầu HS nhận xét về tác dụng của sự lặp lại này. Mục đích của hoạt động không phải để GV đánh giá HS nhận thức đúng hay sai, mà để tạo cơ hội cho các em luyện tập cách nhận xét, đánh giá cách sử dụng ngôn từ trong giao tiếp và trong VB văn học.

Mỗi HS có thể đưa ra kết luận riêng, chẳng hạn: cách xưng gọi này nhằm thể hiện đúng tình cảm trân trọng đối với người anh hùng chiến trận; thể hiện sự tôn vinh; nhằm nhắc nhở sự vươn lên: trẻ em, người nhỏ bé muốn đảm nhiệm việc cứu nước lớn lao phải có tầm vóc, tư thế xứng đáng,....

GV lưu ý HS cần quan tâm đến căn cứ hay tính hợp lí của các nhận xét, đánh giá: sự tương phản, thay đổi bất ngờ từ “cậu bé”, “đứa trẻ”, “chú bé” sang “tráng sĩ”. Từ đó dành sự khích lệ nhiều hơn đối với các ý kiến cho rằng: cách dùng từ “tráng sĩ” khá bất ngờ và dày đặc ở nửa sau của truyện kể, nhằm thể hiện niềm trân trọng, ngưỡng mộ, tin yêu của người kể chuyện đối với sức mạnh kì diệu (vô địch), hành động cao đẹp (xả thân cứu nước) của người anh hùng làng Gióng, như một biểu tượng cho sức trẻ Việt Nam.

Câu hỏi 5: Hướng dẫn HS tìm ra hai ý:

- Nhiệm vụ mà Thánh Gióng đảm nhận là đánh giặc Ân cứu nước.
- Tầm quan trọng: cứu nguy cho đất nước.

GV cần khuyến khích HS diễn đạt theo cách hiểu riêng của mình. HS có thể trả lời: nhiệm vụ này quan trọng ở chỗ đánh đuổi ngoại xâm, giữ gìn độc lập cho đất nước, tránh cho dân ta phải sống cảnh nô lệ lầm than,...

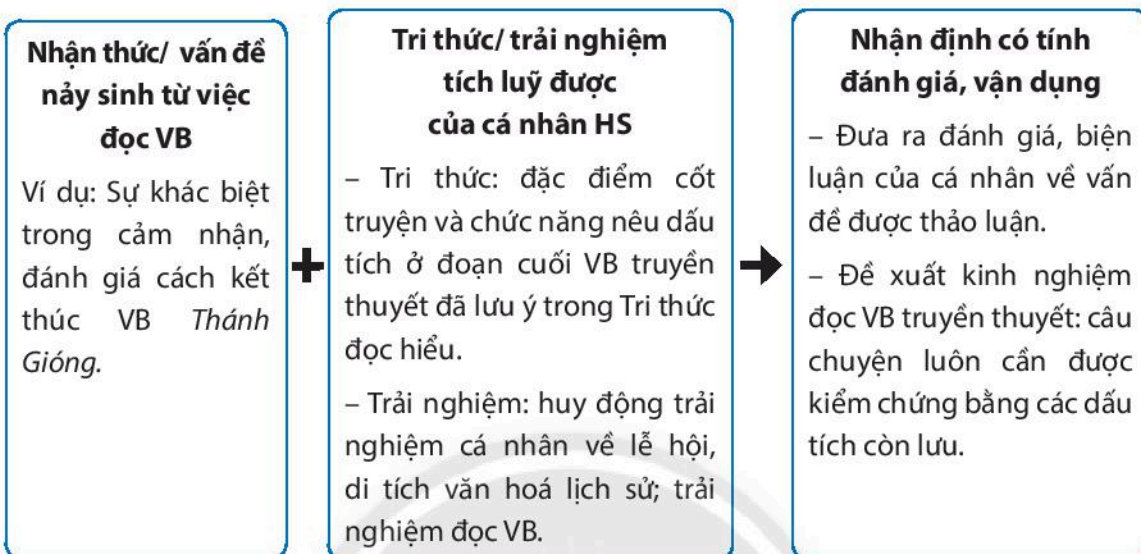
Lưu ý: không chỉ là yêu cầu HS nhận xét, phân tích nhiệm vụ của nhân vật Thánh Gióng mà quan trọng hơn là hướng đến những nhận thức khái quát về đặc điểm của nhân vật truyền thuyết, cách đọc hiểu nhân vật truyền thuyết. Vì thế, trước khi HS trả lời câu hỏi này, GV cần nhắc HS không chỉ bám sát VB tìm ra nhiệm vụ lớn lao quan trọng của nhân vật Thánh Gióng (đánh đuổi giặc Ân, cứu nguy cho đất nước,...) mà còn đối chiếu với đặc điểm của nhân vật truyền thuyết nói chung để thấy nhân vật Thánh Gióng hội đủ đặc điểm nhân vật truyền thuyết, và rộng hơn, truyện *Thánh Gióng* hội đủ đặc điểm của thể loại truyền thuyết.

Nhóm câu hỏi 6, 7 được thiết kế theo hướng mở để mỗi HS, với tri thức nền và với quan điểm cá nhân của mình, có thể có những so sánh, liên hệ, vận dụng. Vì thế, GV nên:

- Tạo cơ hội cho HS tự do trình bày những suy nghĩ, đánh giá về VB.
- Hướng dẫn HS liên hệ VB với kinh nghiệm và kiến thức nền của chính các em, với các VB khác và với cuộc sống để hiểu VB, hiểu những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên, hiểu bản thân và nêu được bài học của cá nhân do VB gợi ra.
- Tổ chức cho HS trao đổi, trình bày theo nhóm (nếu nội dung câu hỏi liên kết theo vấn đề với nhóm câu hỏi phân tích, suy luận và số lượng câu hỏi nhiều) hoặc trả lời cá nhân (nếu số lượng câu hỏi ít và GV muốn kiểm tra, đánh giá khả năng vận dụng, giải quyết vấn đề của HS). Nếu HS có những ý kiến đánh giá khác về VB, GV có thể tổ chức cho HS tranh luận với yêu cầu khi tranh luận phải có lập luận chắc chắn, hợp lí.
- GV có thể thiết kế thêm câu hỏi hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn trong việc tìm câu trả lời. Tuy nhiên, câu hỏi hỗ trợ do GV thiết kế không nên để lộ nội dung trả lời mà GV

muốn HS hướng đến và hạn chế diễn đạt câu hỏi theo hình thức [có...không]. Vì như thế sẽ không khích lệ được HS tư duy độc lập.

Câu hỏi 6: Hướng dẫn HS cách đánh giá, vận dụng về những đặc điểm của cốt truyện truyền thuyết qua VB *Thánh Gióng* theo sơ đồ sau:



Câu hỏi 6 là câu hỏi nêu vấn đề để HS có cơ hội thực hiện các lập luận bác bỏ/ khẳng định từ góc nhìn của chính mình. Tri thức đọc hiểu đã nêu rõ một trong những dấu hiệu của cốt truyện truyền thuyết là “Các sự kiện còn lưu lại những dấu tích và thường được nhắc đến ở cuối truyện”. HS có thể dựa vào đặc điểm này, bổ sung thêm quan niệm, trải nghiệm riêng về tính “hấp dẫn” của truyện để đưa ra ý kiến đánh giá mà mình cho là phù hợp. Một lập luận (bác bỏ) được xem là thuyết phục cần có sự kết hợp hai nội dung trên. Chẳng hạn:

- Không thể lược bỏ đoạn cuối vì đó là yêu cầu của cốt truyện, VB truyền thuyết.
- Khi đánh giá sự cần thiết của chi tiết, bộ phận, nội dung của VB, không thể chỉ căn cứ vào tính “hấp dẫn” của chúng, tất cả cần được xem xét trong “tính chỉnh thể của VB” truyền thuyết.

Câu hỏi 7: Khi hướng dẫn HS trả lời dạng câu hỏi này, ngoài việc tham khảo sơ đồ thao tác nêu trên, GV cần lưu ý đến khả năng khái quát hoá vấn đề (nhất là khái quát, tổng hợp vấn đề từ các thu hoạch cụ thể trong quá trình đọc hiểu VB *Thánh Gióng* trên lớp) cũng như cách diễn đạt của HS khi thảo luận, trình bày ý kiến, nhận thức của mình.

VĂN BẢN 2: SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi suy ngẫm và phản hồi của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện [1.a] nhân vật [1.b], lời người kể chuyện [1.c] và lời nhân vật [1.d]	[1.a]: Câu hỏi 1 [1.b]: Câu hỏi 4 [1.c]: Câu hỏi 5 [1.d]: Câu hỏi 5
Nhận biết nhân vật [2.a], các chi tiết [2.b] tiêu biểu trong tính chỉnh thể tác phẩm	[2.a]: Câu hỏi 3 [2.b]: Câu hỏi 2, 4, 5
Nhận biết tình cảm cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB [3]	[3]: Câu hỏi 5
Liên hệ, so sánh, kết nối [4]	[4]: Câu hỏi 6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Hoạt động chuẩn bị đọc bao gồm việc gợi nhắc lại một số nội dung trong tri thức đọc hiểu cùng những hiểu biết về đặc điểm truyền thuyết và cách đọc truyền thuyết qua cốt truyện, nhân vật, về tính chỉnh thể, về tình cảm cảm xúc của người viết qua ngôn ngữ,... sau khi học VB *Thánh Gióng*.

GV có thể khởi động chuẩn bị tâm thế đọc bằng câu hỏi “chuẩn bị đọc” trong SGK (chia sẻ hiểu biết của bản thân về Hồ Gươm ở Hà Nội).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB hoặc GV có thể đọc đan xen với một vài cá nhân HS.

Yêu cầu HS tự trả lời bằng cách viết ra giấy. Sau khi HS hoàn thành việc đọc trực tiếp, GV có thể mời một vài HS chia sẻ câu trả lời để vừa kiểm tra nhanh kết quả đọc trực tiếp, vừa kiểm tra kết quả sử dụng kĩ năng suy luận của HS.

GV tiếp tục theo dõi về tốc độ đọc, khả năng nắm bắt thông tin trong khi đọc của HS. Đối với những HS đọc chậm phải giúp các em khắc phục tình trạng đọc dò từng chữ, tập cách mở rộng tầm mắt bao quát mặt chữ trên VB (đọc cả cụm 5 – 7 chữ), hình thành kĩ năng đọc lướt, đọc quét,...

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Câu hỏi 1: Hướng dẫn HS vận dụng hiểu biết về “yếu tố kì ảo trong truyền thuyết” để trả lời theo hai yêu cầu của câu hỏi:

– Gọi thanh gươm trong truyện là “gươm thần” vì nó là gươm của thần (Đức Long Quân) cho mượn và có nhiều biểu hiện thần kì qua hàng loạt chi tiết khác thường, kì ảo (...).

– Đặc điểm nổi bật của truyện thuyết là cốt truyện thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện sức mạnh, tài năng của nhân vật anh hùng lịch sử hay phép thuật của thần linh.

Từ đó, GV hướng dẫn HS cách đọc truyện thuyết: tìm hiểu tác dụng của yếu tố kì ảo trong việc thể hiện sức mạnh, tài năng của nhân vật anh hùng lịch sử hay phép thuật của thần linh.

Câu hỏi 2

GV hướng dẫn HS điền thông tin về thời gian, không gian vào các ô phù hợp:

Sự việc	Thời gian	Không gian
Cho mượn gươm thần	Buổi đầu khởi nghĩa, khó khăn chống chất.	Vùng núi rừng Thanh Hoá xa xôi, hiểm trở.
Lấy lại gươm thần	Khi đã đánh đuổi quân Minh ra khỏi bờ cõi, nước nhà trở lại cuộc sống hoà bình.	Hồ Tả Vọng tại kinh thành Thăng Long (sau đổi tên là Hồ Gươm/ hồ Hoàn Kiếm).

GV có thể yêu cầu HS khá, giỏi nhận xét so sánh về “bối cảnh” (không gian, thời gian) cho thấy việc “Thần” cho Lê Lợi mượn gươm hay đòi lại gươm là rất đúng lúc, hợp lí và giải thích về sự đúng lúc, hợp lí ấy.

Câu hỏi 3: GV có thể hướng dẫn HS giải quyết yêu cầu của câu hỏi này theo các bước sau:

– Cho HS nhắc lại các chi tiết về thời khắc, địa điểm Lê Thận tìm được lưỡi gươm, thời gian, địa điểm Lê Lợi tìm thấy chuôi gươm (lưu ý chi tiết về hai chữ “Thuận Thiên” trên lưỡi gươm, ánh sáng lạ phát ra từ chuôi gươm nạm ngọc trên ngọn đá,...). Đó là các chi tiết: lưỡi gươm (tìm thấy trước) có hai chữ “Thuận Thiên”, do một ngư dân tìm thấy “dưới nước” vùng sông biển; chuôi gươm (tìm thấy sau) nạm ngọc phát sáng, do chủ tướng Lê Lợi tìm thấy “trên cây đa”, vùng rừng núi.

– Giải thích: nhiều chi tiết cho thấy có sự sắp đặt của Thần linh (Đức Long Quân), hay chính là sắp đặt của tác giả truyện thuyết.

GV có thể thiết kế thêm các câu hỏi sau để tìm hiểu cách sắp xếp, dụng ý của cách sắp xếp chi tiết, sự việc. Ví dụ:

– Việc tách rời lưỡi gươm và chuôi gươm của Long Quân có ý nghĩa gì? Nếu Đức Long Quân cho Lê Lợi và nghĩa quân mượn trong một lần cả lưỡi gươm lẫn chuôi gươm thì ý nghĩa của sự việc có gì thay đổi hay khác biệt không? Hãy thảo luận về điều này.

– Địa điểm nhận được lưỡi gươm và chuôi gươm có ý nghĩa biểu tượng gì không? Việc gắn chuôi gươm và lưỡi gươm vừa vặn có ý nghĩa gì? Cách cho mượn gươm có ý nhắc nhở gì?

Lưu ý: Cũng như câu hỏi 5 VB *Thánh Gióng* trên đây, câu hỏi này không chỉ yêu cầu HS tìm ra câu trả lời về dụng ý của một cách sắp đặt sự việc cụ thể mà còn hình thành ở HS ý thức, thói quen khi đọc truyện, phải lưu ý tìm ra đặc điểm, dụng ý riêng của mỗi cách sắp đặt mang tính nghệ thuật.

Câu hỏi 4: GV có thể gợi ý HS thảo luận để nhận ra:

– Nhan đề *Sự tích Hồ Gươm* đúng là gắn với việc trả gươm của Lê Lợi. Tên truyện và cách kể, giải thích về sự tích đổi tên Tả Vọng thành Hồ Gươm là rất sâu sắc, thể hiện sự tự hào về truyền thống, lịch sử dân tộc.

– Truyện này thực ra không chỉ có chuyện trả gươm mà còn có nhiều sự việc, hành động xảy ra trước đó với những dụng ý sâu sắc: việc cho mượn gươm và trợ giúp của Thần linh vì cứu nước là chính nghĩa “thuận thiên”, thể hiện sức mạnh đoàn kết, tập hợp toàn dân đánh giặc mang lại cuộc sống thanh bình; ca ngợi tài năng phẩm chất của Lê Lợi; thể hiện lòng yêu chuộng, ý thức gìn giữ hoà bình;...

Câu hỏi 5: Ý thứ nhất của câu hỏi này không khó, nhưng GV vẫn cần có gợi ý cụ thể giúp nhiều HS có thể trả lời. Để không mất nhiều thời gian, GV hướng dẫn HS cần tập trung vào cách Lê Thận gọi Lê Lợi là “minh công”, người được trời phò cho gươm thần để “làm việc lớn”; cách Rùa Vàng gọi Lê Lợi là “bệ hạ” khi đòi gươm.

Ý thứ hai của câu hỏi 5 khó hơn: nhận biết thái độ, cảm xúc của người kể chuyện (cũng chính là tác giả dân gian) với những thay đổi qua lời kể về Lê Lợi và nghĩa quân. Chỉ nên yêu cầu HS nêu ra được sự khác biệt giữa đoạn kể về buổi đầu khởi nghĩa khó khăn và đoạn kể về khí thế của nghĩa quân. Chẳng hạn, so sánh để thấy sự khác biệt trong cách thể hiện thái độ, cảm xúc giữa hai chi tiết:

– “Một hôm, bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng phải rút lui mỗi người một ngã.”

– “Từ đó khí thế của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành khắp các trận địa, làm cho quân Minh bạt vía.”

Câu 6: Yêu cầu HS vận dụng tri thức đọc hiểu về đặc điểm truyền thuyết trên hai bình diện: đặc điểm cốt truyện truyền thuyết và đặc điểm nhân vật truyền thuyết. Với mỗi đặc điểm chung của truyền thuyết về cốt truyện hay nhân vật, cần đối chiếu với các biểu hiện cụ thể trong *Sự tích Hồ Gươm*.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: HỘI THOẠI CƠM THI Ở ĐỒNG VĂN

1. Yêu cầu cần đạt

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài viết.

– Liên hệ, kết nối với VB *Thánh Gióng*, *Sự tích Hồ Gươm* để hiểu hơn về chủ điểm *Lắng nghe lịch sử nước mình*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

Đây là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện lễ hội được đưa vào bài học nhằm kết nối với các VB trước đó chủ yếu theo mạch nội dung chủ đề. Do vậy, khi dạy bài này, GV nên tập trung giúp HS hình thành được kĩ năng đọc hiểu nội dung của VB và liên hệ, so sánh, kết nối khi đọc VB. Về quy trình đọc, ở đây chỉ tập trung vào bước *Suy ngẫm và phản hồi*.

Trước khi đọc VB, GV nên giới thiệu ngắn gọn về kiểu VB và VB *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*, lưu ý nhấn mạnh tính kết nối về mặt chủ điểm của VB này.

Câu hỏi 1: Nhắc HS đọc nhanh VB một lần nữa để tìm các thông tin liên quan đến mục đích, nguồn gốc của sự kiện. GV lưu ý HS dừng lại ở hai đoạn cuối VB, chú ý đặc biệt đến hai câu:

“Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân là sinh hoạt văn hoá cổ truyền được bắt nguồn từ các cuộc truy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa.” (...)

“Với những nét đặc sắc của mình, hội thổi cơm thi Đồng Vân đã góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hoá hiện đại hôm nay.”

Nhắc HS giải thích một số từ ngữ như “truy quân”, “cổ truyền”.

Câu hỏi 2: GV hướng dẫn HS đọc kĩ phần VB tường thuật diễn biến của cuộc thi, tìm các chi tiết phù hợp với mỗi công đoạn và điền vào phiếu học tập sau:

	Các công đoạn, hạng mục	Quy định (luật lệ cuộc thi)
1	Lấy lửa, chuyển lửa, nhóm lửa	
2	Chế biến gạo	Xay giã giần sàng từ lúa thành gạo trắng
3	Đun nấu làm chín cơm	
4	Thời gian	Trong khoảng một giờ rưỡi
5	Chất lượng	Gạo trắng, cơm dẻo, không cháy

Về yêu cầu liên hệ nhận xét về hội thi và vẻ đẹp của con người Việt Nam, HS có thể nêu câu trả lời:

- Ý nghĩa văn hoá, giải trí, rèn luyện sức khoẻ của hội thi.
- Vẻ đẹp con của con người Việt Nam: khéo léo, sáng tạo, tháo vát, phối hợp trong nhóm, ứng biến nhanh, ý thức cộng đồng.

Câu hỏi 3: GV gợi ý để HS thấy được lễ hội truyền thống có tác dụng bồi dưỡng tình cảm, ý thức về quê hương, dân tộc, mở mang hiểu biết nhiều mặt cho bản thân (về truyền thống văn hoá dân tộc, vẻ đẹp của con người Việt Nam,...).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

- Phân biệt được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy);
- Nhận biết được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng trong VB.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

(Xem mục *Tìm hiểu tri thức Ngữ văn*)

3. Thực hành tiếng Việt

Trên nền tảng tri thức đó, GV tổ chức cho HS thực hành, vận dụng lí thuyết vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc sử dụng từ đơn, từ ghép, từ láy và nghĩa của các thành ngữ thông dụng đã xuất hiện trong các VB đọc hiểu trước đó, thông qua việc thực hiện các bài tập.

Bài tập 1: Trước khi thực hiện bài tập, GV nên cho HS nhắc lại khái niệm từ đơn và từ phức (mục *Tri thức tiếng Việt*). GV có thể lấy ví dụ (ngoài ngữ liệu bài tập) minh hoạ từ đơn và từ phức.

Bài tập 2: Đoạn văn trong *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân* có nhiều từ phức (dạng từ ghép và từ láy). Bài tập này có thể hướng dẫn thực hiện theo các bước sau:

- Cho HS nhắc lại khái niệm từ ghép và từ láy (xem mục *Tri thức tiếng Việt*), lưu ý HS cách nhận biết và phân biệt từ một vài ví dụ so sánh.
- HS thực hiện bài tập theo nhóm và báo cáo kết quả.

HS có thể liệt kê từ ghép, từ láy như:

Từ ghép: *dự thi, giần sàng, thổi cơm, cánh cung, dây lưng, ...*

Từ láy: *nhỏ nhỏ, khéo léo.*

Bài tập 3: Bài tập yêu cầu HS tạo từ ghép từ các tiếng trong đề bài (tạo được tối thiểu 2 từ ghép với mỗi tiếng). Trước khi HS tạo từ ghép, GV nên hướng dẫn HS hai cách tạo ra từ ghép: a. ghép thêm tiếng “ngang bằng” vào tiếng gốc, ví dụ: *ngựa xe* (ghép đẳng lập); b. ghép thêm một tiếng “không ngang bằng” với tiếng gốc, ví dụ: *ngựa ô*.

Lưu ý rằng bài thực hành tiếng Việt này không yêu cầu phân biệt từ ghép đẳng lập với từ ghép chính phụ, nên GV tránh sa đà vào phân biệt, giải thích về hai dạng từ ghép này.

HS không nhất thiết phải tạo ra cả hai dạng từ ghép. Tuy vậy, trong trường hợp HS tạo ra được cả từ ghép đẳng lập lẫn từ ghép chính phụ từ tiếng gốc, thì GV cũng nên khích lệ.

Bài tập 4: Bài tập yêu cầu HS tạo từ láy từ các tiếng trong đề bài: yêu cầu HS tạo được tối thiểu 2 từ láy với mỗi tiếng.

Trước khi HS tạo từ láy, GV nên hướng dẫn HS một lần nữa phân biệt từ láy với từ ghép. GV nhắc HS cần lưu ý: từ láy được tạo ra thường thay đổi theo chiều hướng “tăng hay giảm” về mức độ, tính chất, sắc thái nghĩa so với tiếng gốc (minh hoạ, so sánh bằng vài ví dụ cụ thể). Điều này để biết cách sử dụng từ láy một cách phù hợp, tinh tế trong nói và viết.

Bài tập này không yêu cầu phân biệt từ láy tượng hình, tượng thanh; láy phụ âm đầu, láy vần, láy hoàn toàn,... Vì thế, GV tránh sa đà vào phân biệt, giải thích về các kiểu từ láy vốn rất đa dạng này. Tuy vậy, trong trường hợp HS tạo ra được nhiều dạng từ láy từ tiếng gốc thì GV cũng nên khích lệ.

Với bài tập 3 và 4, GV cũng có thể hướng dẫn HS thực hành theo kiểu trò chơi “ai nhanh hơn” để khích lệ HS tạo từ ghép từ láy từ tiếng gốc nhanh hơn và nhiều hơn.

Bài tập 5: Hướng dẫn HS cách hiểu từ láy “thoăn thoắt”: một từ láy (tượng hình) gợi nhịp độ mau lẹ, đáng vẻ linh hoạt của người dự thi (khi leo lên cao lấy lửa). Nhờ đó, giúp người đọc hình dung rõ hơn về hình ảnh khoẻ mạnh, sung sức của thanh niên dự thi và về không khí hào hứng của cuộc thi. Sau đó cho HS nhận xét so sánh mức độ gợi tả của từ “thoăn thoắt” so với từ “nhanh chóng” để đi đến kết luận, trường hợp này dùng từ “thoăn thoắt” là phù hợp, không thể thay thế.

Bài tập 6: Trước khi thực hiện bài tập này, GV nên nhắc HS đọc lại mục từ láy trong khung *Tri thức tiếng Việt*. GV cần giúp HS nhận ra:

– Nếu dùng từ “khéo” thay cho từ “khéo léo” thì độ “khéo” của người dự thi sẽ giảm xuống.

– Lí do là so với từ “khéo” thì từ láy “khéo léo” trong câu văn “*Những nồi com nhỏ nhỏ treo dưới những cành cong hình cánh cung được cắm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt.*” thể hiện được mức độ cao về sự chuẩn xác, uyển chuyển của động tác “cắm”, sự vừa tầm của nồi com nhỏ treo trước mặt để tiện cho việc vừa đi vừa nấu.

Bài tập 7: Có thể hướng dẫn HS thực hiện bài tập 7 dưới hình thức trò chơi (chẳng hạn “nhanh tay ghép đôi”). GV có thể thiết kế sao cho HS dễ quan sát, đối chiếu, ví dụ:

TT	A: Thành ngữ	Kí tự	B: Nghĩa của thành ngữ
1	Chết như rạ	c	Chết rất nhiều.
2	Mẹ tròn con vuông	đ	Việc sinh nở thuận lợi, tốt đẹp.
3	Cầu được ước thấy	d	Điều mong ước trở thành hiện thực.
4	Oán nặng thù sâu	b	Lòng oán giận và hận thù với ai đó rất sâu nặng.
5	Nhanh như cắt	a	Nhận xét ai đó làm gì rất nhanh.
6		e	Chỉ những người có hiểu biết hạn hẹp nhưng lại cho mình thông minh, tài giỏi. [Phương án nhiễu]

GV cũng có thể cho HS luyện tập theo kiểu “đố vui”: cho biết nghĩa để tìm thành ngữ; hoặc, cho biết thành ngữ để tìm nghĩa của nó,...

Bài tập 8: GV nên gợi ý HS nhắc lại nghĩa của thành ngữ “chết như rạ” trước khi đặt câu. Đối với những HS gặp khó khăn GV có thể cho tham khảo mẫu câu đã học trong VB *Thánh Gióng*: “Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ.”

Bài tập 9: Nên cho HS làm bài tập theo nhóm (mỗi nhóm tìm thành ngữ từ một từ, có thể 2 nhóm cùng một bài tập). Một số thành ngữ tham khảo:

- a. *nước*: ngựa xe như nước, nước chảy chỗ trũng, nước chảy đá mòn,...
- b. *mật*: nói lời đường mật, mật ngọt chết ruồi,...
- c. *ngựa*: ngựa quen đường cũ,...
- d. *nhạt*: nhạt như nước ốc,...

VIẾT NGẮN

GV lưu ý HS nắm vững yêu cầu của đề bài là viết đoạn văn ngắn (150 đến 200 chữ), đáp ứng 2 yêu cầu: nêu cảm nhận của bản thân về lịch sử đất nước sau khi đọc các văn bản *Thánh Gióng*, *Sự tích Hồ Gươm*; có sử dụng thành ngữ.

Khi đánh giá kết quả bài tập viết ngắn, GV nên khích lệ HS. Điều quan trọng chưa phải là hay, dở, nhiều hay ít lỗi diễn đạt, mà là ở chỗ HS nắm được yêu cầu, viết ra được đoạn văn thể hiện cảm nhận của mình, dùng được thành ngữ, vượt qua được tâm lý ngại viết, tỏ ra có cố gắng khi thực hiện bài tập viết đoạn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẤY

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

2. Thực hành đọc

GV căn cứ vào mục *Hướng dẫn đọc* để giao nhiệm vụ và gợi ý HS đọc hiểu truyện thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*. Mục này có một câu hỏi gợi ý HS tự kiểm tra kết quả đọc hiểu của mình qua hai bảng kiểm. Yêu cầu nhận biết đặc điểm của truyện thuyết qua cốt truyện và qua nhân vật trong VB *Bánh chưng, bánh giầy*. Tuy VB đọc mở rộng là VB dành cho HS tự đọc ngoài giờ lên lớp, nhưng GV cũng nên dành một thời gian phù hợp để hướng dẫn và có kiểm tra, đánh giá việc đọc hiểu mở rộng của HS. GV có thể thực hiện việc hướng dẫn nhanh sau khi dạy đọc VB 3 và có thể kết hợp kiểm tra, đánh giá việc tự đọc của HS vào lúc thực hiện mục *Ôn tập* (ở cuối bài học).

GV hướng dẫn HS lần lượt thực hiện yêu cầu này qua hai bảng kiểm dưới đây.

Bảng kiểm 1: GV hướng dẫn HS xác định đúng yêu cầu của mỗi bảng kiểm để tìm một số chi tiết điền vào cột “Chi tiết biểu hiện” ở bảng kiểm 1.

Đặc điểm cốt truyện truyền thuyết qua truyện *Bánh chưng, bánh giầy*

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.	
b. Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật.	
c. Cuối truyện thường gợi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến “ngày nay”.	

Bảng kiểm 2: GV hướng dẫn HS xác định đúng yêu cầu của mỗi bảng kiểm để tìm một số chi tiết điền vào cột “Chi tiết biểu hiện” ở bảng kiểm 2.

Đặc điểm nhân vật truyền thuyết qua truyện *Bánh chưng, bánh giầy*

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh,...	
b. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng.	
c. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.	

Lưu ý: GV có thể hướng dẫn HS tự đọc ở nhà, sau đó trình bày trên lớp vào tiết ôn tập.

VIẾT

1. Yêu cầu cần đạt

Tóm tắt nội dung chính của một số văn bản đơn giản bằng sơ đồ.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

GV có thể giải thích về các khái niệm: ý phụ, thông tin chi tiết, ý chính, thông tin cốt lõi, từ khoá,... kết hợp với nêu các ví dụ tiêu biểu để làm rõ khái niệm.

3. Phân tích kiểu văn bản

Sau khi HS nắm được sơ bộ tri thức về kiểu bài, GV hướng dẫn HS phân tích kiểu bài qua bài mẫu “Tóm tắt văn bản *Thánh Gióng* bằng sơ đồ” dựa trên 2 câu hỏi trong SGK.

4. Viết theo quy trình

GV dựa vào SGK để hướng dẫn HS thực hành quy trình tóm tắt nội dung văn bản bằng sơ đồ. Quy trình này gồm ba bước chính:

1. Đọc kĩ văn bản cần tóm tắt.
2. Tóm tắt văn bản bằng sơ đồ.
3. Kiểm tra lại sơ đồ đã vẽ.

Riêng với bước 2. Tóm tắt văn bản bằng sơ đồ, GV cần hướng dẫn tỉ mỉ, để HS có thể dễ dàng ứng dụng. HS cũng cần được cung cấp mẫu sơ đồ.

Dựa vào sơ đồ tóm tắt truyện *Thánh Gióng*, GV lưu ý HS rằng: với các VB truyện có chuỗi sự việc sắp xếp theo trật tự thời gian đều có thể dùng mẫu sơ đồ dưới đây:

Tên văn bản:

Nội dung chính của VB (tóm tắt khái quát):

.....



1. ...



2. ...



3. ...



...

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

Biết thảo luận nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

2. Thực hành nói và nghe

Trước tiên, GV giới thiệu ngắn gọn cho HS hiểu tầm quan trọng của thảo luận để tìm giải pháp thống nhất trước một vấn đề, niềm vui khi tìm được tiếng nói chung giữa các thành viên trong nhóm hoặc trong lớp. Từ đó chuyển dẫn HS vào bài học nói và nghe.

Bước 1: Chuẩn bị

GV hướng dẫn HS thực hiện một số công việc:

- Thành lập nhóm và phân công công việc.
- Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận.
- Thống nhất thời gian, địa điểm và mục tiêu của buổi thảo luận.

Bước 2: Thảo luận

GV hướng dẫn HS cách trình bày ý kiến, phản hồi ý kiến và thống nhất ý kiến trong nhóm nhỏ. GV cũng nên nhấn mạnh để HS hiểu rằng: một cuộc thảo luận nhóm chất lượng không nên chỉ có các ý kiến trình bày một chiều mà cần phải có trao qua đổi lại, có tranh luận, phản hồi. Và thành công của buổi thảo luận thể hiện ở việc thống nhất được giải pháp.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần xem xét việc HS thực hiện VB đọc mở rộng theo thể loại ở nhà (*Bánh chưng, bánh giầy*), lưu ý một số nội dung liên quan đến việc thực hiện các yêu cầu cần đạt của bài đọc truyền thuyết. (Xem: mục 2.2.6. Hướng dẫn đọc mở rộng theo thể loại: *Bánh chưng, bánh giầy* trên đây.)

Sau đó, hướng dẫn HS hoàn thành bài tập về nhận biết thể loại truyền thuyết và các bài tập khác trong mục *Ôn tập*. Mục *Ôn tập* bài *Lắng nghe lịch sử nước mình* có 5 nội dung:

- Ôn tập về đọc: HS thực hiện câu 1,2,3.
- Ôn tập về viết (tóm tắt bằng sơ đồ): HS thực hiện câu 4.
- Ôn tập tổng quát (liên hệ với “câu hỏi lớn” của chủ điểm): câu 5.

GV gọi cho HS nhớ lại câu hỏi lớn nêu ở đầu bài học và cho HS vài phút suy ngẫm, viết ngắn những gì suy nghĩ của mình về ý nghĩa của những trải nghiệm đối với cuộc sống của HS. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp để chia sẻ. Hoạt động này giúp cả lớp hiểu bạn mình hơn.

Ngoài ra, trong lớp học, nếu có điều kiện, GV nên dành từ nửa đến 1 tiết để HS chia sẻ kết quả đọc mở rộng và các bài tập đã làm trong mục *Ôn tập*.

BÀI 2: MIỀN CỔ TÍCH (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết, Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích; các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Nhận biết được chủ đề của VB.
- Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.
- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của trạng ngữ; biết cách sử dụng trạng ngữ để liên kết câu.
- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích.
- Kể lại được truyện cổ tích.
- Yêu nước và nhân ái.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại cổ tích, kiểu bài kể lại truyện cổ tích, đặc điểm và chức năng liên kết câu của trạng ngữ, kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.
- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kĩ năng.
- Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và tri thức tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV;
- Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim, kịch cổ tích Việt Nam.
- Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm hoặc bảng nhóm.

- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (*chuẩn bị đọc, suy ngẫm và phân hỏi*) trong SGK thành phiếu học tập.
- Sơ đồ, biểu bảng.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài nói của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể dẫn dắt HS vào bài học bằng cách gợi nhắc lại một số truyện cổ tích quen thuộc đã được tiếp cận trong nhà trường ở bậc Tiểu học, hoặc từ gia đình, bạn bè, phim, sách,... GV trình chiếu một vài trích đoạn phim cổ tích Việt Nam, giới thiệu một số tranh ảnh về truyện cổ tích,... Sau đó, đặt câu hỏi cho HS suy nghĩ về giá trị, sự hấp dẫn, sức sống,... của thể loại này trong cuộc sống xưa và nay.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Các nội dung ở phần *Tri thức đọc hiểu* có thể được dạy kết hợp trong giờ học VB *Sọ Dừa*. GV giới thiệu cho HS về định nghĩa truyện cổ tích, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật; đồng thời kết hợp nêu và phân tích một số ví dụ cụ thể có liên quan để HS dễ tiếp nhận các vấn đề lí thuyết.

Trong bài thơ *Chuyện cổ nước mình* xuất hiện khái niệm *Chuyện cổ*. Vì vậy, khi dạy phần *Tri thức đọc hiểu*, GV có thể kết hợp giải thích, so sánh những điểm giống và khác nhau giữa *truyện cổ tích* và *chuyện cổ* (hoặc *truyện cổ*). Cách gọi *chuyện cổ* và *truyện cổ* có ý nghĩa tương đương nhau. Trong VB thơ, Lâm Thị Mỹ Dạ gọi là *chuyện cổ* nên ở các phần hướng dẫn dạy và học có liên quan trong SGK, SGK nhóm biên soạn cũng dùng *chuyện cổ* theo cách gọi của tác giả.

Với chủ điểm *Miền cổ tích*, HS được tiếp cận hai tác phẩm thuộc tiểu loại cổ tích thần kì (*Sọ Dừa, Non-bu và Heng-bu*), một tác phẩm thuộc cổ tích sinh hoạt (*Em bé thông minh*) và một tác phẩm thơ ca ngợi giá trị, sức sống của truyện cổ. Bài học không đặt ra yêu cầu HS phải phân biệt được các tiểu loại của truyện cổ tích. Tuy nhiên, khi giảng dạy, GV cần lưu ý những điểm đặc sắc của từng tiểu loại thể hiện qua các tác phẩm cụ thể để cho HS thấy được sự hấp dẫn, phong phú của truyện cổ tích.

2. Tri thức tiếng Việt

Trong bài này, HS được học về *Đặc điểm và chức năng liên kết câu của trạng ngữ*. GV cung cấp kiến thức và hướng dẫn HS thực hành. Ở cấp một, HS đã được học về khái niệm, phân loại và chức năng bổ sung thông tin của trạng ngữ. Nội dung *Tri thức tiếng Việt* vừa nhắc lại kiến thức cũ, vừa giới thiệu thêm một chức năng khác của trạng ngữ, đó

là liên kết câu. Ngoài ví dụ đã có trong bài, GV nên tìm thêm các ví dụ khác bên ngoài và phân tích, giúp HS nhận thức được một cách đầy đủ hơn về chức năng này.

Lưu ý: GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu *Tri thức tiếng Việt* kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc văn bản 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KỸ NĂNG ĐỌC

1. Kỹ năng đọc hiểu truyện cổ tích

Mục tiêu chính khi dạy kỹ năng đọc theo thể loại của chủ điểm này là kỹ năng đọc thể loại truyện cổ tích. Vì thế, trong quá trình dạy, GV nên:

- Đầu giờ học, giải thích ngắn về đặc điểm thể loại kết hợp với nêu ví dụ cụ thể từ VB.
- Trong quá trình HS đọc hiểu VB, tiếp tục hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm thể loại bằng những câu hỏi.

2. Kỹ năng dự đoán

Ngoài kỹ năng đọc theo thể loại, ở bài học này, HS còn được rèn luyện kỹ năng dự đoán trong khi đọc. Kỹ năng này đã được học ở bài 1, vì thế, trong bài học này, GV chỉ gợi nhắc lại hoặc làm mẫu lại cho HS. Sau đó, trong quá trình đọc VB, GV cho HS thực hiện dự đoán. Những dự đoán có thể đúng, có thể sai nhưng cần dựa trên một cơ sở nào đó từ VB hoặc từ kiến thức nền của người đọc. HS quan sát GV và làm theo. GV lưu ý không nhận xét đúng, sai về dự đoán của HS mà gợi nhắc HS trình bày cơ sở của dự đoán.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: SỢ DỪA

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm.	1, 3, 4, 5
Nhận biết được chủ đề của VB.	6
Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.	2
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV cho HS trả lời 2 câu hỏi trong SGK để khơi gợi, dẫn dắt các em vào câu chuyện.

Câu hỏi 1: Giúp HS nhớ lại những trải nghiệm của mình về việc đánh giá con người qua hình thức bên ngoài. Mỗi em đều có câu chuyện thực tế của mình. HS chia sẻ với nhau nhằm mở rộng nhận thức, đồng thời chuẩn bị tâm thế phù hợp để đi vào VB đọc.

Câu hỏi 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu bước đầu về nhan đề truyện, tạo hứng thú tiếp cận VB cho HS. HS sẽ kết nối tên truyện với trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống của bản thân để trả lời: *Sọ Dừa là vỏ quả dừa/ là tên của một nhân vật nào đó trong truyện/ là tên một nhân vật người trong lớp sọ dừa, ...* HS có thể nhớ đến một vài truyện cổ tích đã biết về người mang lột xấu xí nhưng có tài của Việt Nam hoặc các nước khác (*Lấy vợ cóc, Lấy chồng dê, Nàng công chúa ếch, ...*).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Cho HS đọc trực tiếp VB, yêu cầu đọc to rõ, ngắt nghỉ đúng chỗ, phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật. GV hướng dẫn các em đọc diễn cảm phù hợp với từng nhân vật, từng diễn biến trong truyện. GV nên dặn HS luyện đọc trước ở nhà.

Trong quá trình đọc, khi gặp câu hỏi được trình bày cùng các VB, GV cho HS dừng đọc vài phút để tự suy nghĩ, trả lời rồi tiếp tục tiến hành đọc. Thông qua hoạt động trả lời các câu hỏi trong khi đọc, HS được tự rèn luyện các kĩ năng đọc. Trong VB *Sọ Dừa*, có một câu hỏi hướng vào kĩ năng dự đoán. Từ kiến thức nền của bản thân về truyện cổ tích, về kiểu truyện người mang lột, về yếu tố kì ảo, ... HS có cơ sở để dự đoán về số phận của nhân vật Sọ Dừa, về khả năng Sọ Dừa tìm được sinh lễ theo đòi hỏi của phú ông. Nếu HS chưa thực hiện tốt kĩ năng dự đoán ở những bài học trước, GV có thể tổ chức cho HS trình bày kết quả dự đoán của các em trong khi đọc. Việc trình bày này chỉ nhằm kiểm tra mức độ thành thạo về kĩ năng của HS. Trong quá trình đó, GV lắng nghe, hướng dẫn HS điều chỉnh khi cần thiết để các em có thể thực hiện kĩ năng này tốt hơn ở lần sau.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Với các câu hỏi ở mục *Suy ngẫm và phản hồi*, GV có thể sử dụng linh hoạt tùy theo tình hình lớp học, trình độ nhận thức của HS, cụ thể là:

- Cách 1: sử dụng hệ thống câu hỏi theo đúng trình tự trong SGK (từ câu 1 đến câu 7).
- Cách 2: thiết kế lại hệ thống câu hỏi trong SGK theo một trật tự khác hoặc có thể kết hợp một số câu hỏi với nhau.

Ngoài ra, GV cũng có thể đặt thêm các câu hỏi để dẫn dắt HS tìm hiểu vấn đề một cách tuần tự, chi tiết hơn.

Câu hỏi 1: Hướng dẫn HS đọc VB, chú ý những chi tiết kể, tả về nhân vật Sọ Dừa, đồng thời, đọc kĩ lời dẫn ở phần đầu câu hỏi về các kiểu nhân vật trong truyện cổ tích. Sau khi HS đã xác định được Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật người mang lột vật, GV yêu cầu HS đưa ra chi tiết, dẫn chứng từ VB (*chi tiết về hình dạng “vật”, về tâm hồn “người”, về cõi bỏ lột vật để trở thành người...*).

Câu hỏi 2: Câu hỏi này yêu cầu HS sắp xếp lại các sự việc theo đúng trình tự xảy ra trong câu chuyện để các em bước đầu bao quát được các sự việc chính và trình tự của chúng. Sau khi HS hoàn thành, GV yêu cầu các em nhận xét về cách sắp xếp thứ tự các sự việc trong *Sọ Dừa* nói riêng và truyện cổ tích nói chung.

Trong quá trình thao tác, HS sẽ dần ghi nhớ được cốt truyện và nhận biết sơ bộ về cách thức tóm tắt tác phẩm. Một trong các yêu cầu của bài học này là HS tóm tắt được VB một cách ngắn gọn. GV cần giúp HS rèn kĩ năng này ở các hoạt động phù hợp trong toàn bài học.

Về cách thức tóm tắt tác phẩm truyện nói chung, GV có thể hướng dẫn HS:

(1) Đọc kĩ truyện. Trong khi đọc, cố gắng nắm bắt ý tưởng chính của câu chuyện và trả lời các câu hỏi *Ai, Cái gì, Khi nào, Ở đâu* để tìm thông tin cơ bản về câu chuyện.

(2) Tìm nhân vật chính của truyện, trả lời câu hỏi: *Câu chuyện này chủ yếu kể về ai?*

(3) Xác định bối cảnh của truyện (không gian, thời gian xảy ra câu chuyện), trả lời câu hỏi: *Câu chuyện xảy ra ở đâu, khi nào?*

(4) Xác định các sự kiện liên quan đến nhân vật chính, trả lời câu hỏi: *Có những sự việc nào đã xảy ra xoay quanh nhân vật chính? Nhân vật chính mâu thuẫn/ xung đột với ai/ điều gì? Nhân vật chính đã làm gì để vượt qua những thử thách ấy? Câu chuyện đã kết thúc ra sao?* Có thể nối kết các sự việc chính bằng những từ ngữ chuyển tiếp như: đầu tiên, sau đó, kế tiếp, cuối cùng,...

(5) Diễn đạt các nội dung trên thành một đoạn văn bằng ngôn từ của mình. Có thể bắt đầu VB tóm tắt bằng một vài câu giới thiệu thông điệp hoặc ý tưởng chính của truyện.

Sau đó, GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để tóm tắt và trình bày VB tóm tắt cho các bạn nhóm khác/ toàn lớp nghe (đọc) và nhận xét. GV chú ý nhận xét, đánh giá một số sản phẩm tiêu biểu, qua đó giúp HS học cách tóm tắt.

Câu hỏi 3: Trả lời câu này, HS sẽ nhận biết được một cách đầy đủ hơn về đặc điểm của nhân vật trong truyện cổ tích, cụ thể là phẩm chất nhân vật chủ yếu được bộc lộ thông qua chuỗi hành động xuyên suốt tác phẩm. Nhân vật cổ tích thường không được miêu tả kĩ về ngoại hình, về diễn biến tư tưởng, tình cảm. Tác giả dân gian tập trung miêu tả hành động của nhân vật. Các hành động diễn ra nối tiếp nhau, qua đó, người tiếp nhận truyện xâu chuỗi lại và có thể đánh giá được đâu là người tốt, đâu là người xấu,... GV có thể nêu thêm câu hỏi: *Từ đầu đến cuối truyện, Sọ Dừa đã có những hành động đáng chú ý nào? Những hành động đó cho thấy Sọ Dừa có phẩm chất gì?...*

Câu hỏi 4: GV cho HS tìm các yếu tố kì ảo trong VB *Sọ Dừa* và phân tích, suy luận xem các yếu tố đó có vai trò hỗ trợ hay gây khó khăn cho nhân vật. Câu hỏi này hướng đến một đặc điểm nổi bật của truyện cổ tích: yếu tố kì ảo. GV nên diễn giải cho HS hiểu thêm về mối quan hệ gắn bó và tương tác với nhau giữa các đặc điểm của thể loại cổ tích: yếu tố kì ảo, nhân vật, cốt truyện. Khi HS thấy rõ mối quan hệ này cũng chính là lúc các em “nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm” (yêu cầu cần đạt).

Câu hỏi 5 và 6: GV cho HS đọc lại định nghĩa về *đề tài*, *chủ đề* ở mục *Tri thức đọc hiểu*, sau đó, yêu cầu các em xác định đề tài, chủ đề của truyện *Sọ Dừa*. GV cần lưu ý *đề tài* ở truyện cổ tích này nên được xem xét trong tính chỉnh thể của tác phẩm, tức là cần nhận biết đề tài trong mối quan hệ với các yếu tố khác như câu chuyện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu,...

Để triển khai hai câu hỏi này, GV cần lưu ý phân biệt khái niệm đề tài và chủ đề.

– Đề tài là một hiện tượng đời sống được miêu tả, thể hiện qua văn bản. Đề tài thường được diễn đạt dưới dạng danh từ hoặc cụm danh từ: đề tài người nông dân, đề tài con người bé nhỏ, đề tài trẻ em, đề tài lòng yêu nước, đề tài tình yêu thiên nhiên,...

– Chủ đề là vấn đề chính mà văn bản nêu lên qua một hiện tượng đời sống. Nói cách khác, chủ đề là vấn đề được gọi ra từ đề tài. Để hướng dẫn HS xác định chủ đề, GV có thể cho HS điền vào mẫu câu: *Qua văn bản này, tác giả (tác giả dân gian) muốn trình bày vấn đề...; văn bản trình bày vấn đề....*

Trong truyện cổ tích, chủ đề thường là ước mơ về một xã hội công bằng, cái thiện chiến thắng cái ác.

Câu hỏi 7: Trên cơ sở đã hoàn thành xong các câu hỏi từ 1 đến 6, HS có đủ hiểu biết về VB *Sọ Dừa* để rút ra bài học về cách nhìn nhận, đánh giá con người. GV gợi ý để HS nhớ lại cách đánh giá của phú ông và hai cô chị khi Sọ Dừa chưa trút lột, kết nối với kiến thức, trải nghiệm của các em từ đời sống hằng ngày để trả lời câu hỏi này. Từ bài học hữu ích vừa rút ra được, HS có thể vận dụng vào thực tế khi cần thiết.

Sau khi dạy đọc truyện *Sọ Dừa*, GV có thể giới thiệu cho HS tìm hiểu thêm những truyện kể khác về người mang lột vật ở Việt Nam và các nước,...GV cung cấp cho HS nguồn tài liệu tham khảo, ví dụ *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (Nguyễn Đồng Chi), *Tuyển tập truyện cổ tích Việt Nam* (Chu Xuân Diên và Lê Chí Quế), *Văn học dân gian – Những tác phẩm chọn lọc* (Bùi Mạnh Nhị Chủ biên),... Ngoài ra, GV cũng nên sưu tầm một vài tác phẩm thuộc cùng kiểu truyện và mang đến lớp để HS dễ tiếp cận. Tất cả các việc này đều nhằm mục đích khuyến khích hoạt động đọc mở rộng của HS, giúp các em hiểu biết và yêu thích kiểu truyện.

VĂN BẢN 2: EM BÉ THÔNG MINH

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi suy ngẫm và phản hồi

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi <i>suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chính thể tác phẩm.	1, 2, 3
Nhận biết được chủ đề của VB.	5
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	4, 6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Câu hỏi 1: Giúp HS kiểm tra sự hiểu biết của mình về người thông minh. Các em có thể giải thích bằng lời và có thể đưa ra các ví dụ,... HS viết ra giấy câu trả lời, trao đổi với nhau trong nhóm nhỏ hoặc trong lớp.

Câu hỏi 2: Yêu cầu HS huy động kiến thức từ đời sống, từ sách vở. Thông qua hoạt động chia sẻ với lớp, các em sẽ được mở rộng nhận thức, biết thêm về nhiều điều mà người thông minh có thể giúp ích cho mọi người và cảm thấy hứng thú hơn khi tiếp cận VB.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Cho HS đọc trực tiếp VB, yêu cầu đọc to, rõ, ngắt nghỉ đúng chỗ. VB này có nhiều lời thoại, vì vậy GV có thể sử dụng hình thức đọc phân vai. GV hướng dẫn các em đọc diễn cảm phù hợp với từng nhân vật, từng diễn biến trong truyện.

Khi gặp các câu hỏi được trình bày cùng với VB trong quá trình đọc, GV cho HS dừng đọc vài phút để tự suy nghĩ, trả lời rồi tiếp tục tiến trình đọc. Thông qua hoạt động trả lời câu hỏi trong khi đọc, HS được rèn luyện các kỹ năng đọc. Trong VB *Em bé thông minh*, có 1 câu hỏi suy luận và 2 câu hỏi dự đoán. Từ kiến thức nền của bản thân về truyện cổ tích, về kiểu truyện người thông minh,... HS có cơ sở để dự đoán về người sẽ giải quyết thử thách, giải quyết có thành công hay không, còn có thử thách tiếp theo hay không,...

Khi HS đọc xong, tùy theo điều kiện GV có thể tổ chức cho HS trao đổi về câu trả lời của các câu hỏi trên để kiểm tra kỹ năng đọc VB. HS sẽ nêu các suy luận, dự đoán của mình cùng với lý do tại sao suy nghĩ như vậy. GV lắng nghe, hướng dẫn điều chỉnh khi cần thiết để HS có thể thực hiện các kỹ năng này tốt hơn ở lần sau.

2.3. Suy ngẫm và phân hồi

Tương tự như dạy VB *Sọ Dừa*, GV có thể:

- Sử dụng hệ thống câu hỏi trong SGK.
- Sắp xếp lại trình tự câu hỏi, kết nối các câu hỏi có liên quan với nhau về nội dung.

Ngoài ra, GV cũng có thể đặt thêm các câu hỏi nhỏ để dẫn dắt HS tìm hiểu vấn đề một cách tuần tự, chi tiết hơn.

Câu hỏi 1: GV hướng dẫn HS đọc VB, chú ý những chi tiết kể, tả về nhân vật em bé trong truyện. Sau khi HS đã xác định được em bé thuộc kiểu nhân vật người thông minh, GV yêu cầu các em nêu chi tiết dẫn chứng từ VB (*em bé giải quyết thử thách nhiều lần, giải quyết một cách nhanh nhẹn, nhẹ nhàng, được mọi người trân trọng...*).

Câu hỏi 2: Yêu cầu HS trả lời đoạn văn được trích là lời của người kể chuyện hay lời nhân vật, đồng thời cho biết những lí do nào giúp các em xác định như vậy. Trong bài viết, bài nói ở các tiết sau, HS sẽ tự mình kể lại truyện cổ tích và thường xuyên dùng đến hai loại lời này. Vì vậy, các em cần biết sử dụng đúng lúc, đúng cách (Ví dụ: khi viết sẽ dùng những dấu hiệu nào, khi nói sẽ dùng giọng điệu như thế nào,...).

Câu hỏi 3: GV yêu cầu HS đọc VB và xác định các thử thách cũng như “*chuỗi hành động*” để vượt qua thử thách của em bé. VB truyện khá dài, HS cần chú ý để lọc ra những hành động nổi bật của nhân vật. Qua đó, HS phân tích và nêu lên những cảm nhận, suy luận của mình về phẩm chất của nhân vật này (*em bé rất thông minh, giải quyết vấn đề rất nhanh nhẹn, tính cách ngây thơ, hồn nhiên, biết giúp đỡ mọi người khi cần thiết,...*). Tiếp theo, HS tìm hiểu ý nghĩa của các thử thách ấy trong việc thể hiện phẩm chất của nhân vật em bé thông minh. GV có thể dẫn dắt để HS thấy rõ các thử thách trong truyện có ý nghĩa tạo tình huống thuận lợi cho nhân vật bộc lộ phẩm chất của mình. Trải qua các thử thách nối tiếp nhau, người tiếp nhận mới thực sự khẳng định được: đây đúng là một em bé thông minh! Từ đây, GV diễn giải thêm về mối quan hệ gắn bó, tương tác giữa các tình tiết, nhân vật, cốt truyện,... với nhau trong cùng một tác phẩm.

Câu hỏi 4: Với câu hỏi này, HS được tự do trình bày những nhận xét, đánh giá của bản thân về kết thúc của truyện. GV cần khuyến khích HS phát biểu để các em có cơ hội trình bày những ý kiến của mình. Từ đó, HS tham gia vào tiết học một cách hào hứng, chủ động, tích cực. Cần lưu ý: kết thúc của truyện cổ tích *thường* là có hậu chứ không phải *luôn luôn* có hậu. Với mỗi câu chuyện cụ thể, người tiếp nhận đều cần xem xét phân kết thúc diễn ra theo hướng nào. Kết thúc của *Em bé thông minh* thuộc loại có hậu. HS có thể đưa ra đánh giá của mình: *kết thúc hay, phù hợp với diễn biến truyện, đáp ứng được mong muốn của người tiếp nhận, góp phần thể hiện rõ chủ đề của truyện,...* Cách kết thúc có hậu của truyện này (và truyện *Sọ Dừa* ở tiết học trước) cũng là đặc điểm nổi bật của thể loại truyện cổ tích, GV cần lưu ý giải thích thêm cho HS.

Câu hỏi 5: GV hướng dẫn HS xác định chủ đề của truyện bằng cách đọc lại VB, trả lời các câu hỏi nhỏ: *Truyện này kể về ai? Nội dung nổi bật của truyện là gì? Tác giả dân gian muốn nói điều gì qua truyện này?...*

Câu hỏi 6: GV hướng dẫn HS đọc kĩ lời dẫn trong câu hỏi và xác định lời giải đáp của em bé trong truyện dựa vào kiến thức từ đời sống. HS cần tìm lại trong VB những chi tiết về cách giải câu đố của em bé. Cách giải nào dựa vào kiến thức từ đời sống? Tiếp theo, HS suy nghĩ để nêu đánh giá của mình: *Việc tích lũy kiến thức như vậy có cần thiết không? Tại sao? Cần phải tích lũy kiến thức từ đời sống bằng cách nào? Bản thân em có dự định sẽ thực hiện điều này không?...* Với câu hỏi này, GV cũng cần nhắc HS: kiến thức từ sách vở hay từ đời sống đều quý giá như nhau. Mỗi HS bên cạnh việc học ở trường còn cần phải học hỏi từ đời sống xung quanh, học mọi lúc, mọi nơi, học suốt đời. Tất cả những kiến thức đó sẽ rất hữu ích cho các em khi cần giải quyết những vấn đề khó khăn trong cuộc sống.

Câu hỏi này tạo cơ hội để HS được trình bày những suy nghĩ, nhận xét cá nhân về VB và gợi mở hướng vận dụng bài học từ VB cho bản thân. Các em có thể đưa ra những câu trả lời khác nhau. Trong trường hợp xảy ra tranh luận, GV cần dẫn dắt, can thiệp phù hợp để HS không chỉ biết cách phát biểu ý kiến của mình, mà còn biết cách lắng nghe người khác và chấp nhận những ý kiến khác biệt.

Sau khi dạy đọc truyện *Em bé thông minh*, GV giới thiệu cho HS tìm hiểu thêm những truyện kể khác về người thông minh ở Việt Nam và các nước,... GV có thể cung cấp cho HS nguồn tài liệu tham khảo.

ĐỌC KẾT NỐI VỚI CHỦ ĐIỂM: CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung của VB.
- Liên hệ, kết nối với VB *Sọ Dừa*, *Em bé thông minh* để hiểu hơn về chủ điểm *Miền cổ tích*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV tổ chức trò chơi để giúp HS gợi nhớ về nhan đề và tên nhân vật của những truyện cổ tích sẽ được nhắc đến trong bài thơ *Chuyện cổ nước mình*. Mục đích của việc làm này là khơi gợi kiến thức nền để HS hiểu bài thơ tốt hơn.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức hoặc hướng dẫn cho HS đọc trực tiếp VB.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

VB *Chuyện cổ nước mình* được thiết kế trong bài học này nhằm kết nối về chủ điểm với *Miền cổ tích*, vì vậy định hướng triển khai dạy học có khác với hai VB 1 và 2. GV chỉ cần tập trung vào việc rèn luyện các kĩ năng đọc cho HS để các em có thể đọc hiểu nội dung bài thơ, đồng thời mở rộng so sánh, kết nối với VB *Sọ Dừa*, *Em bé thông minh* nói riêng và các VB chuyện cổ nói chung.

Câu hỏi 1: GV yêu cầu HS đọc kĩ VB và tìm những từ ngữ trong bài thơ cho biết lí do tác giả yêu chuyện cổ nước nhà. HS có thể trả lời: *nhân hậu, tuyệt vời sâu xa,...* GV dẫn giải thêm bốn dòng thơ tiếp theo (nhà thơ muốn nói cụ thể hơn về *nhân hậu, tuyệt vời sâu xa*) và khơi gợi để HS nhớ lại những câu chuyện mà các em từng biết. Qua đó, HS có được cái nhìn bao quát hơn về kho tàng chuyện cổ phong phú và đa dạng, về giá trị, ý nghĩa của kho tàng. Tình cảm của tác giả đối với chuyện cổ nước nhà hẳn cũng là tình cảm chung của những con người Việt Nam đối với di sản văn học quý báu của cha ông.

Câu hỏi 2: GV hướng dẫn HS đọc chậm từng dòng thơ “*Đời cha ông...ông cha của mình*”, khuyến khích các em giải thích, phân tích, suy luận để hiểu từng dòng rồi đi đến hiểu cả 4 dòng thơ. Chú ý các từ ngữ: *đời cha ông/ đời tôi, con sông/ chân trời đã xa, chuyện cổ thiết tha, nhận mặt ông cha...*; nghệ thuật so sánh “*đời cha ông với đời tôi*” với “*con sông với chân trời đã xa*”...

Câu hỏi 3: Câu hỏi này yêu cầu HS giải thích ý nghĩa cụm từ “*người thom*” trong câu thơ “*Thị thom thì giấu người thom*”. GV hướng dẫn HS tìm hiểu: từ “*thom*” có nghĩa gốc và nghĩa chuyển như thế nào (liên hệ với *mùi thom, món ăn thom,...* và *tiếng thom, danh thom, tấm lòng thom thảo,...*)? Vậy, “*người thom*” có nghĩa là gì? Đọc câu “*Thị thom thì giấu người thom*”, em liên tưởng đến truyện cổ tích nào? “*Người thom*” trong truyện đó là ai? Mở rộng ra, em có biết “*người thom*” nào nữa trong các câu chuyện cổ khác không?

Câu hỏi 4: Hướng dẫn HS cách thức tìm ra thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong hai dòng thơ. Chú ý các từ ngữ: *chuyện cổ thâm thì, lời cha ông dạy, đời sau*. HS có thể nhận ra thông điệp: *Kho tàng chuyện cổ của nước nhà có giá trị vô cùng quý báu và sẽ còn tồn tại mãi với thời gian.*

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu dạy học

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng liên kết câu của trạng ngữ.
- Biết cách sử dụng trạng ngữ để liên kết khi viết câu, dựng đoạn.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

Xem lại cách hướng dẫn ở phần hướng dẫn tìm hiểu tri thức Ngữ văn.

3. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Tìm và nêu tác dụng của trạng ngữ

- a. “Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa” (trạng ngữ bổ sung thông tin về thời gian và nơi chốn xảy ra sự việc).
- b. “Đúng lúc rước dâu” (trạng ngữ bổ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc).
- c. “Lập tức” (trạng ngữ bổ sung thông tin về cách thức diễn ra sự việc).
- d. “Sau khi nghe sứ thần trình bày” (trạng ngữ bổ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc).

Bài tập 2: Tìm và nêu tác dụng của trạng ngữ

- a. Các trạng ngữ: “năm ấy”, “chẳng bao lâu”, “khi chia tay”.

Tác dụng: liên kết các câu trong đoạn, các sự việc diễn ra theo trình tự thời gian, sự việc này tiếp nối sự việc kia.

- b. Các trạng ngữ: “từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên”, “nhân trạng đi sứ vắng”.

Tác dụng: liên kết các câu trong đoạn b trong mối liên hệ về thời gian, và cách thức diễn ra sự việc.

Bài tập 3 và 4: Giúp HS ôn tập và bổ sung kiến thức về từ láy, thành ngữ đã học ở bài trước. Các bài tập đều lấy ngữ liệu từ *Sọ Dừa* và *Em bé thông minh*. Sau khi thực hành xong, các em sẽ có nhận thức đầy đủ hơn về vai trò, giá trị của từ láy, thành ngữ trong VB truyện cổ tích đã học nói riêng và VB văn học nói chung.

Ở hai bài tập này các yêu cầu cũng được sắp xếp theo mức độ nhận thức từ thấp đến cao. Ví dụ ở bài tập 3:

- Tìm các từ láy trong đoạn văn (mức độ nhận biết): véo von, rón rén, lẩn lóc.
- Chỉ ra tác dụng của việc dùng các từ láy đó trong đoạn văn (mức độ suy luận, phân tích): giúp cho việc miêu tả âm thanh, hình ảnh sinh động, ấn tượng hơn.

Vì vậy, GV cần lưu ý HS thực hành các yêu cầu đúng theo trình tự đã sắp xếp ở từng bài tập.

Bài tập 4: GV giải thích kĩ về thành ngữ “mừng như mở cờ trong bụng” (ý nghĩa: trạng thái mừng rỡ xen lẫn phấn khởi, hân hoan). HS có thể đã nghe thành ngữ này nhiều lần nên không khó để nhận ra từ đoạn văn, nhưng giải thích được cặn kẽ ý nghĩa của thành ngữ này là việc phức tạp đối với các em. GV cần tham khảo từ điển giải thích thành ngữ, tục ngữ để có cơ sở giảng dạy tốt hơn về thành ngữ này cũng như nhiều thành ngữ khác.

VIẾT NGẮN

Bài tập này được thiết kế nhằm tích hợp hoạt động viết với đọc và tiếng Việt. HS sẽ viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ về một truyện cổ tích yêu thích (đọc), trong đó có sử dụng 3 trạng ngữ (tiếng Việt).

GV hướng dẫn HS tự chọn một truyện cổ tích. Truyện nằm trong hay ngoài SGK đều được, nhưng cần thuộc thể loại cổ tích. Truyện càng hấp dẫn, thú vị thì HS càng có nhiều cảm xúc để viết. Một số HS có thể nhớ các vở kịch, phim được dựng theo truyện cổ tích và lựa chọn trong số này. Tuy nhiên, các vở diễn sân khấu không phải lúc nào cũng sử dụng nguyên vẹn cốt truyện cổ tích, mà thường có những chỉnh sửa nhất định. GV cần dự liệu trước khả năng lựa chọn này của HS và gợi ý để các em chọn được truyện phù hợp hơn.

Tiếp theo, GV yêu cầu các em nêu lí do yêu thích và cảm nghĩ về truyện đó. HS viết ra giấy các ý tưởng của mình một cách ngắn gọn, diễn đạt bằng các từ, cụm từ. Sau đó, GV lắng nghe HS phát biểu và chỉnh sửa nếu cần. Cảm nghĩ của HS về truyện cổ tích có thể hướng vào cốt truyện lôi cuốn, nhân vật gần gũi, kết thúc có hậu, yếu tố kì ảo bất ngờ, bài học sâu sắc,...

Trong khi viết, nhắc HS cần chú ý viết các câu có đủ số lượng trạng ngữ theo yêu cầu của đề bài. HS cần sử dụng trạng ngữ đúng lúc, đúng chỗ, tránh dư thừa, gượng ép.

Viết đoạn văn xong, GV cho HS chia sẻ sản phẩm trong nhóm/ lớp, chọn một số bài viết hay đọc cho cả lớp nghe và rút kinh nghiệm.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: NON-BU VÀ HENG-BU

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Nhận biết người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.

2. Thực hành đọc

Sau khi học *Sọ Dừa* và *Em bé thông minh*, ở phần này, HS được tự mình thực hành đọc hiểu một tác phẩm cổ tích. *Non-bu và Heng-bu* là truyện được gợi ý cho HS. Đây là truyện cổ tích được phổ biến rộng rãi, có cốt truyện hấp dẫn và các yếu tố kì ảo thú vị,... khơi gợi hứng thú cho HS. Ngoài ra, GV và HS có thể chọn một truyện khác ngoài SGK mà GV và HS yêu thích. Nếu theo hướng này, cần quan tâm đúng mức đến nguồn VB. Các VB chọn đọc phải được giới thiệu trong những tuyển tập truyện cổ tích đáng tin cậy, bởi những tác giả biên soạn và nhà xuất bản có uy tín. Có như vậy, VB mới có chất lượng, không bị can thiệp, chỉnh sửa tùy tiện.

Khi đọc VB xong, HS trả lời 2 câu hỏi ở phần *Hướng dẫn đọc* để tự kiểm tra kĩ năng đọc hiểu tác phẩm truyện cổ tích của mình. Qua hoạt động này, một lần nữa, HS ôn lại các

đặc điểm của thể loại cổ tích nói chung, cũng như nhìn thấy rõ hơn các đặc điểm đó được thể hiện sinh động qua từng tác phẩm cụ thể như thế nào.

GV có thể giao nhiệm vụ cho HS đọc VB và hoàn thành các câu hỏi ở nhà. Đến lớp, HS trình bày và GV bổ sung, hướng dẫn chỉnh sửa khi cần thiết. Như vậy, GV sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian, bài thực hành cũng được chuẩn bị kỹ lưỡng, chu đáo hơn.

VIẾT

1. Yêu cầu cần đạt

- Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Kiểu bài kể lại một truyện cổ tích được kết nối chặt chẽ với hai VB cổ tích đã học ở đặc điểm về cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện,... Điểm khác biệt là HS tự kể, dùng ngôn ngữ của chính mình để viết lại câu chuyện cổ tích đã biết.

GV có nhiều cách để dạy tri thức về kiểu bài cho HS: sử dụng bảng kê dưới đây là một gợi ý.

A	B
Đặc điểm của thể loại truyện cổ tích	Đặc điểm của kiểu bài kể lại truyện cổ tích
.....	
.....	

Sau khi hướng dẫn HS liệt kê chi tiết vào cột A, GV dẫn dắt, diễn giải rồi liệt kê chi tiết tương ứng vào cột B. So sánh, đối chiếu hai cột, HS sẽ nhận ra được những điểm tương đồng và khác biệt giữa một VB cổ tích do dân gian kể và VB cổ tích do tự mình kể lại.

GV cần lưu ý: kiểu bài kể lại truyện cổ tích ngoài cách kể thông thường (người kể sử dụng ngôi thứ ba) còn có cách kể sáng tạo (người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện, sử dụng ngôi thứ nhất). Do thời lượng có hạn, bài học này chỉ tập trung cho HS rèn luyện cách kể thông thường.

3. Phân tích kiểu văn bản

GV cho HS đọc VB mẫu. Sau đó, hướng dẫn các em quan sát kĩ:

- Phần mở bài, thân bài và kết bài.

– Các chữ số xuất hiện đan xen trong VB. Mỗi chữ số xuất hiện vài lần để lưu ý HS một đặc điểm nào đó của bài văn kể lại truyện cổ tích (người kể chuyện, sự việc, nhân vật, yếu tố kì ảo,...).

– Các box nhỏ được đánh số thứ tự nằm ở bên phải VB.

Với thao tác này, HS bước đầu hình dung được các đặc điểm của một bài văn kể chuyện cổ tích. Tiếp theo, GV cho HS trả lời các câu hỏi (SGK, tr. 56) trên cơ sở so sánh, đối chiếu truyện cổ tích *Cây khế* (*Văn học dân gian – Những tác phẩm chọn lọc*, Bùi Mạnh Nhị Chủ biên, NXB Giáo dục, 2004, tr. 209-211) và bài văn kể lại truyện này.

Lưu ý: Truyện cổ tích *Cây khế* có nhiều dị bản, được in trong nhiều tuyển tập truyện cổ tích khác nhau. Vì vậy, để việc so sánh được thuận lợi, GV nên chọn bản kể trong sách đã giới thiệu ở trên.

4. Viết theo quy trình

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)

GV hướng dẫn HS xác định đề tài, mục đích viết, người đọc và thu thập tư liệu. HS trả lời các câu hỏi cho bài viết cụ thể của từng cá nhân:

– Đề tài bài viết của em là...

– Mục đích viết bài này của em là...

– Người đọc bài viết của em là...

GV nhắc HS cố gắng ghi nhớ những thông tin trên trong suốt quá trình tạo lập VB để bài viết không bị lạc đề, sai kiểu bài,...

HS tìm đọc truyện cổ tích và cân nhắc để chọn tác phẩm gây ấn tượng nhất, có nhân vật đáng nhớ nhất, có cốt truyện thú vị nhất,... GV nên khuyến khích HS chọn truyện cổ tích có yếu tố kì ảo. Ở lứa tuổi của các em, những truyện như vậy thường có sức hấp dẫn lớn, được yêu thích nên HS sẽ có nhiều hứng thú để kể.

Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý

Trên cơ sở các phiếu học tập đã chuẩn bị sẵn ở nhà, HS trả lời các câu hỏi trong SGK. Mỗi em có câu chuyện khác nhau, vì vậy GV cần lắng nghe và bổ sung, chỉnh sửa cho HS.

Khi giải quyết các câu hỏi về cốt truyện, nhân vật, sự việc, kết thúc,... GV nhắc HS chú ý trả lời ngắn gọn, tập trung vào những sự việc quan trọng, nổi bật, lướt qua những sự việc nhỏ, phụ. Độ dài của truyện cổ tích thường là vài trang. Bài văn kể chuyện yêu cầu khoảng 400 chữ. Để hoàn thành tốt bài viết, HS cần có kĩ năng tóm tắt tác phẩm, biết tập trung vào những sự việc, tình tiết chính.

Sau đó, GV hướng dẫn HS sắp xếp các ý tưởng đã tìm được ở trên thành một dàn ý hoàn chỉnh, bảo đảm có đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài. Ở phần thân bài, HS cần lưu ý sự việc nào xảy ra trước, sự việc nào xảy ra sau để sắp xếp ý cho hợp lí. Không bỏ sót các sự việc, tình tiết quan trọng. Tránh sa đà vào những tình tiết phụ.

Bước 3. Viết bài

Dựa vào dàn ý đã lập ở trên, GV cho HS viết thành bài văn hoàn chỉnh. Hoạt động này có thể tiến hành tại lớp hoặc ở nhà tùy theo điều kiện thời gian. Nhắc HS khi viết bài thì cần lưu ý:

– Cố gắng dùng lời của mình để kể lại chuyện, không lệ thuộc quá nhiều vào lời của tác giả dân gian trong bản kể cổ tích đã được xuất bản.

– Mỗi sự việc diễn ra được kể lại với độ dài hợp lí, không bỏ sót các sự việc quan trọng, không tự ý thêm thắt, chỉnh sửa, không thay đổi kết thúc truyện, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số chữ (khoảng 400 chữ).

Bước 4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Sau khi viết xong bản thảo, HS sử dụng *Bảng kiểm bài viết kể lại truyện cổ tích* trong SGK để tự kiểm tra lại bài viết của mình. Chỗ nào còn thiếu sót, chưa hợp lí thì bổ sung, chỉnh sửa.

Tiếp theo, GV yêu cầu HS đọc lại bài viết một lần nữa để kiểm tra và chỉnh sửa lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp, lỗi sử dụng từ ngữ... theo gợi ý trong SGK.

Như vậy, bài viết đã được HS tự hoàn thiện. Các em có thể chia sẻ bằng cách trao đổi bài viết cho nhau trong phạm vi nhóm hoặc lớp. GV cho HS góp ý bài viết của bạn, tập trung vào các đặc điểm của kiểu bài kể lại truyện cổ tích và hình thức diễn đạt. Việc đọc bài lẫn nhau tạo nhiều hứng thú. Các em được biết thêm câu chuyện mới, học hỏi cách thức kể chuyện của bạn.

Sau khi chia sẻ, GV yêu cầu HS tự đọc lại bài viết của mình một lần nữa, chú ý nhận rõ hơn những điểm được và chưa được, rút kinh nghiệm để bài sau viết tốt hơn.

Lưu ý: Thời lượng dành cho phần dạy viết của bài học này là 2 tiết, vì vậy, một số khâu có thể giao về nhà cho HS chuẩn bị để tiết kiệm thời gian. GV giao đề bài cho HS trước buổi dạy viết khoảng một tuần. HS chuẩn bị bằng cách đọc kĩ truyện cổ tích sẽ kể, tóm tắt cốt truyện, ghi chú về hành động của nhân vật, trình tự sự việc, các yếu tố kì ảo,... GV nhắc HS không nên chọn truyện quá dài, nhiều nhân vật, nhiều tình tiết,... vì HS có thể gặp khó khăn khi kể lại trong phạm vi bài viết khoảng 400 chữ.

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

Kể lại được truyện cổ tích.

2. Thực hành nói và nghe

GV có thể tạo hứng thú cho HS trước khi bước vào thực hiện bài nói bằng cách khơi gợi lại những trải nghiệm bản thân của các em với các câu hỏi như: *Em có bao giờ kể chuyện cổ tích cho người khác nghe chưa? Người nghe em kể là ai? Em đã kể chuyện đó*

theo cách thức như thế nào? Em nhận thấy người nghe có hiểu, có thích thú không? Em rút ra được kinh nghiệm gì sau khi kể?,...

Tiếp theo, GV nêu lên sự cần thiết của việc kể chuyện cổ tích trong nhiều bối cảnh khác nhau của đời sống và nhấn mạnh ý thức rèn luyện thường xuyên ở HS để có kỹ năng kể đúng, kể hay.

GV nhắc lại quy trình thực hiện một bài nói đã được học ở bài 1, vẽ sơ đồ các bước để HS hiểu rõ và chủ động, tích cực tham gia trong từng bước.

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

GV hướng dẫn HS trả lời những câu hỏi sau:

– Về đề tài: Truyện cổ tích em sẽ kể có tên là gì? Em có biết rõ về truyện này không? Em thấy truyện này có phù hợp để em sử dụng làm bài nói hay không?

– Về người nghe, mục đích nói, không gian nói: Em sẽ nói ở đâu, với ai, để đạt mục đích gì? Em có tự tin để kể chuyện trong không gian đó không? Em sẽ chọn cách kể như thế nào để thuyết phục được mọi người? Lưu ý điều này để chắc chắn em sẽ tương tác tốt với người nghe.

– Về thời gian nói: Em sẽ nói trong bao lâu? Với thời gian giới hạn như vậy, em có thể kể đúng, kể hay được không? Muốn như vậy, em phải làm gì? Lưu ý điều này để đảm bảo em sẽ nói đúng thời gian quy định.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Về cơ bản, HS sẽ nói dựa trên bài viết đã hoàn thành. Vì vậy, ở bước này không bàn quá nhiều đến nội dung bài nói mà chú ý đến những cách thức làm cho bài nói sinh động, hấp dẫn. GV cần lưu ý HS văn nói khác văn viết, khi nói không thể cầm bài viết đọc từng chữ, không thể nói như đã học thuộc lòng bài viết,... Như vậy, HS phải có sự chuẩn bị chu đáo và quá trình rèn luyện thường xuyên thì kỹ năng nói mới tốt được.

Để hỗ trợ thêm cho bài nói, GV đề nghị HS cân nhắc về việc có nên sử dụng thêm tranh ảnh minh họa cho truyện cổ tích hay không. Nếu có, HS sẽ sưu tầm từ đâu hay sẽ tự vẽ? Tranh ảnh đó sẽ minh họa cho những đoạn kể nào? HS sẽ cần khoảng bao nhiêu tranh ảnh? Tranh ảnh đó sẽ có độ lớn khoảng bao nhiêu? Người kể chuyện sẽ sử dụng chúng như thế nào, treo lên bảng hay cầm trên tay để minh họa?,... Càng trả lời kỹ càng, cụ thể những câu hỏi này thì khâu chuẩn bị cho bài nói càng chủ động và chu đáo hơn.

Dàn ý bài nói được lập dựa trên dàn ý của bài viết. Cần nhắc HS đây là dàn ý nhằm sử dụng cho mục đích nói nên các ý phải kết nối, ngắn gọn, rõ ràng. HS cũng nên ghi chú vào dàn ý chỗ nào nói kỹ, chỗ nào nói lướt; chỗ nào minh họa tranh ảnh,...

Khi trình bày, HS có thể vừa nói vừa cầm dàn ý trên tay (để không bị quên). Vì vậy, HS cố gắng sắp xếp dàn ý như thế nào để khi cần thiết thì nhìn vào thấy ngay được ý muốn tìm.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Dựa trên dàn ý đã lập xong, GV tiến hành cho HS tự luyện tập và luyện tập trong nhóm nhỏ để chuẩn bị thật tốt cho bước trình bày trước lớp.

Khi luyện tập, GV lưu ý HS cố gắng nhớ và kể được truyện một cách trọn vẹn, kể đúng, kể đủ các sự việc, tình tiết quan trọng. Ngoài ra, các em cũng cần biết cách để kể chuyện cho hấp dẫn, sinh động (như điều chỉnh giọng điệu kể, nhịp điệu kể, sử dụng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...).

Với hình thức luyện tập nhóm, HS lắng nghe bài nói của nhau và nhận xét để cùng rút kinh nghiệm.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

GV cho một vài HS trình bày bài nói, yêu cầu cả lớp lắng nghe, ghi chú những chỗ cần hỏi hoặc góp ý. Khi nói, HS cố gắng bám sát đặc điểm của kiểu bài, kể đúng, đủ và hay.

Sau phần trình bày của mỗi HS, cả lớp tiến hành trao đổi, đánh giá. GV hướng dẫn HS sử dụng *Bảng kiểm bài nói kể lại một truyện cổ tích* để thực hiện việc này. Như vậy, ở đây có các hình thức:

- HS tự đánh giá bài nói của mình.
- Các HS đánh giá bài nói của nhau.
- GV đánh giá bài nói của HS.

GV cần nhắc nhở HS các tiêu chí đánh giá (bám sát đặc điểm kiểu bài kể lại truyện cổ tích và các yêu cầu về cách thức trình bày, thời lượng cho phép,...), thái độ đánh giá (nghiêm túc, lịch sự, nhã nhặn,...).

ÔN TẬP

Với thời lượng một tiết học, GV nên dặn dò HS chuẩn bị trước các câu hỏi ở nhà để có thể sử dụng thời gian trên lớp một cách hiệu quả nhất.

Câu 1,2,3 nhằm giúp HS ôn lại kiến thức về truyện cổ tích và đúc rút những điều học hỏi được trong cách viết và nói về thể loại này. HS cũng được khuyến khích trình bày những ý kiến, đánh giá cá nhân của mình (*Em thích nhất...; Theo em,...*).

GV lưu ý HS: câu hỏi số 4 ở cuối phần Ôn tập cũng là câu hỏi lớn đã xuất hiện ở trang đầu của bài *Miền cổ tích*, vấn đề đặt ra có ý nghĩa bao quát cho toàn bộ bài học này. HS có thể trả lời về ý nghĩa của truyện cổ tích trong cuộc sống ngày xưa, ngày nay với những dẫn chứng cụ thể. GV dẫn dắt thêm: Truyện cổ tích có ý nghĩa với cuộc sống của chúng ta như vậy nên các em phải biết yêu quý, trân trọng kho báu truyện kể dân gian này cũng như biết ơn những con người Việt Nam tài hoa đã tạo ra chúng.

BÀI 3: VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG (14 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 4 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.
- Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB.
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Yêu vẻ đẹp quê hương.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp đàm thoại gợi mở để giải thích ngắn gọn về thể loại lục bát, cách làm bài thơ lục bát, cách viết đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB. Trong quá trình giải thích, cần kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.
- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kỹ năng.
- Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi giải quyết vấn đề và một số kỹ thuật như sơ đồ, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và một số đơn vị kiến thức liên quan đến tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu VB đọc hoặc VB mẫu khi dạy viết.
- Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi sau khi đọc trong SGK thành phiếu học tập.
- Mô hình thể thơ lục bát.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể nêu câu hỏi mà SGK đã nêu hoặc dùng âm thanh, hình ảnh, câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về những gì HS đã trải qua: một ấn tượng, một kỉ niệm về quê hương hoặc yêu cầu HS đem một bức ảnh đẹp về quê hương đến lớp, chia sẻ ngắn với các bạn trong nhóm. Sau đó, GV nêu câu hỏi lớn của bài học để HS suy ngẫm. Câu hỏi lớn là câu hỏi gắn chủ điểm chính của bài học, bao quát chủ điểm của các VB trong bài học, đồng thời gắn với những vấn đề của đời sống, gợi ra những cuộc đối thoại mở, nhiều khi không có đáp án,... Do đó, ở bước này, GV chỉ nêu câu hỏi lớn để HS suy ngẫm, chứ không chốt đáp án. Cuối bài, trong phần *Ôn tập*, GV nêu lại câu hỏi lớn để HS tự nêu câu trả lời.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Trong bài học này, *Tri thức đọc hiểu* cần được dạy ở tiết đầu tiên khi học *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*.

GV nên trình bày một đến hai cặp câu lục bát trên bảng đen/ bảng phụ/ máy chiếu, sau đó, dùng mô hình để vừa giảng giải, vừa nêu câu hỏi giúp HS nhận biết các đặc điểm của thơ lục bát về số tiếng, số dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp, thanh điệu.

Ví dụ:

*Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.*

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
lục	-	đi (bằng: thanh huyền)	-	nhớ (trắc: thanh sắc)	-	nhà (bằng: thanh huyền) (vần: a)		

bát	-	canh (bằng: thanh huyền)	-	muống (trắc: thanh sắc)	-	cà (bằng: thanh huyền) (Vần: a)	-	tương (bằng: thanh huyền) (Vần: ương)
lục	-	ai (Bằng: thanh huyền)	-	nắng (trắc: thanh sắc)	-	sương (bằng: thanh huyền) (Vần: ương)		
bát	-	ai (bằng: thanh huyền)	-	nước (trắc: thanh sắc)	-	đường (bằng: thanh huyền) (Vần: ương)	-	nao (bằng: thanh huyền)

Bài ca dao này được ngắt nhịp chủ yếu là nhịp chẵn ở cả câu lục và câu bát.

2. Tri thức tiếng Việt

Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB là nội dung kiến thức tiếng Việt chính của bài học này. Vì vậy, với nội dung này, GV có thể tổ chức dạy bằng các phương pháp như thuyết trình, dạy theo mẫu kết hợp với đàm thoại gợi mở để thông báo, phân tích, hướng dẫn HS rút ra những đơn vị kiến thức cơ bản như: (1) Lí do phải lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB; (2) Các thao tác lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB; (3) Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB. Ngoài ra, trong quá trình thực hành, GV có thể tiếp tục đặt câu hỏi, nêu vấn đề để HS suy nghĩ và củng cố về những kiến thức đã học thông qua quá trình vận dụng kiến thức vào việc giải quyết những vấn đề trong thực tiễn tiếp nhận và tạo lập VB.

Riêng nội dung tri thức tiếng Việt, GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc VB 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc theo thể loại

GV cần đọc mẫu và tổ chức cho HS đọc diễn cảm VB 1 và 2 để HS cảm nhận được thanh điệu, vần nhịp của thơ lục bát.

GV có thể giao cho mỗi nhóm hai câu thơ lục bát, sau đó, yêu cầu HS dùng các thẻ hoặc dùng phấn để xác định các đặc điểm về thanh điệu, vần điệu, cách ngắt nhịp của bài thơ. Ví dụ:

	<i>Ai</i>	<i>oi</i>	<i>về</i>	<i>miệt</i>	<i>Tháp</i>	<i>Mười</i>	
	☐		☐		☐		
<i>Cá</i>	<i>tôm</i>	<i>săn</i>	<i>bắt,</i>	<i>lúa</i>	<i>trời</i>	<i>săn</i>	<i>ăn</i>
☐		☐		☐		☐	

Sau đó, GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận:

- Dựa vào những yếu tố nào để phân biệt thể thơ lục bát với các thể thơ khác?
- Khi đọc thơ lục bát cần chú ý điều gì về thanh điệu, vần điệu và cách ngắt nhịp của bài thơ?

2. Kỹ năng tưởng tượng

Trong bài học này, GV nên tập trung vào kỹ năng tưởng tượng. Lí do là vì ngôn ngữ văn học, đặc biệt là ngôn ngữ thơ, thường rất giàu hình ảnh nên để hiểu VB, người đọc thường phải hình dung, tưởng tượng để cảm nhận rõ hơn nội dung hiện thực mà tác giả muốn chuyển tải đến người đọc.

Cách dạy:

- Trước khi tổ chức cho HS đọc hiểu bài ca dao thứ nhất, GV có thể nói cho HS biết kỹ năng tiêu điểm của bài học là tưởng tượng.
- Giải thích ngắn gọn về kỹ năng tưởng tượng.
- Chọn đọc một đoạn trong VB, làm mẫu kỹ năng tưởng tượng bằng cách nói to suy nghĩ (kỹ thuật think-aloud) của GV khi dùng kỹ năng này để HS có thể quan sát được cách thực hiện kỹ năng. Ví dụ: GV có thể chọn câu “Việt Nam đất nước ta ơi/ Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn”, GV có thể đặt câu hỏi và nói: Cặp lục bát này giúp em hình dung được gì về cảnh sắc của quê hương?. “Mênh mông” là từ láy gợi liên tưởng đến không gian rộng lớn, bao la vô tận, “biển lúa” gợi ra hình ảnh cánh đồng lúa bát ngát. Từ đó, cô/ thầy hình dung được phong cảnh những cánh đồng lúa quê hương trải dài đến vô tận, mở ra đến vô cùng.
- Cho một ví dụ khác. GV có thể chọn ngữ liệu từ các VB đọc trong SGK hoặc ngữ liệu khác ngoài SGK. Khi chọn ngữ liệu để dạy về kỹ năng hình dung, GV nên chọn những ngữ liệu giàu hình ảnh, gợi tả, gợi cảm. Sau đó, yêu cầu HS thực hiện theo cách mà GV đã làm một hoặc hai lần và tập trung nhận xét cách HS thực hiện kỹ năng.

Ví dụ: GV có thể chọn ngữ liệu sau:

+ *Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng được dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. (Đoàn Giỏi, Sông nước Cà Mau).*

+ *Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

(Ca dao)

– Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp kết quả đọc của các em sau khi quá trình đọc trực tiếp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu về nhóm câu hỏi sau khi đọc (*Suy ngẫm và phản hồi*).

Nếu trình độ của HS yếu, GV có thể dạy kĩ năng hình dung tưởng tượng bằng cách vẽ tranh theo cách làm như sau:

- GV chọn ngữ liệu giàu hình ảnh để HS luyện tập kĩ năng tưởng tượng.
- GV mời từ hai đến bốn HS lên bảng vẽ nhanh tưởng tượng của mình từ ngữ liệu (các HS khác vẽ vào vở), sau 10 phút, GV mời HS chia sẻ bức tranh của mình và lí giải tại sao lại vẽ như vậy (dựa vào từ ngữ nào, hình ảnh nào, ...).
- Sau đó, GV chốt lại cách làm, đó là để tưởng tượng, ta cần căn cứ vào: (1) các hình ảnh, ngôn từ trong VB, (2) hiểu biết, hình dung của bản thân về các hiện tượng được miêu tả trong VB. Cùng một chi tiết, hình ảnh, mỗi người sẽ có những hình dung riêng, phụ thuộc vào trải nghiệm của từng người nhưng vẫn có những điểm thống nhất, phù hợp với ý nghĩa VB.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

1. Yêu cầu cần đạt và câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.	4
Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.	3, 5, 6, 7
Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.	1, 2, 5, 6
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	8

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ nhóm nhỏ/ cá nhân để suy nghĩ, trao đổi nhanh với nhau về 2 câu hỏi *Chuẩn bị đọc* bằng kỹ thuật *trình bày 1 phút*.

GV có thể sử dụng kết hợp với phương pháp trực quan bằng cách cho HS xem một số hình ảnh trong SGK hoặc một số hình ảnh khác do GV chuẩn bị có liên quan đến những địa danh được nhắc đến trong các câu ca dao để giúp HS kích hoạt nền.

GV có thể tổ chức nhanh trò chơi “Khám phá vẻ đẹp quê hương”, bằng cách chiếu hình ảnh các cảnh đẹp quê hương lên màn hình và cho HS đoán tên địa danh. Sau trò chơi, GV kết nối với câu hỏi chuẩn bị đọc “*Cụm từ Vẻ đẹp quê hương thường khiến em nghĩ đến điều gì?*”.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV đọc diễn cảm các câu thơ lục bát, hướng dẫn HS cách ngắt nhịp, diễn tả tình cảm tự hào của tác giả dân gian về vẻ đẹp quê hương. Sau đó, tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB trong nhóm hoặc trên lớp. Trong quá trình HS đọc VB, GV cần nhắc HS chú ý đến hệ thống các câu hỏi được trình bày cùng với VB.

Ví dụ như khi đọc xong bài ca dao 1, GV cho HS dừng đọc vài phút để thực hiện kỹ năng tưởng tượng theo gợi ý của câu hỏi 1: Qua dòng ca dao này, hình ảnh kinh thành Thăng Long hiện ra như thế nào trong tâm trí em? Viết ra những gì em đã tưởng tượng được. Sau đó, để kiểm tra việc thực hiện kỹ năng của HS, GV có thể cho HS trao đổi câu trả lời với nhau. Sau khi HS trình bày câu trả lời, GV có thể hỏi HS: Những từ ngữ, hình ảnh nào của dòng ca dao có thể giúp em có được tưởng tượng đó?. GV cần nhắc HS: khi đọc VB, những từ ngữ miêu tả giàu hình ảnh, gợi hình, gợi tả như “mắc cửi, bàn cờ” là những thông tin quan trọng giúp người đọc hình dung, tưởng tượng cụ thể về những điều tác giả đang miêu tả. Trong trường hợp này, với những từ ngữ như “mắc cửi, bàn cờ”, dường như tác giả dân gian có hàm ý miêu tả đường phố Thăng Long dọc ngang, ken dày như các sợi chỉ được mắc trên khung cửi dệt vải, như các ô trong bàn cờ. Tuy nhiên, GV cần cân nhắc thời gian, tránh dừng quá lâu ở hoạt động này vì có thể phá vỡ mạch cảm xúc của HS trong khi đọc. Ở những bài học các VB tiếp theo, HS vẫn tiếp tục được rèn luyện kỹ năng này. Nếu các em đã thực hiện thành thạo rồi thì GV chỉ cần nhắc HS tự lưu giữ kết quả tưởng tượng về VB khi gặp những câu hỏi gợi ý ấy mà không cần phải viết câu trả lời ra giấy hoặc trao đổi kết quả tưởng tượng với nhau.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Dựa vào hệ thống câu hỏi, GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu từng bài ca dao rồi khái quát thành những vấn đề lớn của bài học như đặc điểm nội dung và hình thức của các bài ca dao, đặc điểm thơ lục bát, lưu ý khi đọc thơ (tìm hiểu hình ảnh thơ và tình cảm, cảm

xúc của tác giả). Với hệ thống câu hỏi trên, GV có thể sử dụng linh hoạt tùy theo điều kiện thực tế và trình độ nhận thức, khả năng tương tác của HS, cụ thể là:

– *Cách 1:* Sử dụng hệ thống câu hỏi theo đúng trình tự trong SGK (từ câu 1 đến câu 8) để tìm hiểu từng bài ca dao.

– *Cách 2:* Thiết kế lại hệ thống câu hỏi trong SGK theo một trật tự khác bằng các cách như đảo trật tự, tách, ghép một số phần câu hỏi có sẵn lại với nhau để tạo thành hệ thống câu hỏi mới.

Ngoài ra, GV cũng có thể đặt thêm câu hỏi dẫn dắt, gợi mở để hỗ trợ HS giải quyết tốt hơn hệ thống câu hỏi trong SGK.

Các câu hỏi trong SGK có thể được triển khai theo những gợi ý:

Câu hỏi 1: Cần hướng dẫn HS nhận ra hai điểm đặc biệt của bài ca dao thứ nhất là: (1) 13 câu đầu: người đọc được nhân vật trữ tình dẫn dắt dạo chơi qua ba mươi sáu phố phường của Hà Nội xưa với niềm tự hào; (2) 5 câu cuối: sự đồng đúc, nhộn nhịp của phố phường Hà Nội được gợi lên qua những từ ngữ, hình ảnh như “phồn hoa”, “phố giảng mác cửi”, “đường quanh bàn cờ”; thể hiện tình cảm lưu luyến khi phải xa Long Thành “Người về nhớ cảnh ngân nga”. Khi dạy bài này, GV có thể cho HS xem một số hình ảnh về ba mươi sáu phố phường của Hà Nội xưa để hiểu rõ hơn bài ca dao.

Câu hỏi 2: Hướng dẫn HS nhận biết và phân tích: (1) một vẻ đẹp khác của quê hương: vẻ đẹp về truyền thống giữ nước của dân tộc; (2) hình thức thể hiện độc đáo của bài ca dao: lời hỏi – đáp của chàng trai và cô gái, qua đó, tác giả dân gian giới thiệu những địa danh lịch sử, gắn với với những chiến công lịch sử oanh liệt của dân tộc (chiến công ba lần phá tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng, cuộc khởi nghĩa chống quân Minh của người anh hùng Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn). Từ đó, bài ca dao thể hiện niềm tự hào và tình yêu đối với quê hương, đất nước.

Câu hỏi 3: Hướng dẫn HS nhận biết và phân tích: (1) tác giả dân gian đã dùng điệp từ “có” khi giới thiệu về vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên (núi, đầm, cù lao), gắn với chiến công lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, vẻ đẹp của lòng thủy chung, son sắt của người phụ nữ, vẻ đẹp của một món ăn rất dân dã, quen thuộc với vùng đất này là canh bí đỏ nấu với nước dừa; (2) trình bày cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp của Bình Định được thể hiện qua bài ca dao.

Câu hỏi 4: GV có thể sử dụng phương pháp dạy học hợp tác và kỹ thuật phòng tranh để tổ chức cho các nhóm trả lời, trình bày và tự đánh giá lẫn nhau. Trên cơ sở đó, GV giúp HS nhận biết đặc điểm của thơ lục bát được thể hiện qua bài ca dao thứ 3:

Đặc điểm của thể thơ lục bát	Thể hiện trong bài ca dao
Số dòng thơ	4 dòng thơ (2 dòng lục, 2 dòng bát)
Số tiếng trong từng dòng	Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng
Vần trong các dòng thơ	Phụ – cù; Xanh – anh – canh
Nhịp của từng dòng thơ	Dòng 1: 2/4; dòng 2: 4/4; dòng 3: 4/2; dòng 4: 4/4

Câu hỏi 5: Hướng dẫn HS nhận biết và phân tích được: (1) sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng cho Đồng Tháp Mười, thể hiện qua điệp từ “sắn” và hình ảnh “cá tôm sắn bắt, lúa trời sắn ăn”, (2) niềm tự hào về sự trù phú của Đồng Tháp Mười.

Các câu 1, 2, 3, 5: GV có thể cho HS thảo luận theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ (4 đến 5 HS) để trình bày, lí giải về các câu hỏi theo cảm nhận của bản thân, qua đó nhận biết nét đặc sắc của từng bài ca dao. Ngoài ra, GV cũng có thể sử dụng kĩ thuật mảnh ghép để tổ chức cho các nhóm HS cùng tìm hiểu về các câu hỏi 1, 2, 3, 5 để tiết kiệm thời gian của tiết học.

Câu hỏi 6: GV cho HS thảo luận để khái quát về đẹp cảnh vật, con người, truyền thống được thể hiện qua bốn bài ca dao; nhận biết tình cảm yêu thương, tự hào về quê hương; chỉ ra những hình ảnh, từ ngữ để chứng minh cho ý kiến của mình.

Câu hỏi 7: GV có thể cho HS thảo luận và điền vào bảng phụ:

Bài ca dao	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	Giải thích
1		
2		
3		
4		

Câu hỏi 8: Cho HS tự do trình bày ý kiến của bản thân và phải giải thích được lí do thích bài nào.

VĂN BẢN 2: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA

1. Mục tiêu dạy học và câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.	1
Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.	2, 3, 4
Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.	5
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Câu hỏi 1: GV có thể cho HS chuẩn bị ở nhà, sau đó đến lớp trình bày.

Câu hỏi 2: GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm đôi hoặc mời một HS hát một bài hát, đọc một bài thơ về quê hương.

Ngoài ra, GV có thể sử dụng thêm phương pháp trò chơi hoặc kỹ thuật KWL, động não,... để kích hoạt hiểu biết nền của HS về đặc điểm thể thơ lục bát và một số lưu ý khi đọc thơ (đã tìm hiểu ở bài học trước).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB hoặc GV có thể đọc cùng HS. Khi GV đọc, nhắc nhở HS chú ý cách ngắt nhịp và nhận xét về giọng điệu của bài thơ, từ đó hướng dẫn HS nhận ra giọng điệu ca ngợi, tự hào về quê hương của tác giả.

Khi HS đọc, lưu ý HS hết khổ 1, 2 và 3 thì tạm dừng vài phút để tưởng tượng về phong cảnh và con người Việt Nam cũng như liên hệ giữa những nội dung của các khổ thơ với lịch sử dân tộc. Cần cân nhắc việc có nên cho HS chia sẻ kết quả thực hiện các kỹ năng *tưởng tượng* và *liên hệ* hay không dựa trên điều kiện thời gian và khả năng thực hiện các kỹ năng của HS.

3.3. Suy ngẫm và phản hồi

Hướng dẫn HS tiếp tục nhận biết đặc điểm của thể thơ lục bát và tình cảm tự hào của tác giả về đất nước được thể hiện trực tiếp qua các câu cảm thán “Việt Nam đất nước ta ơi/ Quê hương biết mấy thân yêu” và thể hiện gián tiếp qua cách tác giả lựa chọn, khắc hoạ các hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam.

Hướng dẫn HS nhận diện những hình ảnh tiêu biểu mà tác giả đã lựa chọn để miêu tả đất nước, con người Việt Nam qua việc trả lời câu hỏi 2; từ đó khái quát về 2 vẻ đẹp của quê hương được thể hiện qua bài thơ: *vẻ đẹp cảnh sắc* và *vẻ đẹp con người*. Đối với câu hỏi 3 và 4, GV nên hướng dẫn HS tìm những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc trong các đoạn thơ; trên cơ sở đó chỉ ra tác dụng của chúng để hình dung về những vẻ đẹp của quê hương.

Thông qua bài học này, chú ý hướng dẫn HS rút ra một số lưu ý khi đọc một bài thơ lục bát:

– Chú ý đặc điểm về số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịp, phối thanh của thơ lục bát. Trong trường hợp của bài thơ này, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS nhận ra sự biến thể của thể thơ lục bát (đặc biệt là về cách ngắt nhịp, chẳng hạn như trường hợp dòng thơ “Bao nhiêu đời/ đã chịu nhiều thương đau”, “Đạp quân thù/ xuống đất đen”,...) và mục đích của việc sử dụng những biến thể ấy để thể hiện tình cảm của tác giả đối với quê hương.

– Chú ý tìm hiểu hệ thống hình ảnh được khắc hoạ trong thơ và tình cảm của tác giả được thể hiện qua bài thơ.

Câu hỏi 1: Gợi nhắc HS nhớ lại kiến thức đã học về thể thơ lục bát trong tiết thứ nhất để từ đó, xác định cách gieo vần, ngắt nhịp, phối thanh trong bốn dòng thơ đầu bằng cách điền vào mô hình sau.

Dòng \ Tiếng	Tiếng							
	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục	-	<i>bằng</i>	-	trắc	-	<i>bằng</i>		
Bát	-	<i>bằng</i>	-	trắc	-	<i>bằng</i>	-	<i>bằng</i>

Câu hỏi 2: Hướng dẫn HS nhận biết: (1) những hình ảnh tiêu biểu cho đất nước và con người Việt Nam; (2) từ đó, nhận ra những vẻ đẹp của quê hương: vẻ đẹp của thiên nhiên, của những người lao động cần cù, chịu khó, của truyền thống đấu tranh bất khuất, của lòng thủy chung, sự tài hoa.

Câu hỏi 3: Để giúp HS hoàn thành câu hỏi này, GV có thể cho HS điền vào phiếu học tập sau:

	Xác định	Tác dụng
Những hình ảnh tiêu biểu		
Biện pháp tu từ		

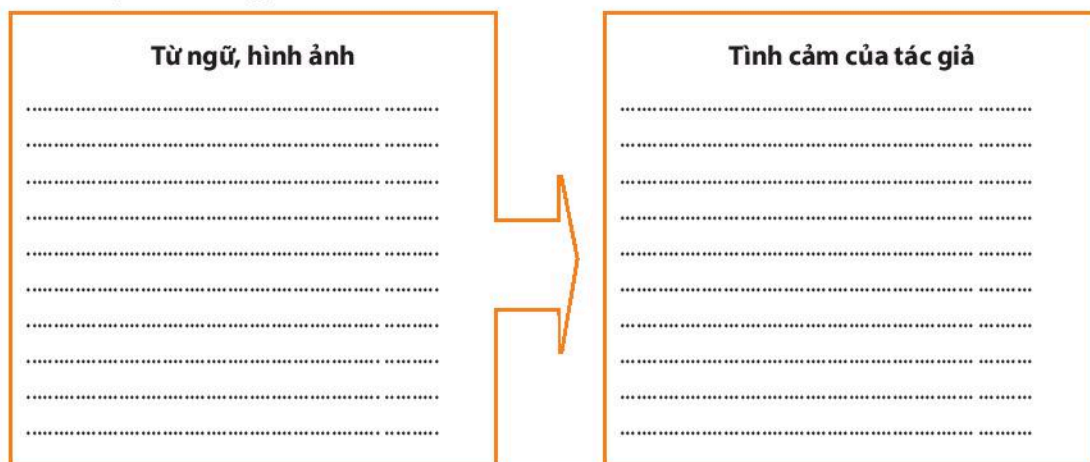
Chú ý hướng dẫn HS phát hiện hình ảnh ẩn dụ “biên lúa”.

Câu hỏi 4: Hướng dẫn HS làm theo nhóm, điền vào phiếu học tập sau để nhận ra tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh đối với việc thể hiện nội dung:

	Vẻ đẹp của con người Việt Nam	Từ ngữ, hình ảnh thể hiện	Tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh ấy
Vẻ đẹp thứ nhất			
Vẻ đẹp thứ hai			
Vẻ đẹp thứ ba			

Cần chú ý hướng dẫn HS nhận ra những đặc điểm của con người Việt Nam: (1) vất vả, cần cù trong lao động (“mặt người vất vả in sâu”); (2) kiên cường, mạnh mẽ, anh hùng trong chiến đấu (“chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên”, “đạp quân thù xuống đất đen”) nhưng rất đỗi giản dị (“áo nâu nhuộm bùn”), hiền lành (“súng gươm vứt bỏ lại hiền hơn xưa”); (3) thủy chung (“yêu ai yêu trọn tấm lòng thủy chung”), khéo léo, chăm chỉ (“tay người như có phép tiên”, “trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ”).

Câu hỏi 5: Có thể dùng sơ đồ sau để hướng dẫn HS nhận ra một đặc điểm của thơ là ngoài việc thể hiện tình cảm gián tiếp, tác giả còn thể hiện trực tiếp tình cảm của mình đối với sự vật, hiện tượng được miêu tả.



Câu hỏi 6: GV có thể cho HS viết một câu văn ngắn thể hiện suy nghĩ và cảm xúc của các em về quê hương, sau đó cho HS trao đổi với bạn trong nhóm. Tiếp theo, GV mời một vài HS trình bày trước lớp.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:

VỀ BÀI CA DAO “ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG...”

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ;
- Liên hệ, kết nối với VB *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương, Việt Nam quê hương ta* để hiểu hơn về chủ điểm *Vẻ đẹp quê hương*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể cho HS quan sát bức ảnh cánh đồng lúa trong SGK để chia sẻ cảm nhận của mình về bức ảnh. GV cũng có thể khuyến khích HS đọc vài câu ca dao, bài thơ, bài hát về cánh đồng lúa mà em đã biết.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức cho HS đọc VB theo nhóm, mỗi em trong nhóm đọc một đoạn. GV đến một vài nhóm đọc cùng HS.

2.2. Suy ngẫm và phản hồi

Đây là một bài văn nghị luận văn học, trong đó, tác giả trình bày những cách hiểu khác nhau về bài ca dao *Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng, ...* Tuy nhiên, khi dạy bài này, GV không khai thác đặc điểm thể loại mà chỉ hướng dẫn HS nhận biết những cách hiểu của tác giả Bùi Mạnh Nhị về bài ca dao. Lí do: (1) thể loại chủ đạo của chủ điểm về đẹp quê hương là thơ lục bát; (2) HS lớp 6 chưa được học về văn nghị luận. Cần chú ý hướng dẫn HS nhận biết hai tác giả: tác giả dân gian, người viết bài ca dao và tác giả Bùi Mạnh Nhị, người viết bài văn thể hiện cảm nhận về đẹp quê hương trong bài ca dao.

Trước tiên, cho HS đọc bài ca dao (có thể được trình bày trên máy chiếu hoặc bảng phụ) và ghi ngắn gọn hoặc trình bày cảm nhận của mình về bài ca dao. Mục đích của hoạt động này là tạo cho HS cơ hội tự cảm nhận về đẹp quê hương được thể hiện qua VB, để khi đọc bài viết của Bùi Mạnh Nhị, HS hiểu rằng một VB có thể có những cách hiểu khác nhau.

Tiếp theo, cho HS đọc và tìm hiểu bài viết của Bùi Mạnh Nhị, cụ thể là:

Câu hỏi 1: Tổ chức cho HS làm việc theo cặp, tìm những hình ảnh về quê hương trong bài ca dao mà tác giả Bùi Mạnh Nhị cho là đặc sắc (hình ảnh cánh đồng lúa mênh mông, hình ảnh cô gái trẻ trung, duyên dáng trong ánh nắng ban mai).

Câu hỏi 2: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm, xác định những nét độc đáo của bài ca dao mà tác giả Bùi Mạnh Nhị đã chỉ ra trong từng đoạn bằng phiếu học tập sau hoặc cho HS trình bày trên bảng phụ và treo kết quả trên bảng để các nhóm so sánh:

Đoạn	Nét độc đáo của bài ca dao qua cảm nhận của tác giả Bùi Mạnh Nhị
1	Diễn tả tình yêu quê hương đất nước một cách bình dị, sâu sắc.
2	
3	
4	
5	

Câu hỏi 3: Hướng dẫn HS tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả Bùi Mạnh Nhị khi đọc bài ca dao (đặc biệt là đoạn 5), từ đó nhận xét về cảm xúc của tác giả.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV xem lại cách hướng dẫn ở phần hướng dẫn tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn*.

Nếu đã hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung tri thức ở phần *Tri thức Ngữ văn* thì đến đây, GV có thể tổ chức hoạt động để gợi nhắc cho HS.

3. Thực hành tiếng Việt

Mục đích của những bài tập từ 1 đến 4 là giúp HS vận dụng lí thuyết ở *Tri thức tiếng Việt* vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa trong các VB đọc hiểu đã học trước đó, đồng thời ôn lại kiến thức về điệp từ, so sánh và từ láy mà HS đã học ở Tiểu học. GV có thể tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm, hoặc thi đua giữa các nhóm xem nhóm nào tìm ra câu trả lời nhanh nhất, đúng nhất.

Bài tập 1:

a. Có thể cho HS tra từ điển, tìm nghĩa của từ “phồn hoa” (gọi cảnh sống náo nhiệt, giàu có, xa hoa) và “phồn vinh” (thường được dùng để miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng), sau đó giải thích vì sao dùng từ “phồn hoa” trong câu ca dao trên là phù hợp.

b. Cho HS thảo luận để nhận biết biện pháp tu từ được sử dụng trong câu ca dao “Phổ giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ” là so sánh nhưng đã giản lược từ thường dùng để so sánh “như”. Phép so sánh đầy đủ của câu thơ này là “Phổ giăng như mắc cửi, đường quanh như bàn cờ”. Tác dụng: giúp người đọc dễ dàng hình dung tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.

c. Từ láy “ngần ngơ” được sử dụng trong đoạn ca dao thể hiện trạng thái bị cuốn hút đến ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.

d. Từ “bút hoa”: ý muốn nói tài năng xuất sắc của người làm nên những câu thơ này.

Bài tập 2: Trước tiên, GV cung cấp các nghĩa của từ “sẵn”: (1) Ở trạng thái có thể sử dụng hoặc hành động ngay, do đã được chuẩn bị; (2) Có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu. Sau đó, cho HS chọn lựa nghĩa nào phù hợp với câu “Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn”, sau đó lí giải sự phù hợp của nghĩa thứ hai với nghĩa của VB: thể hiện sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên vùng Thập Mười đã hào phóng ban tặng cho con người. Biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao trên là điệp từ “sẵn”, có tác dụng nhấn mạnh vào tính chất trù phú, giàu có của thiên nhiên Thập Mười.

Bài tập 3: GV có thể tổ chức trò chơi cho các nhóm thi đua hoàn thành nhanh nhất bài tập này.

Bài tập 4: Hướng dẫn HS dùng phiếu học tập sau để thực hiện bài tập theo nhóm:

Từ láy	Ý nghĩa
Ngắn ngủi	Có ý diễn tả bài ca dao rất ngắn, từ đó nhấn mạnh vào đặc điểm hình thức nổi bật của bài ca dao và giúp người đọc hình dung, liên tưởng rõ nét hơn.
Dân dã, mộc mạc	Nhấn mạnh vào sự chất phác, bình dị, mộc mạc của người dân quê, nơi thôn dã.
Tha thiết, ngọt ngào	Giúp người đọc hình dung rõ nét hơn về âm điệu của bài ca dao.
Thiết tha, bằng khuâng, xao xuyến	Giúp người đọc hình dung rõ hơn về cảm xúc của người viết đối với bài ca dao.

VIẾT NGẮN

Đây là bài tập yêu cầu HS sáng tạo, tích hợp vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc học đọc với việc học tiếng Việt. Hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, theo các bước sau để hoàn thành bài tập này:

– Bước 1: Tìm 5 hoặc 6 hình ảnh về Việt Nam hoặc về quê hương của HS, ghi lại nguồn tìm kiếm hình ảnh.

– Bước 2: Viết đoạn văn từ 150 đến 200 chữ giới thiệu về vẻ đẹp đất nước Việt Nam hoặc vẻ đẹp quê hương em được thể hiện qua các hình ảnh đó.

Tuần tiếp theo, khi HS mang bài viết đã làm ở nhà đến lớp, GV tổ chức cho HS chia sẻ bài viết trong nhóm, bình bầu sản phẩm nào hay nhất dựa trên các yêu cầu: (1) sự phù hợp của hình ảnh với đề bài; (2) sự phù hợp của đoạn văn với nội dung ảnh; (3) dẫn nguồn thông tin rõ ràng về các hình ảnh đã sử dụng. Sau đó, nhóm đề cử một HS đóng vai hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu cho cả lớp về vẻ đẹp của địa điểm này. Hoạt động này được thực hiện trong khoảng nửa tiết học. Sản phẩm của tất cả HS trong lớp được dán lên bảng phụ cho các bạn cùng xem (kỹ thuật phòng tranh).

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: HOA BÌM

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

2. Thực hành đọc

GV hướng dẫn HS đọc ở nhà, hoàn thành 3 câu hỏi. Sau đó, cho HS chia sẻ bài tập của mình trong nửa tiết, tiếp nối hoạt động chia sẻ về viết ngắn. Qua đó, GV hướng dẫn HS chốt lại những kiến thức về thể loại lục bát. Hoạt động này được tổ chức cùng thời gian với hoạt động cho HS chia sẻ bài viết ngắn.

VIẾT VĂN BẢN

LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

1. Yêu cầu cần đạt

Bước đầu biết làm bài thơ lục bát.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Đầu tiên, GV nêu câu hỏi: Trong bốn bài ca dao đã học, em thích bài nào nhất? Vì sao?, từ đó dẫn dắt vào ý thế nào là bài thơ hay trong mục *Tri thức về kiểu bài*.

Sau đó, GV yêu cầu HS nhắc lại những đặc điểm thể thơ lục bát, trên cơ sở đó, dẫn dắt vào việc sáng tác một bài thơ lục bát.

3. Phân tích kiểu văn bản

Có thể tiến hành theo hai cách:

Cách 1:

- GV trình bày bài *Chăn trâu đốt lửa* lên bảng hoặc màn hình máy tính, lần lượt nêu các câu hỏi hướng dẫn HS nhận biết;
- Vận, nhịp, thanh điệu của bài thơ;
- Cách kể, cách tả và thể hiện cảm xúc của nhà thơ.

Cách 2:

- Mời một nhà thơ chia sẻ với HS cách sáng tác một bài thơ lục bát hoặc xem video clip một nhà thơ nói về hoàn cảnh, cảm hứng sáng tác, ... bài thơ của họ.
- Sau đó, GV yêu cầu HS nêu bài học rút ra về cách làm thơ lục bát.

4. Viết theo quy trình

Bước 1: GV nên giao đề tài cho HS trước khi đến lớp để HS suy ngẫm.

Sau đó, mời một vài HS chia sẻ đề tài mà mình định viết.

Bước 2: Từ đề tài đã xác định, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài thơ bằng cách điền vào phiếu học tập sau:

Ý tưởng của tôi về bài thơ sẽ viết:

1. Sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên đã để lại cho tôi cảm xúc sâu sắc là

.....

2. Từ ngữ, hình ảnh nảy sinh trong đầu tôi là.....

3. Tôi viết điều này ra để.....

Bước 3: Hướng dẫn HS dùng bảng trong SGK để điền các từ ngữ, hình ảnh đã có trong phiếu học tập trên vào bảng. Yêu cầu HS viết tối thiểu một cặp gồm 2 câu thơ lục bát.

Bước 4: Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm trong SGK để tự kiểm tra bài thơ của mình, sau đó cho 2 HS chia sẻ với nhau, giúp nhau hoàn thiện bài thơ dựa trên bảng kiểm.

Lưu ý: Không yêu cầu HS làm bài thơ hay, chỉ yêu cầu đúng luật.

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

1. Yêu cầu cần đạt

- Biết viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

GV nên giảng giải ngắn về kiểu bài hoặc yêu cầu HS thảo luận, điền vào bảng sau:

Đặc điểm kiểu đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ lục bát

	Hình thức	Nội dung
Đặc điểm		

3. Phân tích kiểu văn bản

GV hướng dẫn HS quan sát VB trong SGK và thảo luận theo hệ thống câu hỏi gợi ý sau:

- Tác giả đoạn văn có sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc không? Dựa vào đâu em có thể xác định được?
- Xác định phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn của đoạn văn.
- Nội dung câu mở đoạn là gì?
- Phần thân đoạn gồm những câu nào và trình bày nội dung gì? Những nội dung đó được người viết trình bày bằng những từ ngữ, câu văn nào trong đoạn?
- Nội dung của câu kết đoạn là gì?
- Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát không? Cơ sở nào để em khẳng định điều đó?
- Từ những nội dung vừa tìm hiểu, em hãy rút ra đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ lục bát.

Tiếp theo, cho HS đọc đoạn văn lần hai, trả lời các câu hỏi để hiểu rõ hơn đặc điểm của đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát.

4. Viết theo quy trình

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)

Trước 1 tuần, GV cho HS chọn bài thơ lục bát mà em yêu thích và muốn viết và dựa vào những hướng dẫn trong SGK để xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Hướng dẫn HS thực hiện các bước trong mục tìm ý, sau đó, dùng phiếu học tập sau để lập dàn ý:

Mở đoạn	Tên bài thơ, tên tác giả.....
	Cảm xúc chung về bài thơ.....
Thân đoạn	Cảm xúc thứ nhất.....
	Bằng chứng
	Cảm xúc thứ hai.....
	Bằng chứng
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm xúc.....
	Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân

Sau đó, cho HS trao đổi dàn ý trong nhóm đôi để HS góp ý cho nhau.

Bước 3: Viết đoạn

GV nhắc HS khi viết bài, cần bám vào dàn ý, đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Tổ chức thực hiện bước này theo quy trình sau:

- Yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.
- Đổi bài với bạn cùng nhóm để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm. Việc chia sẻ đoạn văn sẽ được thực hiện trong giờ nói và nghe.

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

Trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.

2. Thực hành nói và nghe

Sử dụng biện pháp động não, yêu cầu HS liệt kê những yếu tố làm nên một bài nói hấp dẫn, thu hút người nghe. Trên cơ sở đó, GV giới thiệu HS mục tiêu của bài học.

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Cho HS 2 phút để trả lời các câu hỏi:

- Yêu cầu của đề tài là gì?
- Người nghe của tôi có thể là ai?
- Mục đích nói của tôi là gì?
- Tôi sẽ nói trong không gian nào?
- Tôi có khoảng bao nhiêu thời gian để nói?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

GV yêu cầu HS:

- Đọc lại đoạn văn đã viết.
- Xác định các ý.
- Liệt kê các ý bằng cách gạch đầu dòng, ghi cụm từ chính.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Hướng dẫn mỗi HS luyện tập trình bày bài nói của mình dựa trên những gợi ý trong SGK. Trong quá trình HS luyện tập, GV có thể quan sát, lắng nghe và góp ý cho bài trình bày của các em, nhưng tất cả những góp ý chỉ nên mang tính khơi gợi, tránh áp đặt, “can thiệp” sâu vào việc thể hiện ý tưởng của các em và góp ý trên tinh thần khuyến khích, khen ngợi các em. Trong quá trình quan sát HS, GV nên tránh làm các em mất tự nhiên, khiến các em có tâm lý e ngại với việc trình bày bằng lời nói.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Thành lập nhóm đôi, cho hai em trình bày bài nói cho nhau nghe và góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.

Sau đó, mời một HS trình bày bài nói cho cả lớp nghe.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự làm các bài tập trong mục ôn tập. Trong lớp học, GV tổ chức cho HS trình bày các bài tập đã làm.

Cuối giờ, GV nêu lại câu hỏi lớn ở đầu bài học và cho HS vài phút suy ngẫm, viết vài ý trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của những trải nghiệm đối với cuộc sống của HS. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp. Hoạt động này giúp cả lớp hiểu bạn mình hơn.

BÀI 4: NHỮNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐỜI (13 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết;

Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại; người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB gợi ra.
- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Nhân ái, khoan dung với người khác; biết trân trọng những giá trị của cuộc sống.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV có thể kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại đồng thoại, kiểu bài kể lại trải nghiệm, thể nào là mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.
- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kĩ năng.
- Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và tri thức tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim về *Đế Mèn phiêu lưu kí* (nếu có thể).
- Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (*Chuẩn bị đọc, Suy ngẫm và phản hồi*) trong SGK thành phiếu học tập.

- Sơ đồ, biểu bảng.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể nêu câu hỏi mà SGK đã nêu hoặc dùng hình ảnh, câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về một kỉ niệm đẹp, một sai lầm mà HS có thể đã gặp phải,... và những câu chuyện có nhân vật chính là loài vật kết hợp với việc dùng tranh ảnh hoặc một đoạn video clip ngắn liên quan đến chủ điểm bài học. Sau đó, GV nêu câu hỏi lớn của bài học cho HS suy ngẫm.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Trong bài học này, tri thức đọc hiểu nên được dạy ở giờ học của VB *Bài học đường đời đầu tiên*, trước khi HS đi vào tìm hiểu VB. Tri thức đọc hiểu ở bài học này là tri thức về thể loại truyện đồng thoại. GV có thể sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn với HS về thể loại và yêu cầu HS đọc nội dung này trong SGK, xác định một số từ khoá mô tả đặc điểm của thể loại. Ngoài ra, GV cũng nên kết hợp với việc nêu ví dụ cụ thể về một số truyện đồng thoại.

2. Tri thức tiếng Việt

Nội dung tri thức mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ chỉ nên được dạy thật ngắn gọn với mục đích cung cấp kiến thức công cụ để HS thực hành sử dụng các kĩ năng ấy vào việc đọc và viết. Để dạy mục này, GV có thể sử dụng một số phương pháp như thuyết trình, trực quan (sơ đồ, mô hình, bảng biểu,...) và dạy theo cách quy nạp (nêu ví dụ → phân tích → hình thành khái niệm). Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS rút ra được những đơn vị kiến thức cơ bản sau: (1) các thành phần chính của câu và cấu tạo thông thường của những thành phần ấy; (2) các cách mở rộng thành phần chính cho câu (mở rộng chủ ngữ và vị ngữ của câu bằng cách thêm vào các thành phần định ngữ và bổ ngữ); (3) tác dụng của việc mở rộng thành phần chính cho câu.

GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung này kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc VB 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc theo thể loại

Mục tiêu dạy đọc của bài này là giúp HS hiểu được thể nào là thể loại truyện đồng thoại, khác với các thể loại truyện cổ tích đã học trong bài 2.

Sau phần đọc các VB 1 và 2, GV có thể cho HS thảo luận nhóm và điền vào bảng sau để nhận biết đặc điểm truyện đồng thoại:

Đặc điểm truyện cổ tích và truyện đồng thoại

Đặc điểm	Truyện cổ tích	Truyện đồng thoại
Nội dung phản ánh		
Nhân vật		
Cốt truyện		

Sau khi HS làm xong bảng trên, GV hướng dẫn HS nhận ra những điểm giống và khác nhau giữa hai thể loại.

2. Kỹ năng suy luận

Trong bài học này, phần kỹ năng đọc cần rèn luyện ở giai đoạn *Trải nghiệm cùng văn bản*, GV nên hướng dẫn HS tập trung luyện tập kỹ năng suy luận. Cách dạy:

– Giải thích ngắn gọn về kỹ năng suy luận.

– Chọn đọc một đoạn trong VB, làm mẫu kỹ năng suy luận bằng cách nói to suy nghĩ (kỹ thuật think-aloud) của GV khi dùng kỹ năng này để HS có thể quan sát được cách thực hiện kỹ năng. Ví dụ, trong đoạn dưới đây, khi đọc đến câu cuối đoạn, GV tạm ngừng và nói: Đoạn này thể hiện tính cách gì của nhân vật nhỉ? Sự tự hào về ngoại hình của bản thân, và có lẽ có cả sự khoe khoang.

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm² bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hùn hỏn³, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phanh phách giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu. ①

Suy luận

1. Những chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật “tôi” trong đoạn này là lời của ai? Điều này giúp em biết được điều gì về tính cách nhân vật?

– Mời HS đọc một đoạn khác và thực hiện theo cách mà GV đã làm 1 hoặc 2 lần. GV tập trung nhận xét cách HS thực hiện kỹ năng hơn là câu trả lời của HS.

Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp kết quả đọc của các em sau khi quá trình đọc trực tiếp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu về nhóm câu hỏi suy ngẫm và phản hồi.

– Sau đó, GV hướng dẫn HS chốt lại cách thực hiện kĩ năng. Để tạo ra một suy luận trong quá trình đọc, người đọc cần kết hợp thực hiện các thao tác sau: (1) tìm từ ngữ/ thông tin được thể hiện trên VB, (2) liên hệ với những trải nghiệm/ hiểu biết của bản thân liên quan đến những từ ngữ/ thông tin mà VB cung cấp, (3) suy luận về những nội dung hàm ẩn của VB.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.	1, 2, 3, 4, 6
Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.	4
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	5, 7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ nhóm nhỏ/ cá nhân để suy nghĩ, trao đổi nhanh với nhau về 2 câu hỏi *Chuẩn bị đọc* bằng kĩ thuật *trình bày 1 phút*. Với câu hỏi 2, GV nên lưu ý hướng dẫn HS thực hiện kĩ năng đọc lướt (chú ý vào nhan đề, các hình ảnh minh họa, đọc lướt nhanh đoạn đầu và đoạn cuối của VB,...) để đưa ra dự đoán về nội dung của VB.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Đối với những bài học đọc là những đoạn trích, GV có thể cho HS tự đọc ở nhà hoặc đọc nhanh tại lớp những nội dung giới thiệu về VB gốc và đoạn trích.

Tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB, kết hợp với việc GV đọc mẫu một vài đoạn.

Khi gặp những kí hiệu như  GV nên cho HS tạm dừng 1 đến 2 phút để suy ngẫm, trả lời câu hỏi, qua đó, HS thực hành kĩ năng đọc. Hoặc GV có thể cho HS ghi lại câu trả lời ngắn gọn của các em trên phiếu học tập (GV có thể chuyển các câu hỏi trong khi đọc này thành phiếu học tập dùng kết hợp với việc đọc trực tiếp VB) hoặc giấy nháp.

Kiểm tra kĩ năng đọc VB của HS bằng một số cách như: yêu cầu HS trả lời (một số câu hỏi hoặc chia sẻ cảm xúc, ấn tượng chung về VB,...).

Góp ý cho cách đọc của HS: mức độ đọc trôi chảy, độ to, rõ; khả năng diễn cảm của giọng đọc (sự phù hợp của tốc độ đọc, phân biệt giọng của các nhân vật, mức độ biểu cảm trong khi đọc, cách ngắt nghỉ khi đọc,...).

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Dựa vào hệ thống câu hỏi, GV hướng dẫn HS nhận biết được đặc điểm của truyện đồng thoại thể hiện qua nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật; người kể chuyện ngôi thứ nhất và tiếp tục phát triển các kĩ năng đọc truyện đã được hình thành ở các bài học trước. Với hệ thống câu hỏi trên, GV có thể sử dụng linh hoạt theo cách đã hướng dẫn ở những bài học trước tùy theo điều kiện thực tế và trình độ nhận thức, khả năng tương tác của HS.

Các câu hỏi trong SGK có thể được triển khai theo những gợi ý:

Câu hỏi 1 và 2: GV chủ yếu hướng dẫn HS sử dụng các thao tác tư duy ở mức độ nhận biết để trả lời câu hỏi. Cụ thể:

Câu hỏi 1: GV có thể hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn đầu và cuối của VB, tìm những từ khoá cho câu trả lời. Ở đoạn đầu là những từ “ân hận mãi”, “thể mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại đột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được”, “hồi ấy”. Ở đoạn cuối là những chi tiết: “ngẫm ra...”; “hồi ấy, tôi có tính tự đắc”;...

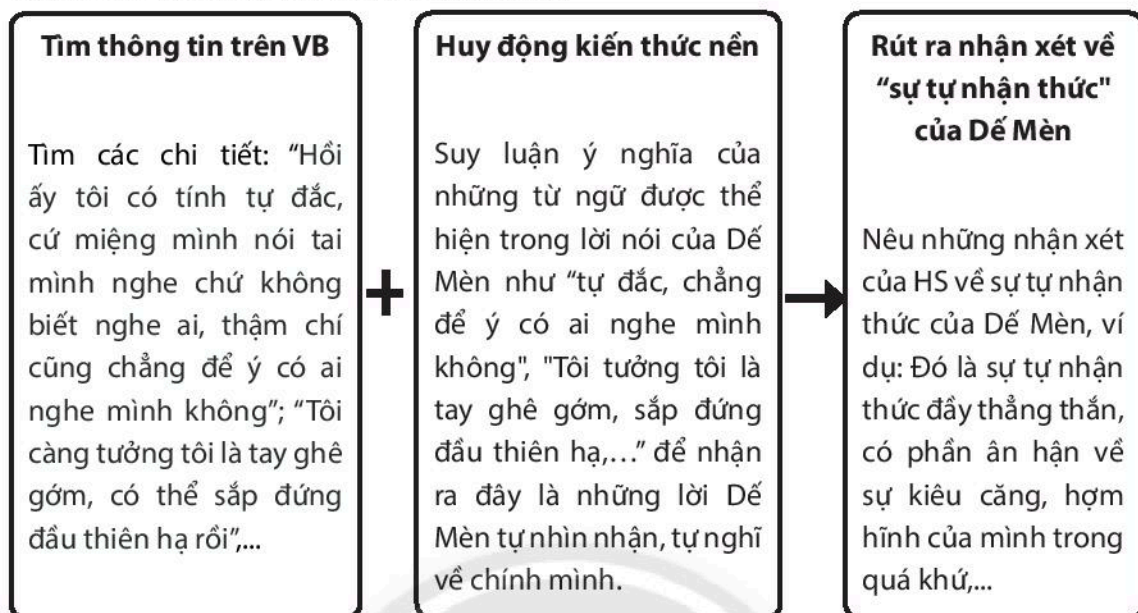
Câu hỏi 2: hướng dẫn HS kẻ bảng vào vở và điền một số câu thể hiện lời kể của Dế Mèn (lời kể xưng “tôi”) và lời đối thoại của Dế Mèn với nhân vật khác. Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV có thể giúp HS cách nhận diện, phân biệt lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.

GV có thể tổ chức cho HS trả lời cá nhân hoặc cặp đôi/ nhóm. Trong một số trường hợp GV có thể chuyển nhóm câu hỏi nhận biết thành hoạt động học tại nhà để HS có cơ hội tiếp xúc trước với VB thông qua “vòng đọc tại nhà” trước khi đến lớp.

Câu hỏi 3, 4 và 5: GV hướng dẫn HS sử dụng các thao tác tư duy ở mức độ phân tích, tổng hợp, suy luận để trả lời câu hỏi. Cụ thể:

Câu hỏi 3: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS nhận biết được đặc điểm của nhân vật trong truyện đồng thoại và cách thức đọc hiểu nhân vật thông qua việc tìm hiểu nhân vật Dế Mèn. Trước tiên, GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi; sau đó giúp HS củng cố hiểu biết về nhân vật, trong truyện đồng thoại cũng như rút ra cách thức đọc hiểu nhân vật. Để

trả lời câu hỏi này, HS phải thực hiện thao tác suy luận về những nét tính cách của nhân vật Đế Mèn theo tiến trình sau (xem sơ đồ):



GV nên lưu ý kết nối câu hỏi này với các câu hỏi thuộc phần *Trải nghiệm cùng văn bản* và câu hỏi 2, vì các câu hỏi này thường cung cấp thông tin để HS trả lời một số câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*. Ví dụ: câu hỏi 3, có sự kết nối với các câu hỏi *Trải nghiệm cùng văn bản* (cụ thể là câu hỏi 1, 2, 3, 5) và câu hỏi 2. Việc kết nối các thông tin với nhau giúp HS có cái nhìn hoàn chỉnh về nhân vật Đế Mèn.

Câu hỏi 4: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS nhận biết tác dụng của việc lựa chọn ngôi thứ nhất để kể chuyện. Để hướng dẫn HS trả lời, GV gợi nhắc lại tri thức đọc hiểu về người kể chuyện và có thể gợi mở cho HS bằng câu hỏi: Nếu bài học của Đế Mèn do người khác kể lại (người kể chuyện ngôi thứ ba) thì có gì khác so với việc do chính nhân vật kể lại?

Câu hỏi 5: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS thể hiện sự đánh giá của bản thân đối với một sự kiện quan trọng trong VB. Để trả lời câu hỏi này, HS cần thực hiện thao tác xâu chuỗi, kết nối các thông tin trong VB với nhau và liên hệ với kinh nghiệm, kiến thức nền của bản thân. Với câu hỏi này, GV có thể tổ chức cho HS đóng vai nhân vật Đế Mèn, đóng vai tác giả Tô Hoài, các HS khác nêu câu hỏi.

Câu hỏi 6: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS tổng hợp các dấu hiệu để nhận diện thể loại của VB *Bài học đường đời đầu tiên*. HS sẽ dựa trên tri thức đọc hiểu kết hợp với việc lí giải về sự thể hiện của các đặc điểm ấy trong VB, từ đó rút ra kết luận về thể loại VB.

Câu hỏi 7: Đối với câu hỏi này, GV hướng dẫn HS thể hiện những đánh giá, vận dụng về những gì đã đọc. Câu trả lời có thể mở nhưng HS cần đưa ra được lập luận hợp lí, phù hợp với nội dung của VB.

Sau khi hướng dẫn HS khám phá VB, ở hoạt động luyện tập, vận dụng, GV có thể tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm hoặc đóng vai một số đoạn trong VB để tạo cơ hội cho HS được thể hiện kết quả đọc hiểu của mình và thâm nhập sâu hơn vào VB.

VĂN BẢN 2: GIỌT SƯƠNG ĐÊM

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi
Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn	4
Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.	2, 3, 4, 5, 7
Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.	1
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Hoạt động này có thể được thiết kế thành nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà trước khi đến lớp. Nếu dạy học ở lớp, GV có thể dùng phương pháp đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS trao đổi nhanh với nhau về 2 câu hỏi trong phần *Chuẩn bị đọc*.

Ngoài ra, GV có thể sử dụng thêm phương pháp trò chơi hoặc kĩ thuật KWL, động não,... để kích hoạt hiểu biết nền của HS về đặc điểm truyện đồng thoại và một số lưu ý khi đọc truyện (đã tìm hiểu ở bài học trước).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB hoặc GV có thể đọc cùng HS.

Đến bài học này, GV không cần yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của mình về tất cả câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB* mà có thể yêu cầu HS tự trả lời bằng cách viết ra giấy hoặc ghi nhớ trong đầu. Sau khi HS hoàn thành việc đọc trực tiếp, GV có thể mời một vài HS chia sẻ câu trả lời về một số câu hỏi đó để vừa kiểm tra nhanh kết quả đọc trực tiếp của HS, vừa kiểm tra kết quả sử dụng kĩ năng suy luận của HS.

Sau đó, GV đánh giá về kết quả đọc của HS ở giai đoạn này.

3.3. Suy ngẫm và phản hồi

Trọng tâm của nhóm câu hỏi này là: (1) hướng dẫn HS tóm tắt VB; (2) hướng dẫn HS nhận biết được đặc điểm của truyện đồng thoại như cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ nhất. Ngoài ra, GV vẫn tiếp tục hình thành các kĩ năng đọc cho HS.

GV có thể sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật dạy học sau:

– Đàm thoại gợi mở dựa trên hệ thống câu hỏi suy ngẫm và phản hồi trong SGK. GV có thể chuyển những câu hỏi này thành phiếu học tập để hỗ trợ HS ghi chép trong giờ học.

– Dạy học hợp tác (nhóm): tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi và trình bày, nhận xét về câu trả lời của bạn/ nhóm bạn.

– Kĩ thuật KWL, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, phòng tranh: kết hợp với dạy học hợp tác để hướng dẫn HS kích hoạt nền (kĩ năng đọc thể loại truyện đồng thoại) và thực hiện các hoạt động khám phá, luyện tập, vận dụng về VB.

Câu hỏi 1 và 2: GV có thể tổ chức cho HS trả lời cá nhân hai câu hỏi này. Riêng đối với câu hỏi 1 hướng dẫn HS nhận diện người kể chuyện theo ngôi thứ ba, cùng với hình ảnh người kể chuyện theo ngôi thứ nhất ở *Bài học đường đời đầu tiên* thì kết quả trả lời của câu hỏi này giúp HS hoàn thiện việc củng cố tri thức về người kể chuyện.

Câu hỏi 3: hướng đến việc giúp HS nhận diện cốt truyện, một khái niệm mới với HS nên GV có thể tổ chức cho HS thảo luận để tìm câu trả lời. GV nên nhắc HS chú ý: cách thức nhận diện sự việc trong VB tự sự (cụ thể ở đây là truyện đồng thoại) sau khi sắp xếp hoàn chỉnh các sự kiện của *Giọt sương đêm* theo trình tự thời gian. Sau khi HS tóm tắt được các sự việc của truyện, GV tổ chức cho HS xác định sự việc quan trọng nhất của truyện. Đây là câu hỏi mở, tuy nhiên vai trò quan trọng của sự việc được xác định trong mối quan hệ với chỉnh thể của cốt truyện. Thông thường đó sẽ là những sự việc khiến nhân vật thay đổi suy nghĩ, cách nhìn và đưa ra những hành động có tính chất quyết định, ảnh hưởng đến kết thúc của truyện. Đồng thời những sự việc ấy cũng góp phần thể hiện chủ đề của VB. Vì vậy, khi trả lời nội dung này của câu hỏi, HS không chỉ lựa chọn được sự việc quan trọng mà còn phải đánh giá được tính chất quan trọng của sự kiện trong cái nhìn liên hệ với các sự kiện khác của cốt truyện, với toàn bộ diễn biến cũng như kết thúc của truyện.

Câu hỏi 4: GV giúp HS củng cố đặc điểm quan trọng của truyện đồng thoại. Trong truyện đồng thoại, nhân vật là các loài vật và được nhân hoá trên cơ sở bảo đảm phản ánh các đặc điểm sinh hoạt của loài vật, đồng thời không xa rời cách nhìn sự vật của trẻ em.

Câu hỏi 5 và 6: Hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung VB. Để trả lời câu hỏi 6 và 7, HS buộc phải thực hiện kĩ năng suy luận dựa trên việc kết nối các thông tin của VB với nhau và với kiến thức nền của bản thân. Dựa trên đặc điểm đó, GV có thể thiết kế thêm câu hỏi gợi ý để hướng dẫn người học thực hiện. Với câu hỏi liên quan đến thông điệp của VB,

GV có thể chấp nhận những câu trả lời khác nhau, miễn sao lập luận của các em logic, thuyết phục.

Câu hỏi 7: Mục đích nhằm hướng dẫn HS đánh giá cách kết thúc của câu chuyện. Để HS có thể đánh giá kết thúc ấy trong tương quan với chỉnh thể của câu chuyện, GV nên nêu thêm câu hỏi gợi ý (ví dụ: Nếu truyện không kết thúc như vậy thì ảnh hưởng như thế nào đến thông điệp của truyện?,...). Đồng thời, câu hỏi này cũng tạo cho HS cơ hội thể hiện sự sáng tạo bằng cách viết một kết thúc khác cho truyện. Kết thúc này sẽ được đánh giá dựa trên mức độ phù hợp giữa kết thúc ấy với các sự kiện đã diễn ra trước đó của truyện, mức độ thống nhất giữa hành động của nhân vật với tính cách của nhân vật.

Vì đây là bài học đọc hiểu thứ 2 về truyện đồng thoại, nên sau bài học này, GV có thể sử dụng một số phương pháp và kĩ thuật dạy học như đàm thoại gợi mở, công não, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn,... để tổ chức hoạt động cho HS rút ra những kinh nghiệm về việc đọc hiểu VB theo thể loại, từ đó ý thức rõ hơn về việc hình thành kĩ năng đọc thông qua việc tìm hiểu một VB cụ thể, tiêu biểu cho thể loại ấy. Cụ thể ở bài học này, GV nên chú ý hướng dẫn HS rút ra một số lưu ý sau:

- Chú ý đến đặc điểm của thể loại truyện đồng thoại: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB gợi ra.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kĩ năng đọc để nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ trong VB.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.
- Liên hệ, kết nối với VB *Bài học đường đời đầu tiên*, *Giọt sương đêm* để hiểu hơn về chủ điểm *Những trải nghiệm trong đời*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể cho HS đọc nhan đề VB và dựa vào chủ điểm của bài học để trả lời câu hỏi dự đoán sau về nội dung VB: Dựa vào nhan đề và hình ảnh minh họa của VB, em đoán xem VB này sẽ đưa em đến với trải nghiệm nào của nhân vật?

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức hoặc hướng dẫn cho HS đọc trực tiếp VB.

2.2. Suy ngẫm và phản hồi

Tiếp tục rèn luyện các kĩ năng đọc.

Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* ở bài đọc này chủ yếu hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung của VB và không được phân chia theo các mức độ nhận thức. Đối với nhóm câu hỏi này, GV có thể dùng phương pháp đàm thoại gợi mở hoặc dạy học hợp tác để tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận về các câu hỏi. Mục đích của những câu hỏi này là hướng dẫn HS tìm hiểu về nhân vật (câu hỏi 1 và 2), thông điệp của VB (câu hỏi 3), thể hiện sự đánh giá đối với các nhân vật trong truyện (câu hỏi 4 và 5). Thông qua đó, HS tự tạo ra được sự liên hệ giữa cá nhân với VB bằng cách rút ra bài học và ý nghĩa từ VB cho bản thân.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu dạy học

- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV xem lại cách hướng dẫn ở phần hướng dẫn tìm hiểu kiến thức Ngữ văn.

Nếu đã hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung tri thức ở phần *Tri thức Ngữ văn* thì đến đây, GV có thể tổ chức hoạt động để gợi nhắc cho HS bằng kĩ thuật KWL, tia chớp, động não,...

3. Thực hành tiếng Việt

GV có thể tổ chức cho HS giải quyết các câu hỏi, bài tập theo hình thức cá nhân hoặc nhóm/ cặp đôi. Mục đích là giúp HS củng cố, vận dụng lí thuyết ở phần *Tri thức tiếng Việt* vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc mở rộng thành phần chính của câu trong các VB đọc hiểu trước đó, cụ thể như sau:

Bài tập 1: Hướng dẫn HS xác định chủ ngữ của từng cặp câu, so sánh để nhận ra sự khác biệt về thông tin chủ ngữ ở từng cặp câu:

Khi sử dụng cụm danh từ “Những cái vuốt ở chân, ở khoeo” làm thành phần chủ ngữ của câu thì thông tin về chủ ngữ của câu trở nên rõ ràng, cụ thể hơn khi chỉ dùng danh từ “vuốt” làm chủ ngữ.

Trên cơ sở đó, HS chỉ ra được tác dụng của việc dùng cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu, cụ thể là bổ sung thông tin chi tiết, cụ thể cho chủ thể được nói đến trong câu.

Bài tập 2: Hướng dẫn HS xác định vị ngữ của từng cặp câu, cho biết cấu tạo vị ngữ của từng câu (cụm động từ hay cụm tính từ) và so sánh để nhận ra sự khác biệt về thông tin vị ngữ ở từng cặp câu:

a. So với thành phần vị ngữ trong câu 1 (“bò lên”), thành phần vị ngữ trong câu 2 “mới mon men bò lên” (cụm động từ) đã bổ sung thêm những thành phần miêu tả cách thức thực hiện hành động, làm cho thông tin miêu tả trở nên chi tiết hơn.

b. So với thành phần vị ngữ trong câu 1 (“khóc”), thành phần vị ngữ trong câu 2 “khóc thảm thiết” (cụm động từ) đã bổ sung thêm thông tin về cách thức thực hiện hành động của nhân vật vì thế làm cho hành động của nhân vật trở nên rõ ràng hơn.

c. So với thành phần vị ngữ trong câu 1 (“nóng”), thành phần vị ngữ trong câu 2 “nóng hầm hập” (cụm tính từ) đã bổ sung thêm thông tin về mức độ của cái “nóng” vì thế làm cho thông tin miêu tả của câu trở nên chi tiết và thể hiện được cả cảm giác mệt mỏi, khó chịu của người miêu tả trước sự khắc nghiệt của thời tiết.

Trên cơ sở đó, HS chỉ ra được tác dụng của việc dùng cụm động từ, cụm tính từ làm thành phần vị ngữ của câu, cụ thể là bổ sung thông tin chi tiết, cụ thể cho việc miêu tả hành động, tính chất của chủ thể được nói đến trong câu.

Bài tập 3: Lưu ý HS về tác dụng của việc sử dụng kiểu câu có vị ngữ được cấu tạo từ một chuỗi các cụm động từ, cụm tính từ khi miêu tả, đặc biệt là miêu tả hành động, suy nghĩ, ngôn ngữ của các nhân vật. Tác dụng của cách diễn đạt ấy là làm cho người đọc có thêm thông tin chi tiết, cụ thể về các đối tượng được miêu tả nên việc hình dung về các đối tượng ấy trở nên dễ dàng hơn. Điều đó khiến cho truyện trở nên sinh động, hấp dẫn, cụ thể hơn.

Bài tập 4: Hướng dẫn HS vận dụng các kiến thức về mở rộng thành phần chính cho câu để mở rộng chủ ngữ, vị ngữ hoặc cả hai thành phần chính trong các câu ấy. Từ đó, HS thực hiện việc so sánh giữa câu mở rộng và câu trước khi mở rộng để nhận ra câu mở rộng thường có nghĩa cụ thể, chi tiết hơn.

Bài tập 5:

a. Mục đích của bài tập là củng cố kiến thức về từ ghép, từ láy đã được học trước đó; trong đó chú ý hướng dẫn HS nhận ra việc sử dụng các từ láy trong đoạn văn (ví dụ: “phanh phách”, “hủn hoãn”, “phành phạch”, “giòn giã”, “rung rinh”) làm cho việc miêu tả nhân vật “tôi” trở nên sinh động, cụ thể, đồng thời thể hiện được niềm kiêu hãnh của nhân vật khi miêu tả chính mình.

b. Phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn là: “Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có *nhát dao vừa lia qua*”. Tác dụng của phép so sánh trên: làm cho việc miêu tả trở nên sinh động, cụ thể và hấp dẫn hơn, giúp người đọc hình dung rõ hơn về “sự lợi hại của những chiếc vuốt” ở nhân vật Dế Mèn, qua đó góp phần thể hiện niềm tự hào, kiêu hãnh của nhân vật về chính mình.

Bài tập 6: Hướng dẫn HS cách tìm nghĩa của từ “tợn” trong từ điển và xác định nghĩa nào được sử dụng trong câu a dựa trên mối quan hệ về nghĩa giữa từ ấy với những từ ngữ xung quanh và nghĩa của cả câu. Từ “tợn” trong câu a được dùng với nghĩa *bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi là gì*.

VIẾT NGẮN

Đây là bài tập yêu cầu HS sáng tạo, tích hợp vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc học đọc với việc học tiếng Việt. Vì thế nội dung dạy học này nên được chuyển thành nhiệm vụ học tập tại nhà cho HS và có thể được GV tổ chức kiểm tra, đánh giá ở tiết học Viết hoặc tiết Ôn tập. Nếu tiết tiếng Việt còn thời gian, GV có thể tổ chức cho HS thực hành tại lớp và nhận xét, đánh giá một số bài viết tiêu biểu.

Trên lớp, GV tổ chức cho HS chia sẻ bài viết trong nhóm, bình bầu sản phẩm nào hay nhất dựa trên các tiêu chí: (1) đóng vai Dế Mèn để viết; (2) nội dung bài học phù hợp với nội dung VB *Bài học đường đời đầu tiên*; (3) sử dụng được ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ; (4) khoảng từ 150 đến 200 chữ. Hoạt động này được thực hiện trong khoảng nửa tiết học. Sản phẩm của tất cả HS trong lớp được dán lên bảng phụ cho các bạn cùng xem (kĩ thuật phòng tranh) hoặc góc bảng tin học tập của lớp.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: CÔ GIÓ MÁT TÊN

1. Mục tiêu dạy học

- Nhận biết được chủ đề của VB.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.
- Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.

2. Thực hành đọc

Chức năng của hoạt động này là giúp HS vận dụng, củng cố kĩ năng đọc hiểu truyện đồng thoại. Vì thế, GV có thể cho HS đọc ở nhà, hoàn thành phần bài tập/ câu hỏi hướng dẫn đọc do SGK đề nghị. Khi đến lớp, GV tổ chức cho HS trao đổi, trình bày kết quả đọc với các bạn khác trong nhóm/ lớp. Thông qua kết quả đọc của HS, GV giúp HS ôn lại những đặc điểm của truyện đồng thoại. Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng có thể được thực hiện vào cuối bài học, kết hợp với hoạt động ôn tập.

VIẾT

1. Mục tiêu dạy học

- Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Đây là kiểu bài kết nối với VB *Bài học đường đời đầu tiên* về một số đặc điểm như: kiểu loại văn tự sự, kể lại những gì nhân vật “tôi” đã trải nghiệm trong quá khứ, thể hiện cảm xúc về những gì đã trải qua, rút ra bài học. Vì thế, có hai cách mà GV có thể sử dụng để dạy tri thức nền:

– Cách 1: GV nêu câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về cách kể chuyện của Tô Hoài. Ví dụ: Câu chuyện của Dế Mèn được kể từ ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba? Việc kể như vậy có tác dụng gì? Tiếp theo, GV giảng giải ngắn về kiểu bài, đặc điểm kiểu bài.

– Cách 2: GV trình bày các đặc điểm của kiểu bài trên bảng phụ (xem bảng sau), sau đó, cho HS nhớ lại những gì đã đọc *Bài học đường đời đầu tiên* và điền vào bảng. Từ đó, GV dẫn dắt vào bài dạy.

Đặc điểm kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân

Đặc điểm kiểu bài	<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>
Dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm của bản thân, thể hiện cảm xúc trước sự việc	
Sắp xếp các sự kiện theo trình tự hợp lí	
Kết hợp kể và tả, thể hiện cảm xúc đối với sự kiện	
Rút ra bài học kinh nghiệm về câu chuyện đã trải qua	

3. Phân tích kiểu văn bản

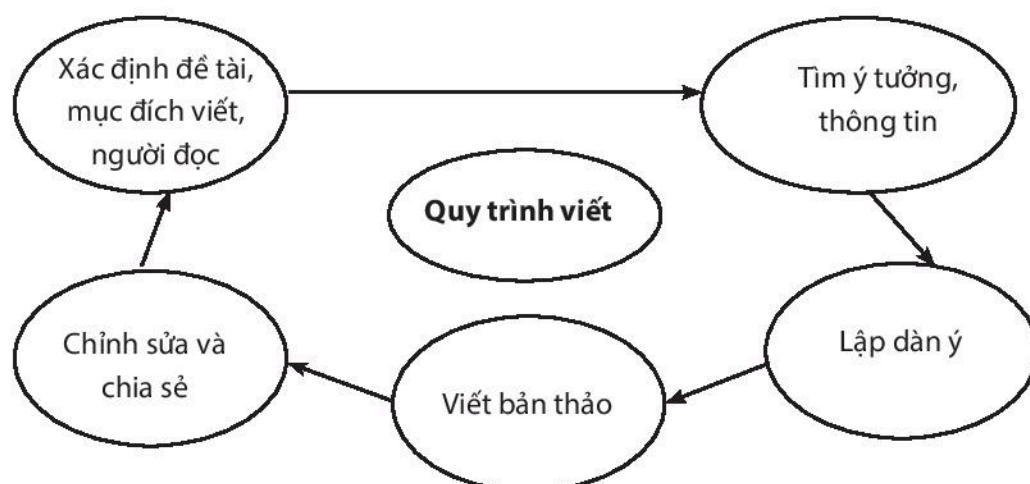
GV cho HS lần lượt đọc, quan sát kĩ những dấu hiệu trên từng đoạn VB (được thể hiện bằng các con số), dừng lại sau mỗi đoạn để nhận ra đặc điểm của kiểu VB.

Sau đó, cho HS thảo luận, trả lời các câu hỏi sau VB mẫu để tiếp tục hiểu rõ đặc điểm của kiểu bài *Kể lại một trải nghiệm của bản thân*.

4. Viết theo quy trình

GV nên giao cho HS đề bài trước khi viết 1 hoặc 2 tuần, để HS có thời gian suy nghĩ, nhớ lại những gì mình đã trải nghiệm, đồng thời GV hướng dẫn HS ghi chép ý tưởng, cảm xúc, sự kiện, ... vào một cuốn sổ tay hoặc phiếu ghi chép, ví dụ: Phiếu ghi chép *Trải nghiệm của tôi*. Sau đó, HS đem những ghi chép của mình đến lớp.

Đến lớp, đầu tiên GV có thể dùng sơ đồ sau để giới thiệu quy trình viết và giải thích cho HS hiểu ý nghĩa của từng bước trong quy trình:



Sau đó, GV chọn một trải nghiệm mà bản thân đã trải qua và làm mẫu từng bước tạo lập VB bằng cách nói to những suy nghĩ của mình, đồng thời viết những suy nghĩ đó lên bảng đen hoặc bảng phụ để HS có thể “quan sát” được những câu hỏi, cảm xúc, do dự,... mà một người viết thường thực hiện trong quá trình tạo lập VB. Trong quá trình làm mẫu, GV có thể nói những câu như:

Trước khi các em học cách viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân, thầy/cô sẽ làm mẫu cách viết kiểu bài này, các em hãy quan sát cách thầy/cô làm để rút ra kinh nghiệm cho bản thân khi viết.

– Thầy/Cô sẽ kể về một trải nghiệm mà cô đã trải qua (viết tên câu chuyện định kể trên bảng).

– Thầy/Cô muốn kể câu chuyện này cho các em nghe, để chia sẻ với các em những gì thầy/cô đã trải qua.

– Để kể câu chuyện này, thầy/cô sẽ tìm thông tin, ý tưởng từ ...

– Các sự kiện đã xảy ra gồm ... (ghi các thông tin lên bảng).

– Giờ thì cô sắp xếp các sự kiện đó thành một dàn ý (ghi dàn ý lên bảng):

+ Để giới thiệu câu chuyện này, cô sẽ viết ...

+ Thân bài gồm các ý ...

+ Kết bài: bài học cô học được từ trải nghiệm này là ...

– Dựa trên dàn ý này, cô sẽ viết bản nháp ...

Sau khi làm mẫu cách viết xong, GV cho đề tài và hướng dẫn HS thực hiện từng bước quy trình viết với đề tài đã cho.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)

Trình bày mô hình sau trên bảng phụ, tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi về những câu hỏi sau:

Đề tài

Xác định nội dung, cách thức giao tiếp:

- Tôi muốn viết về cái gì hoặc nội dung mà đề tài yêu cầu là gì?
- Phạm vi đề tài của bài viết này là gì?
- Kiểu loại là gì: nghị luận, tả cảnh, kể chuyện,...?

Mục đích viết

Xác định mục đích giao tiếp:

- Viết để thông báo thông tin?
- Viết để thuyết phục người khác?
- Viết để miêu tả sự việc, hiện tượng?
- Viết để kể một câu chuyện bản thân đã trải qua?
- ...

Người đọc

Xác định đối tượng giao tiếp:

- Người đọc của tôi có thể là ai?
- Họ đã biết gì về vấn đề tôi định viết?
- Điều gì có thể làm họ hứng thú? Họ muốn biết thêm những gì?

– Yêu cầu của đề tài là gì? *hoặc* Tôi muốn viết gì về đề tài này (trong trường hợp HS tự xác định đề tài)?

– Tôi viết nhằm mục đích gì?

– Người đọc của tôi có thể là ai? Họ muốn biết gì về vấn đề này?

Tiếp theo, GV yêu cầu một vài HS trình bày những gì đã viết.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Viết là hoạt động cá nhân, mỗi HS có những kỉ niệm, câu chuyện riêng. Vì thế, trong bước này, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào Phiếu ghi chép đã chuẩn bị ở nhà, phác thảo ý tưởng cho bài viết dựa trên các gợi ý trong SGK (tr. 33).

Phiếu ghi chép: Câu chuyện về trải nghiệm của tôi

Tôi muốn kể câu chuyện gì? Kể cho ai nghe?

.....

Chuyện xảy ra ở đâu, khi nào?

.....

Những sự kiện gì mà tôi còn nhớ?

.....

Cảm xúc, suy nghĩ của tôi lúc đó thế nào?

.....

Sự việc đã xảy ra có ý nghĩa gì với tôi?

.....

GV có thể sử dụng cách khác để khuyến khích HS nảy sinh ý tưởng bằng cách viết ra bất cứ từ, cụm từ nào nảy sinh trong đầu, liên quan đến trải nghiệm muốn kể. Ví dụ:

- Đá bóng.
- Giấu quần áo vào cặp; bị mẹ phát hiện; nói dối.
- Về nhà lúc 6h tối, tiếp tục nói dối
- Thầy giáo gọi điện; sợ hãi.
- ...

Sau đó, GV có thể mời một số HS chia sẻ những ý tưởng đã phác thảo về câu chuyện.

Để hướng dẫn HS lập dàn ý, GV tổ chức cho HS sắp xếp, thể hiện ý tưởng thành dàn bài (có thể dùng sơ đồ tư duy, sơ đồ chuỗi, 5W1H,...):



Sau khi HS lập xong dàn ý, GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi để HS góp ý cho nhau.

Bước 3: Viết bài

Cho HS viết tại lớp hoặc ở nhà tùy vào việc phân bổ thời gian cho hoạt động viết.

Bước 5: Chỉnh sửa và chia sẻ

Bước này có thể thực hiện qua hai hoạt động:

- Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm bài viết kể lại một trải nghiệm của bản thân* và *Cách kiểm tra và điều chỉnh bài viết* để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà hoặc trên lớp), nên dùng bút khác màu để tự điều chỉnh.

– Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau. Khuyến khích HS về nhà tiếp tục điều chỉnh bài viết.

– Cuối cùng, cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì học hỏi được từ bạn về cách kể lại trải nghiệm của bản thân.

NÓI và NGHE

1. Mục tiêu dạy học

Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

2. Thực hành nói và nghe

GV giới thiệu ngắn gọn cho HS hiểu tầm quan trọng của việc kể chuyện trong cuộc sống. Sau đó, dùng kĩ thuật KWL để yêu cầu HS: liệt kê vào cột K các yêu cầu cần có của một bài kể về trải nghiệm (ví dụ: dùng tính từ để miêu tả,...) và cách thức để thực hiện một bài nói dạng kể chuyện sao cho thu hút người nghe; điền vào cột W những gì các em muốn biết về cách kể một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. Trên cơ sở đó, GV giới thiệu mục tiêu của bài học nói và nghe.

GV gợi nhắc HS về quy trình thực hiện một bài nói trên lớp từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc để HS hình dung về quy trình thực hiện (có thể yêu cầu HS vẽ sơ đồ quy trình).

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Đây là bước hướng dẫn HS xác định các nhân tố quan trọng để chuẩn bị cho bài nói. GV có thể chuyển sơ đồ 5WH (what, who, why, where, when) thành phiếu học tập để hướng dẫn HS chuẩn bị cho bài nói bằng cách trả lời những câu hỏi sau:

– Mục đích nói (WHY): Em kể về trải nghiệm đáng nhớ của mình nhằm mục đích gì?

– Người nghe (WHO): Người nghe của em là ai? Họ muốn nghe những gì về trải nghiệm của em? Họ có quan niệm như thế nào khi nghe về những trải nghiệm của người khác?... (Với câu hỏi này, GV có thể gợi ý cho HS phỏng vấn/ hỏi bạn cùng lớp, cùng nhóm,...)

– Đề tài nói (WHAT): Nội dung mà bài nói này yêu cầu là gì? (GV nhắc HS: bài nói dựa vào bài viết nên đề tài của bài nói sẽ được xác định theo bài viết.).

– Không gian nói (WHERE): Em sẽ nói ở đâu? Trong lớp học hay trong hội trường? Địa điểm trang trọng hay không? Có ai khác cùng trình bày với em không? Địa điểm đó có các phương tiện như micro, màn chiếu, loa,... hay không?

– Thời gian nói (WHEN): Em có bao nhiêu phút để trình bày bài nói của mình? Với dung lượng thời gian như vậy tôi nên nói những gì?

GV nên yêu cầu HS mô tả ngắn gọn thông tin về những yếu tố liên quan đến việc chuẩn bị cho bài nói, nhắc nhở HS đây là thao tác cần thiết trước khi bắt tay vào việc chuẩn bị một bài nói. Những thông tin ấy càng cụ thể bao nhiêu thì việc chuẩn bị càng

tốt bấy nhiêu. Sau khi HS hoàn thành phiếu học tập đó, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi theo hình thức cặp đôi để các em học hỏi lẫn nhau cách thức xác định các yếu tố ấy.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Trong bước này, GV có thể dùng hệ thống câu hỏi sau để gợi ý cho HS:

– Ở phần Viết, các em đã được học về kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân. Dựa trên cơ sở đó, em hãy hình dung một bài nói kể về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân cần những thông tin cơ bản nào?

– Với bài viết, người đọc có thể đọc đi đọc lại bài viết để hiểu rõ hơn những đoạn chưa hiểu hoặc có thể dùng lại để hình dung, tưởng tượng về những điều được người viết mô tả. Tuy nhiên với một bài nói, người nghe sẽ không thể thực hiện những điều trên. Vậy để giúp người nghe hiểu rõ những gì được trình bày thì bên cạnh lời nói, người nói nên sử dụng thêm công cụ gì để hỗ trợ người nghe?

Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS:

- Đọc lại bài văn đã viết.
- Xác định các ý sẽ nói.
- Liệt kê các ý sẽ trình bày bằng cách gạch đầu dòng, diễn đạt bằng những từ/ cụm từ ngắn gọn trên những mảnh giấy ghi chép nhỏ (dạng giấy ghi chú).
- Trao đổi dàn ý với bạn trong nhóm để hoàn thiện hơn.
- Cân nhắc việc có nên sử dụng hình ảnh để minh họa cho bài nói hay không, nếu HS đã lưu lại những hình ảnh liên quan đến câu chuyện mà HS muốn chia sẻ.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Trước khi HS luyện tập trình bày bài nói, GV có thể sử dụng trò chơi để kích hoạt kiến thức nền của HS về các kĩ thuật trình bày để làm cho bài nói trở nên hấp dẫn, thú vị. Ví dụ: GV có thể dùng kĩ thuật công não để yêu cầu mỗi nhóm HS lần lượt trong thời gian 30 giây nêu ít nhất một cách thức để làm cho bài nói trở nên hấp dẫn, thú vị hơn; nhóm nào đến giây cuối cùng vẫn nêu được ý tưởng không trùng lặp với ý trước đó thì là nhóm thắng cuộc. GV liệt kê nhanh các ý tưởng của HS lên bảng phụ để giúp HS ghi nhớ. Mục đích của hoạt động này là nhắc nhở HS về tầm quan trọng của việc sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ khi trình bày bài nói.

Yêu cầu HS đọc SGK để tìm hiểu cách thức trình bày một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân sao cho hấp dẫn và nêu câu hỏi cho GV nếu có.

Tổ chức cho HS luyện tập theo cặp đôi để tăng cho HS cơ hội được trình bày bài nói của mình. Nhắc HS nhìn vào bảng kiểm trong SGK để tăng hiệu quả của luyện tập và trình bày.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Yêu cầu 2 HS đóng vai người nghe và người nói. Hướng dẫn HS đóng vai trò người nghe dùng kĩ thuật 321 để nghe và ghi lại ít nhất 3 ưu điểm về bài nói của bạn, 2 điểm còn hạn chế và 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh để bài nói của bạn trở nên hấp dẫn hơn. Tiếp theo, hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài nói của mình hoặc đánh giá bài nói của bạn.

Trong quá trình HS luyện tập, GV quan sát, lắng nghe và góp ý cho bài trình bày của các em.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự đọc ở nhà VB *Cô Gió mất tên* và hoàn thành bài tập về nhận biết thể loại đồng thoại và các bài tập khác trong mục *Ôn tập*. Trong lớp học, GV nên dành 1 tiết để HS chia sẻ kết quả đọc mở rộng theo thể loại và các bài tập đã làm trong mục *Ôn tập*. Trong giờ *Ôn tập*, GV có thể sử dụng phương pháp trò chơi, dạy học hợp tác, kĩ thuật mảnh ghép,... để tổ chức hoạt động học.

GV nên nhắc HS nhớ lại câu hỏi lớn nêu ở đầu bài học và cho HS vài phút suy ngẫm, viết vài dòng những suy nghĩ của mình về ý nghĩa của những trải nghiệm đối với cuộc sống của HS. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp để chia sẻ. Hoạt động này giúp cả lớp hiểu bạn mình hơn.

BÀI 5: TRÒ CHUYỆN CÙNG THIÊN NHIÊN (13 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết;
Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.
- Nhận biết được chủ đề của VB tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB.
- Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng; vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và nói.
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt; nói và nghe về một cảnh sinh hoạt.
- Biết lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên và tâm hồn mình.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

- Kết hợp diễn giảng ngắn với việc tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, trình bày ý kiến, đóng vai.
- Tổ chức cho HS kết hợp đọc với viết: điền vào các phiếu học tập, viết đoạn văn,...
- Tổ chức cho HS thực hành.

2. Phương tiện dạy học

Tùy điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to, tranh ảnh, giáo cụ liên quan đến bài học.
- Ảnh chân dung tác giả; máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh tư liệu liên quan.
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu *Chuẩn bị đọc*, *Suy ngẫm và phản hồi*) trong SGK thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tham khảo cách giới thiệu trong SGK.

Tuy nhiên, việc giới thiệu bài học cần ngắn gọn linh hoạt, nêu được câu hỏi lớn: *Thiên nhiên muốn trò chuyện cùng chúng ta điều gì?*

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Khi dạy bài này, GV cần lưu ý thêm một số vấn đề sau:

– *Trò chuyện cùng thiên nhiên* là bài học thứ năm trong học kì I hướng dẫn HS đọc VB tự sự, sau 2 bài đọc VB truyện, tri thức đọc hiểu trong bài này cơ bản đã được chuẩn bị từ nhiều bài trước liên quan đến các thể loại tự sự nói chung. Tuy vậy, đây là bài học đầu tiên về VB kí, cần dành thời gian thích đáng để HS đọc tri thức đọc hiểu về kí, tránh đồng nhất đọc kí với việc đọc VB thuần kể chuyện hay thuần miêu tả.

– GV có thể nêu một vài câu hỏi gợi dẫn. Chẳng hạn, nêu câu hỏi: Cho biết: 1. Hồi kí là thể loại đề cập đến sự việc đang xảy ra hay đã xảy ra? 2. Nếu được yêu cầu “kể lại một sự việc mà em đã tham dự hoặc đã chứng kiến trong quá khứ” thì em sẽ nhớ lại và kể theo sự thực hay kể theo những gì mà mình tưởng tượng?... Sau đó, nhắc HS đọc kĩ mục *Tri thức đọc hiểu* để tự trang bị kiến thức nền cho việc đọc thể loại.

2. Tri thức tiếng Việt

Bài này được học trong 2 tiết. GV cần dành khoảng 15 đến 20 phút hướng dẫn HS tìm hiểu về ẩn dụ và hoán dụ trước khi tổ chức cho HS thực hành bởi đây là hai khái niệm thuộc tiêu điểm tiếng Việt của bài học, cũng là các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện nhiều trong các VB *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bầy ong*, *Đánh thức trâu*, nhất là ẩn dụ (và gần gũi với ẩn dụ là so sánh, nhân hoá). Việc giúp HS nắm vững ẩn dụ, hoán dụ (cũng như so sánh, nhân hoá) và thực hiện được các bài tập trong bài học, sẽ giúp cho HS đọc hiểu VB và việc viết bài văn miêu tả tốt hơn.

SGK đã cung cấp cách hiểu về hai khái niệm. Cách giải thích khái niệm trong SGK về ẩn dụ, hoán dụ đều xoay quanh ba ý chính: định nghĩa (thế nào là ẩn dụ/hoán dụ?), cơ chế (việc tạo ra ẩn dụ/ hoán dụ dựa trên mối quan hệ nào?), tác dụng (ẩn dụ/ hoán dụ có tác dụng gì?). Để giúp HS lớp 6 nhận biết ẩn dụ, hoán dụ cũng như phân biệt chúng với nhau và với một số khái niệm khác (như so sánh, nhân hoá,...), GV không nên diễn giải nhiều mà nên lập bảng đối chiếu giúp HS nhận biết sự tương đồng, khác biệt giữa ẩn dụ và so sánh.

So với ẩn dụ, trong thực tế giao tiếp và trong văn chương, hoán dụ thường ít được sử dụng hơn và cũng khó nhận biết đối với HS hơn. Vì thế, GV nên dựa vào hiểu biết đã có của HS về ẩn dụ làm cơ sở để hình thành kiến thức về hoán dụ.

Theo đó, sau khi HS đã hiểu và có khả năng nhận biết ẩn dụ, GV lập bảng đối chiếu sự tương đồng khác biệt giữa ẩn dụ và hoán dụ, ví dụ như bảng sau:

Bảng đối chiếu ẩn dụ và hoán dụ

Nội dung	Ẩn dụ	Hoán dụ
Định nghĩa (là gì? Thế nào là...?)	là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.	là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó.
Cơ chế (... được tạo ra theo cách nào?)	dựa trên mối quan hệ tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng.	dựa trên mối quan hệ gần gũi giữa các sự vật, hiện tượng.
Tác dụng (có tác dụng gì?)	làm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt, sáng tạo.	làm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt, sáng tạo.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc hồi kí

Khi dạy bài này, GV cần lưu ý dạy đọc *Day kĩ năng đọc hiểu thể loại hồi kí* theo cụm VB. Đọc ở đây là đọc hiểu VB thuộc thể loại hồi kí, theo đúng các yêu cầu cần đạt mà chương trình đã xác định. Trọng tâm của bài học là hướng dẫn HS đọc hiểu VB hồi kí. Vì thế, mục tiêu giúp HS *nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí* sẽ là mục tiêu hàng đầu, cần được ưu tiên và giải quyết rõ ràng. Việc tổ chức hoạt động dạy học đọc cần tuân thủ một số nguyên tắc, cách thức sau đây:

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các mục tiêu về đọc đã phân bổ cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu, gồm: đọc hiểu nội dung VB, đọc hiểu hình thức VB, đọc hiểu trong sự liên hệ, kết nối, đọc hiểu mở rộng.

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu *Chuẩn bị đọc* (trước khi đọc), *Trải nghiệm cùng văn bản* (trong khi đọc), *Suy ngẫm và phản hồi* (sau khi đọc) để hình thành thói quen, các kĩ năng và rộng hơn, năng lực đọc hiểu VB cho HS.

Thứ ba: Chú ý đúng mức đến việc phối hợp các cấp độ nhận thức của HS trong tiếp nhận VB thông qua một hệ thống câu hỏi dẫn dắt, khơi gợi để HS tự trải nghiệm và khám phá VB, từng bước chủ động tích lũy kinh nghiệm, phương pháp đọc VB. Chẳng hạn, trước khi đọc, HS phải biết và được chuẩn bị tâm thế đọc cùng tri thức đọc hiểu; trong khi đọc HS phải biết và được vận dụng một số kĩ năng đọc (suy đoán/ suy luận/ dự đoán, theo dõi, liên hệ, kết nối, hình dung,...); sau khi đọc, HS phải từng bước đọc sâu và có những phản hồi thích đáng của một người đọc tích cực đối với VB. Đó là một quá trình đọc có “chiến lược”, theo định hướng của SGK và của GV; các hoạt động trước, trong khi đọc đều nhằm chuẩn bị cho các hoạt động phản hồi sau khi đọc. Vì thế, quan trọng nhất vẫn là làm sao mở ra các cơ hội phản hồi chủ động, tích cực của mỗi HS trong quá trình đọc VB.

2. Kĩ năng theo dõi

Các kĩ năng đọc nói đến ở đây chủ yếu là những kĩ năng trong khi đọc, hình thành trong khi HS “trải nghiệm cùng VB” ở trên lớp. Trong bài học này, chú trọng vào SGK các kĩ năng suy luận, liên hệ, theo dõi,... GV nên tập trung cho HS rèn luyện các kĩ năng này. Nhiều kĩ năng đã được luyện tập ở bài trước đến bài này cần được củng cố. Riêng kĩ năng theo dõi, là kĩ năng mới, cần được ưu tiên luyện tập kĩ hơn. Đây là kĩ năng đòi hỏi HS đọc theo dõi nắm bắt một số chi tiết xuất hiện rải rác trong VB, đối chiếu chúng với nhau để nhận ra một điều gì đó, hoặc mang nghĩa ngầm ẩn, hoặc có tính hệ thống. Chẳng hạn:

Khi con bìm bịp kêu “bíp bíp” tức là đã thông buổi. Nghe đâu trước đây có một ông sư dữ như hổ mang. Lúc ông ta chết, giờ bắt ông ta hoá thân làm con bìm bíp. Ông ta phải tự nhận là bíp, mở miệng ra là “bíp bíp”. Giờ khoác cho nó bộ cánh nâu, suốt đêm

ngày rúc trong bụi cây. Khi nó kêu thì một loạt chim ác, chim xấu mới ra mặt. Ít khi chúng ra mặt vào buổi sớm.

Đoạn văn hỏi về các loài chim (xem SGK):

Mục đích của câu hỏi theo dõi ở đây là nhắc HS nhớ lại các từ “chim hiền”, “chim tốt” đã xuất hiện ở đoạn trước, để sơ bộ nhận ra, trong con mắt trẻ thơ của nhân vật “tôi”, thế giới các loài chim được chia thành hai loại, với sự yêu ghét rất hồn nhiên và rõ ràng: chim hiền, chim tốt và chim ác, chim xấu.

Về cách thức thực hiện:

– Mời HS đọc một đoạn khác và thực hiện theo cách mà GV đã làm 1 hoặc 2 lần. GV cần tập trung nhận xét cách HS thực hiện kỹ năng, hơn là nội dung câu trả lời của HS.

– Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp kết quả đọc của các em sau khi hoạt động *Trải nghiệm cùng VB* trên lớp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu VB theo nhóm câu hỏi sau khi đọc (ở bước *Suy ngẫm và phản hồi*).

(Xem thêm bài 1)

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: LAO XAO NGÀY HÈ

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc [1.a], người kể chuyện ngôi thứ nhất [1.b] của hồi kí	[1.a]: Câu hỏi 2, 3, 5 [1.b]: Câu hỏi 1
Nhận biết được chủ đề của VB [2]	[2]: Câu hỏi 4
Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB [3]	[3]: Câu hỏi 5
Đặc điểm của chung và tác động của VB đến cá nhân HS [4]	[4]: Câu hỏi 6

Theo dõi

[2] Các từ “chim ác, chim xấu” ở đây nhắc đến một từ ngữ đã xuất hiện trong đoạn trước của VB. Đó là từ ngữ nào?

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

Cần lưu ý rằng: *Lao xao ngày hè* cũng như *Thương nhớ bầy ong*, *Một năm ở Tiểu học* chỉ là VB trích. Dạy đọc VB trích sẽ phải khác với dạy đọc một VB hoàn chỉnh.

Cái khó của việc dạy đọc hồi kí – một thể loại “cổ lớn” nhiều chương, phần – trong nhà trường, là phải chấp nhận dạy trích đoạn. Các trích đoạn hồi kí được đưa vào SGK thường thiên về kể chuyện, hoặc thiên về miêu tả. Do vậy, việc dạy đọc hồi kí rất dễ bị chệch sang dạy VB kể chuyện hoặc VB miêu tả. Mà mục tiêu của chương trình là dạy đọc hồi kí, hiểu đặc điểm và cách đọc hồi kí. Bởi vậy, dù là dạy đọc một chương, một phần của tác phẩm kí cũng cần phải làm cho HS thấy được đây là “thể loại văn học coi trọng sự thật và những trải nghiệm, chứng kiến của chính người viết” (khác với truyện, kịch và thơ); “các sự việc thường được kể theo trình tự thời gian, gắn với một hoặc nhiều giai đoạn trong cuộc đời của tác giả”; “nhân vật xưng “tôi” trong tác phẩm là hình ảnh của tác giả, được miêu tả thể hiện một cách trung thực, chân thành”. Từ đó mà giúp HS biết cách đọc các VB mở rộng theo thể loại này.

Quán triệt tinh thần trên cũng là cách tốt để từ dạy đọc VB trích, vẫn có thể giúp HS biết xem xét các yếu tố, chi tiết trong tính chỉnh thể của VB hồi kí.

Sau đây là một số thao tác, hoạt động giúp hình thành ở HS ý thức đặt VB trích trong tính tổng thể của tác phẩm để hiểu đúng hơn về VB. Cho HS tìm hiểu khung giới thiệu hồi kí *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khán.

Yêu cầu HS cho biết VB trích thuộc chương, phần nào của tác phẩm, ở đó người viết tập trung kể về sự việc gì, thuộc về quãng đời nào của tác giả

2.1. Chuẩn bị đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các trả lời nhanh hai câu hỏi nêu trong SGK.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV cần dành thời gian thích đáng cho các hoạt động trong khâu này:

- GV hoặc HS có giọng đọc tốt đọc thị phạm một vài đoạn ngắn hay hoặc khó.
- HS đọc bằng mắt, thực hiện một số yêu cầu của khâu “trải nghiệm cùng VB”.
- GV nhắc HS về các điểm ngừng đọc để thực hiện yêu cầu rèn luyện kĩ năng đọc.
- GV yêu cầu HS dừng đọc để kiểm tra việc các em đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các khung theo dõi/ suy luận/ liên hệ... như thế nào. Nhận xét ngắn gọn và yêu cầu HS tiếp tục trải nghiệm cùng VB.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Trong quy trình đọc hiểu, suy ngẫm và phản hồi (các hoạt động *Sau khi đọc*) cần được xem như là cơ hội, là điều kiện để GV và HS trực tiếp thực hiện yêu cầu cần đạt về đọc

của bài học (thông qua thực hiện các mục tiêu). Đây cũng là khâu mà GV cần tập trung đầu tư nhiều nhất cho nội dung dạy học đọc. GV cần phải kiểm soát tốt – về lượng lẫn về chất – hệ thống yêu cầu cần đạt được cài đặt vào hệ thống câu hỏi đọc hiểu (sau khi đọc).

Chúng tôi sẽ giải thích thêm một số khái niệm liên quan đến các yếu tố của tác phẩm hồi kí được nêu trong mục tiêu bài học:

Hình thức ghi chép và cách kể sự việc trong hồi kí: Với HS lớp 6, không cần phải phân biệt hai khái niệm này, tuy nhiên hai khái niệm này không phải là một. GV cũng cần nắm được sự khác biệt ấy.

Hình thức ghi chép ở đây, chủ yếu nói đến thái độ trung thực, tôn trọng sự thật (phi hư cấu); thái độ này liên quan đến cách người viết hồi kí chọn ghi sự kiện gì, tập trung vào quãng thời gian nào trong quá khứ, sắp xếp chuỗi hồi ức theo trật tự nào,... giúp cho bức tranh đời sống trong quá khứ hiện lên trung thực, đáng tin cậy nhất.

Cách kể sự việc trong hồi kí có liên quan đến việc “ghi chép”, nhưng thiên về khía cạnh thủ pháp tự sự như: việc lựa chọn góc nhìn, cách dẫn dắt sự việc, cách hoà phối các lớp lời văn như tả, kể, bày tỏ thái độ, cảm xúc, đối thoại, độc thoại,... sao cho hồi kí sinh động, hấp dẫn.

Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí: người kể chuyện ngôi thứ nhất với tác giả hồi kí thường được xem là một và là nhân vật có thật, khác với người kể chuyện ngôi thứ nhất trong truyện (nhân vật do tác giả hư cấu nên để thay mình kể lại câu chuyện, sự việc).

Dưới đây là một số gợi ý về nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động đọc hiểu qua hệ thống câu hỏi.

Câu hỏi 1: Yêu cầu HS trả lời đúng và đủ các ý nêu trong câu hỏi:

- Bức tranh được miêu tả qua cảm nhận của nhân vật một cậu bé và nhóm bạn trạc tuổi mình, theo ngôi thứ nhất xưng “chúng tôi”/ “tôi”.
- Người kể chuyện trong VB cũng chính là tác giả Duy Khán ở thời điểm viết hồi kí *Tuổi thơ im lặng*; VB là chuỗi hồi ức về tuổi thơ của chính tác giả.

Câu hỏi 2: GV hướng dẫn HS làm thử trước khi liệt kê vào vở và phát biểu kết quả.

Liệt kê một số câu văn kể chuyện, miêu tả, biểu cảm

Câu văn kể chuyện	Câu văn miêu tả	Câu văn biểu cảm
<i>Chúng tôi tụ hội ở góc sân.</i>	<i>Hoa móng rồng bụi bám thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên.</i>	<i>Tôi khát khao thầm ước: Mùa hè nào cũng được như mùa hè này!</i>

Câu hỏi 3: GV có thể gợi dẫn HS đáp ứng câu hỏi này theo cách tách biệt hai yêu cầu:

- Chỉ ra được một số âm thanh, hình ảnh đã góp phần làm nên cái “lao xao ngày hè” trong VB.

– Xác định được người kể chuyện đã cảm nhận cái “lao xao” ấy bằng những giác quan nào.

Nhưng cũng có thể hướng dẫn HS kết hợp giải quyết đồng thời hai yêu cầu trên. Chẳng hạn sử dụng một bảng đối chiếu theo hai cột: cột âm thanh, hình ảnh và cột giác quan. Ví dụ:

Âm thanh, hình ảnh	Giác quan cảm nhận
Tiếng kêu của các loài chim mỗi loài một kiểu âm thanh riêng (ví dụ:...)	Thính giác
Tiếng trò chuyện “râm ran” của nhóm trẻ (“chúng tôi”).	Thính giác kết hợp với giác quan khác
Tiếng nước suối chảy “ào ào”.	
Tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve; trong tiếng chó thúng thảng sủa giăng,...	
Cây cối um tùm.	Thị giác
Cây hoa lan nở hoa trắng xoá.	
Hoa dẻ từng chùm mảnh dẻ.	
...	
Hoa móng rồng bụi bầm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên.	Khứu giác + thị giác + ...
Cả làng thơm.	
Chúng tôi no nê, rủ nhau giải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát.	Xúc giác
Chớm hè.	
Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với gòi, với đất.	Kết hợp khéo léo rất nhiều giác quan tinh tế để cảm nhận

Về phương pháp, GV nên dẫn dắt HS từng bước nhận biết giác quan cảm nhận âm thanh hình ảnh ngày hè từ đơn giản dễ biết, dễ gọi tên (thính giác, thị giác) đến phức tạp, tinh tế khó biết, khó gọi tên hơn (khứu giác, xúc giác; phối hợp nhiều giác quan).

Kết quả trả lời câu hỏi này không chỉ có ý nghĩa giúp HS nhận biết, cảm nhận được nghệ thuật quan sát miêu tả ngày hè với tất cả các giác quan, cả tâm lòng yêu thiên nhiên, tâm hồn trong sáng của tác giả Duy Khán qua bài đọc mà còn chuẩn bị cho việc viết bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt ở phần Viết.

Câu hỏi 4 :

– GV yêu cầu HS nhắc lại cách hiểu về chủ đề nêu ở bài trước (nên đưa ra một ví dụ về chủ đề (có thể nhắc lại chủ đề của một vài VB trong bài trước).

Chủ đề: vấn đề chính mà VB nêu lên qua một hiện tượng đời sống. Ví dụ, vấn đề chính trong VB *Thánh Gióng* là tinh thần chiến đấu đánh đuổi giặc ngoại xâm giữ nước của dân tộc Việt Nam từ xa xưa, trong VB *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân* là việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc trong lễ hội truyền thống.

– Khi HS phát biểu chủ đề của VB, GV lưu ý HS chốt lại một vài cụm từ khái quát, phù hợp với nội dung VB (thể hiện tình yêu thiên nhiên, cuộc sống ngày hè qua chuỗi hồi ức của tác giả; bức tranh sinh hoạt ngày hè; cái lao xao của cuộc sống ngày hè,...); khuyến khích những cách diễn đạt khác nhau về chủ đề (miễn là sử dụng được các cụm từ quan trọng, phù hợp).

Câu hỏi 5:

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn văn, lắng nghe tiếng nói và cảm xúc của người kể chuyện – tác giả qua từng câu văn và toàn đoạn văn. Chẳng hạn, lần lượt gọi tên các cảm xúc bộc lộ qua từng câu trong đoạn văn:

Câu văn, từ ngữ, hình ảnh	Tình cảm, cảm xúc
"Cả nhà ngồi ăn cơm trong hương lúa đầu mùa từ đồng Chõ thoảng về; trong tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve; trong tiếng chó thung thung sủa giăng... "	Nhớ thương, trân trọng (sự đầm ấm quây quần của sinh hoạt gia đình trong những tháng ngày thơ ấu êm đềm đầy thanh âm, hương sắc, gió, trăng,...)
"Chúng tôi no nê , rủ nhau giải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát. "	Sự mãn nguyện với hạnh phúc đơn sơ.
Ôi cái mùa hè hiếm hoi. Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với giờ, với đất. Tôi khát khao thắm ước : Mùa hè nào cũng được như mùa hè này!	Niềm xao xuyến băng khuâng khó tả, nhớ tiếc niềm vui hiện có hiếm hoi, mong ước thiết tha : mọi mùa hè đều chan chứa niềm vui lao xao như thế.

– HS có thể gọi tên các cung bậc tình cảm, cảm xúc của người kể chuyện ("chúng tôi") theo cách riêng, nhưng cần đáp ứng đúng yêu cầu của câu hỏi. Thứ nhất, gọi tên (chỉ ra) được cung bậc cảm xúc: cảm xúc khoan khoái, băng khuâng khi tận hưởng cái không khí riêng của ngày hè; tình yêu thiên nhiên, lòng trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ vừa êm đềm vừa sôi nổi,... niềm khao khát được mãi mãi tận hưởng cái lao xao ngày hè,... Thứ hai, xác định được từ ngữ, hình ảnh, cấu trúc cú pháp, thủ pháp biểu đạt cung bậc cảm xúc đã nêu. GV có thể hướng dẫn HS thực hiện đồng thời hai yêu cầu của câu hỏi. Cũng có thể bắt đầu bằng việc đọc, gạch chân các yếu tố ngôn ngữ đáng lưu ý (ví dụ các từ in đậm trong mỗi câu văn), rồi dựa vào đó mà gọi tên cảm xúc.

Câu hỏi 6:

Đây là một câu hỏi đánh giá, vận dụng theo hướng mở: HS có thể phát biểu chia sẻ hoặc là “ấn tượng” hoặc là “cảm xúc” của mình khi đọc VB.

– Nếu là nêu “ấn tượng”, có thể là: ấn tượng trong em về một bức tranh đầy âm thanh, hương sắc sống động, chân thực được cảm nhận qua rung động tinh tế chân thành của tâm hồn trẻ thơ. (Ấn tượng có thể được HS nêu lên bằng một vài câu cũng có thể bằng một vài từ ngữ).

– Nếu là “cảm xúc”, có thể: qua bài đọc em thấy hiểu thêm, yêu thêm mùa hè/ thiên nhiên; thấy quý trọng hơn những kỉ niệm, những ngày tháng thơ trẻ,... (Cảm xúc có thể được HS phát biểu bằng một vài câu cũng có thể bằng một vài từ ngữ).

VĂN BẢN 2: THƯƠNG NHỚ BẦY ONG

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi <i>suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc [1.a], người kể chuyện ngôi thứ nhất [1.b] của hồi kí.	[1.a]: Câu hỏi 1, 2
Nhận biết được chủ đề của VB. [2]	[2]: Câu 1, 4
Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB. [3]	[3]: Câu hỏi 3
Đặc điểm chung và tác động của VB đến cá nhân HS. [4]	[4]: Câu hỏi 6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV dựa vào các câu hỏi trong SGK để thực hiện bước này.

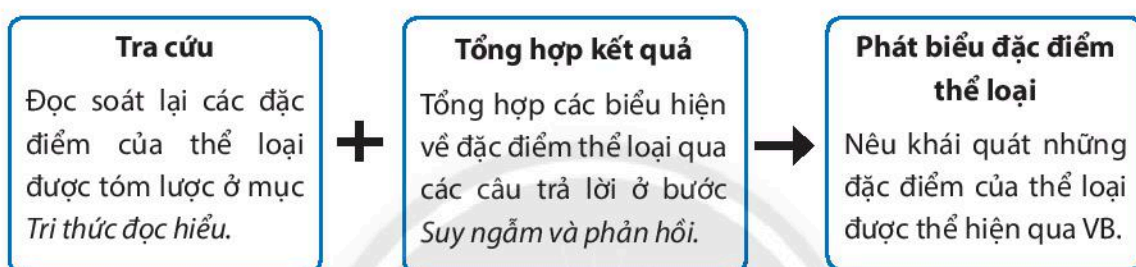
2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV dựa vào các câu hỏi về kĩ năng đọc trong SGK (xem các khung) để thực hiện bước này (Tham khảo các gợi ý trải nghiệm cùng VB *Lao xao ngày hè*).

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Câu hỏi 1: Loại câu hỏi này thường được đặt ra ít nhất một lần với các bài đọc hiểu VB theo thể loại. GV nên hướng dẫn HS cách thực hiện dạng yêu cầu này trên cơ sở làm quen với một số thao tác chủ yếu. Từ đó, giúp HS nêu được một cách khái quát các đặc điểm của thể loại (ở đây là hồi kí) qua VB vừa đọc. Cần lưu ý HS, không phải các đặc điểm của thể loại hễ đã được nêu trong mục *Tri thức đọc hiểu* là chúng được thể hiện đầy đủ, rõ rệt trong các VB cụ thể. Câu trả lời vì thế, không đơn giản là nhắc lại *Tri thức đọc hiểu* mà phải xuất phát từ các biểu hiện cụ thể qua VB. Dưới đây là sơ đồ các thao tác chính của quá trình nhận biết – suy luận.

Sơ đồ 1. Thao tác cần thực hiện để phát biểu đặc điểm thể loại qua VB



Với câu hỏi “Những dấu hiệu nào đã giúp em biết văn bản trên thuộc thể hồi kí?”, yêu cầu “nhận biết” chỉ có thể thực hiện trên cơ sở có đối chiếu, suy luận giữa các thông tin trong VB và thông tin bổ trợ (ngoài VB). GV cần lưu ý điều đó. Cách tiến hành có thể như sau:

– Nhắc HS rằng: Nếu chỉ căn cứ vào VB thì có thể chưa đủ dữ liệu để trả lời câu hỏi trên. Cần phải đối chiếu thông tin trong VB với thông tin ngoài VB (trong khung thông tin về *Hồi kí Song đôi*, tác giả Huy Cận và việc viết hồi kí này) để đưa ra câu trả lời.

Trong các khung tri thức bổ trợ, có một số thông tin: “*Hồi kí Song đôi* là cuốn hồi kí về cuộc đời của hai nhà thơ Huy Cận và Xuân Diệu”. *Hồi kí Song đôi* gồm hai tập. Phần VB trong SGK được trích từ chương *Tổ ong trại*, tập một.

– Gợi ý cho HS nhận thấy: Căn cứ vào VB *Thương nhớ bầy ong*, cũng có thể nhận thấy một số dấu hiệu để nhận biết VB này thuộc thể hồi kí. Chẳng hạn: VB là hồi ức, tình cảm chân thật của cậu bé xưng “tôi”; những nhân vật, cảnh quan, sự việc, cảm xúc,... được nói đến là có thực và được ghi chép lại theo thể thức của hồi kí (tôn trọng sự thực);...

Câu hỏi 2: GV có thể tổ chức cho HS giải quyết câu hỏi 2 như sau:

– Nêu vấn đề: Các chi tiết trong VB văn học nhiều khi rất đơn sơ, nhỏ bé nhưng lại rất tinh tế và nhiều ý nghĩa, sẽ rất đáng tiếc, nếu như các chi tiết ấy bị bỏ qua.

– Dùng bảng phụ hay phương tiện khác trình chiếu cho hai câu văn. Chẳng hạn:

Câu nguyên văn	Câu lược bớt
Và ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ sau này ám ảnh tôi, ngày thơ bé tôi đã nghe rồi, mỗi lần ong trại.”	Và ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ (...) ám ảnh tôi, (...) tôi đã nghe rồi, mỗi lần ong trại.

– Cho HS so sánh đoạn văn vừa lược bỏ (các từ ngữ “sau này”, “ngày thơ bé”) với đoạn nguyên văn, tìm ra sự khác biệt về thông tin.

– Cho HS thảo luận: nếu lược bỏ, thì câu văn sẽ mất đi điều gì?

Gợi ý: Hậu quả của việc lược bỏ: (1) sự việc được kể sẽ trở nên mơ hồ (không rõ xảy ra lúc nào); (2) “ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ” trong tâm hồn người kể chuyện xưng “tôi” sẽ không rõ là của “tôi” khi đã trưởng thành (“sau này”) hay của “tôi” trong những lần nhìn “ong trại” (“ngày thơ bé”), hay đó là của mọi nơi, mọi lúc như là bản tính, sinh ra đã là như thế của tác giả Huy Cận.

– Từ kết quả thảo luận rút ra kết luận:

+ Kết luận 1: việc bỏ các cụm từ “sau này” và “ngày thơ bé” sẽ làm cho việc ghi chép kể lại sự việc của VB hồi kí trở nên mơ hồ, không thể hiện đúng điều tác giả muốn nói.

+ Kết luận 2: Các từ ngữ chỉ thời gian (cũng như chỉ không gian) trong hồi kí có tác dụng: làm cho sự việc, bối cảnh, diễn tiến của sự việc cũng như tâm trạng, tình cảm, hành động của người kể chuyện và các nhân vật trở nên xác định, xác thực.

Câu hỏi 3: Gợi ý: Với yêu cầu thứ nhất – liệt kê từ ngữ

– GV nhắc HS: VB diễn tả tâm trạng của nhân vật “tôi” khi chứng kiến bầy “ong trại” không chỉ một lần, từ “buồn” có thể được lặp lại nhiều lần. Đọc kĩ và liệt kê các từ ngữ ấy.

– HS đọc VB để tìm từ ngữ. Sản phẩm liệt kê là một danh mục (có thể gồm các từ ngữ, câu văn dưới đây):

- + “buồn lắm, cái buồn xa xôi vắng tạnh của chiều quê, của không gian”;
- + “tôi buồn đến nỗi khóc một mình, nghe lòng bị ép lại, như trời hạ thấp xuống”;
- + “buồn nhất là mấy lần ong “trại””;
- + “buồn không nói được”;
- + “cái buồn của đứa bé rộng lớn đến bao nhiêu, tưởng như một mảnh hồn của tôi đã san đi nơi khác”;
- + “ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ... ám ảnh tôi”.

Gợi ý: Với yêu cầu thứ hai, GV khuyến khích HS cần nêu nhận xét riêng theo cách diễn đạt của mình. Cần lưu ý đến cảm nhận riêng không quên hướng dẫn, chỉnh sửa cách diễn đạt. Lưu ý HS diễn đạt theo một số mẫu câu, ví dụ: chủ ngữ (“Cậu bé”) + vị ngữ (đã yêu thương, nhớ tiếc bầy ong với cả trái tim mình/...); chủ ngữ (“Tình cảm của cậu bé dành cho bầy ong”) + vị ngữ (thật chân thành và sâu sắc/ thật đặc biệt và cảm động/...),...

Câu hỏi 4:

– GV giúp HS phân biệt câu văn miêu tả, kể chuyện với câu văn biểu cảm (kể lại cảm xúc suy tư) làm cơ sở cho việc nhận biết các đoạn văn có sự kết hợp giữa hai trường hợp trong VB).

Ví dụ về:

+ Câu văn thuần “kể lại sự việc”: ...

+ Câu văn “kể lại cảm xúc, suy tư”: ...

– Cho HS đọc lại một vài đoạn tiêu biểu để phát hiện sự kết hợp (khá thường xuyên) giữa “kể lại sự việc” với “kể lại cảm xúc, suy tư” trong VB. GV có thể chia lớp thành hai nhóm lớn, mỗi nhóm khảo sát nhận xét về sự kết hợp và nhận xét tác dụng của nó trong một đoạn văn dưới đây.

Đoạn văn 1: *Sau nhà có hai đống ong “sây” lắm. Chiều lỡ buổi (khoảng 4 giờ chiều) thì ong bay ra họp đàn trước đống, và tôi hay ra xem, nhiều khi bị ong đốt nhưng mê xem không thôi. Buồn lắm, cái buồn xa xôi vắng tạnh của chiều quê, của không gian mà tôi cảm nghe từ buổi ấy. Nhất là những lúc cả nhà đi vắng thì tôi buồn đến nỗi khóc một mình, nghe lòng bị ép lại, như trời hạ thấp xuống. Và bây ong thì vù vù không thôi.*

Đoạn văn 2: *Một lần, ở nhà một mình tôi thấy ong trại mà không thể làm gì được. Tôi cũng ném đất vụn lên không nhưng không ăn thua gì. Ong vù vù lên cao, bay mau và mất hút trong chốc lát. Tôi nhìn theo, buồn không nói được. Cái buồn của đờn bé rộng lớn đến bao nhiêu, các thi sĩ, văn nhân đã ai nói đến chưa? Nhìn ong trại đi, tưởng như một mảnh hồn của tôi đã san đi nơi khác.*

GV có thể đưa ra kết luận: sự nhờ kết hợp (như ta vừa khảo sát) mà văn hồi kí của Huy Cận trong *Thương nhớ bầy ong* giàu chất thơ và truyền cảm, khiến người đọc cũng buồn vui cùng nhân vật “tôi” trong tác phẩm.

Câu hỏi 5: Liên quan đến cách ghi chép, kể sự việc là cách quan sát cuộc sống, sự vật, lắng nghe tiếng nói tâm hồn của người kể chuyện xưng “tôi” trong VB. GV hướng dẫn HS đọc và đưa ra nhận xét của bản thân về điều này. Cần giúp HS trả lời một số câu hỏi:

– Cách quan sát của một cậu bé có khác gì với cách quan sát của một người lớn (người trưởng thành hay người cao tuổi)?

– Khi kể lại sự việc bầy ong “trại” nhân vật “tôi” tập trung nhìn cảnh vật (khu vườn, bầu trời, bầy ong,...), chú ý đến cảm xúc của bản thân mình, hay quan sát, chú ý đến cả hai?

– ...

Từ đó giúp HS rút ra một vài nhận xét tương đối khái quát về cách quan sát của nhân vật “tôi” trong VB. Có thể hướng HS đến các nhận xét rất riêng:

– “Tôi” quan sát bày ong và cuộc sống bằng đôi mắt hồn nhiên, thơ trẻ mà không kém phần sâu sắc.

– “Tôi” đã quan sát và kể chuyện bằng các giác quan và bằng cả tâm hồn mình.

– “Tôi” đã quan sát và kể chuyện bằng tâm hồn nhạy cảm và giàu thương yêu của một nhà thơ.

Câu hỏi 6: GV nhắc HS nhớ lại cách hiểu về “người kể chuyện xưng tôi” trong hồi kí trong mục *Tri thức đọc hiểu*. Từ việc xác định cách hiểu về người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí GV hướng HS đến kết luận:

Nhân vật “tôi” trong *Thương nhớ bày ong* là Huy Cận nhưng là Huy Cận của “ngày thơ bé”, có những điểm khác với Huy Cận “sau này” về “tuổi tác, nhận thức, quan niệm” (xem *Tri thức đọc hiểu*). Đó chỉ là hình ảnh tuổi thơ của tác giả Huy Cận. Cũng như nhân vật “tôi” trong *Lao xao ngày hè* là chỉ là hình ảnh tuổi thơ của tác giả Duy Khán.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: ĐÁNH THỨC TRẦU

1. Mục tiêu dạy học

Liên hệ, kết nối với VB *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bày ong* để hiểu hơn về chủ điểm *Trò chuyện cùng thiên nhiên*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

Câu hỏi 1: GV có thể hướng dẫn theo trình tự sau:

– Gọi cho HS phân biệt các dấu hiệu về nghe được và nhìn thấy.

– GV yêu cầu HS xác định chi tiết theo yêu cầu của đề: *Trầu ơi hãy tỉnh dậy/ Mở mắt xanh ra nào*.

– GV có thể bổ sung để HS nhận thấy sự tinh tế, đa dạng của loại chi tiết này trong bài thơ: Không chỉ tin rằng trầu có thể nghe, nhìn thấy mình mà còn tin rằng trầu cũng biết “đau”, biết giật mình (“Tay tao hái rất nhẹ/ Không làm mày đau đâu/... Đừng lụi đi trầu ơi!”). Điều đó cho ta thấy rằng cây trầu có đủ giác quan và có cuộc sống như con người.

Câu hỏi 2: GV có thể hướng dẫn theo trình tự sau:

– Hỏi: Trong thực tế đời sống, để thể hiện tình cảm (thân thiết hoặc xa cách) khi trò chuyện, người ta thường xưng hô với nhau như thế nào?

– Gợi dẫn: Cách xưng hô của cậu bé trong bài thơ có làm em ngạc nhiên không? Xưng hô như vậy đã thể hiện được tình cảm gì của cậu bé với cây trầu (sự yêu thương, triu mến, thân thiết,... như bạn bè)?

Câu hỏi 3: Câu hỏi nêu hai yêu cầu: giải thích lí do mỗi khi hái trầu vào ban đêm cậu bé cũng như bà và mẹ mình, phải gọi cho trầu tỉnh ngủ rồi mới xin “hái vài lá”; nhận xét về cách đối xử của người dân quê đối với cây cối trong vườn. Gợi ý trả lời:

– Nêu lí do: vâng theo lời dặn của bà và mẹ và xuất phát từ lòng yêu thương, quý trọng cây cối.

– Nhận xét: người dân quê vốn gắn bó với ruộng vườn cây cối loài vật hơn nữa mọi sản vật nuôi trồng đều thấm đẫm mồ hôi công sức của bản thân gia đình và bao đời nên càng giàu lòng yêu quý nâng niu loài vật. Bài thơ *Đánh thức trâu* đã cho thấy điều đó.

Câu hỏi 4: Giải thích sơ bộ câu hát của bà: trâu và người bình đẳng, ngang hàng, hai bên cùng tôn trọng, quý mến nhau, dựa vào nhau mà sống thân thiết như bạn bè tại làng quê.

Bàn luận: Quan niệm “con người là chúa tể của muôn loài” không phải là quan niệm của người dân quê. Đó là một quan niệm không công bằng, dẫn đến những tác hại đối với các loài cây, loài con và môi trường sống. Con người nói chung và mỗi một chúng ta nên học tập cách ứng xử của cậu bé, bà và mẹ cậu bé cũng như những người dân quê khác, để chung sống bền lâu với thiên nhiên.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu dạy học

Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng; vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và nói.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV dựa vào phần *Tri thức tiếng Việt* trong SGK để hướng dẫn học sinh hình thành kiến thức.

3. Thực hành tiếng Việt

Trong bài học này, HS được hướng dẫn thực hành về ẩn dụ, hoán dụ. Các dữ liệu được sử dụng để xây dựng hệ thống bài tập thực hành về hiện tượng ngôn ngữ này chủ yếu được lấy từ ba VB đọc.

GV tổ chức cho HS thực hành, vận dụng lí thuyết vào nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của ẩn dụ, hoán dụ trong các bài tập *Thực hành tiếng Việt*. Dưới đây là một số gợi ý về đáp án và cách thực hiện đối với các bài tập.

Bài tập 1: GV cho mỗi HS tìm một ví dụ cho mỗi biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ) và từ ví dụ, yêu cầu chỉ ra điểm giống nhau, khác nhau giữa hai biện pháp này.

Để giúp HS nhận ra về điểm giống nhau và điểm khác nhau, GV có thể sử dụng bảng so sánh như sau:

Bảng đối chiếu so sánh và ẩn dụ

Ví dụ về so sánh (Lao xao ngày hè)	Ví dụ về ẩn dụ (Lao xao ngày hè)
“Con điều hâu lao như mũi tên xuống...”	“Lần này nó chưa kịp ăn, những mũi tên đen mang hình đuôi cá từ đâu tới tấp bay đến.”
Cái được so sánh: “con điều hâu lao” [A] Cái dùng để so sánh: “mũi tên xuống” [B] Từ so sánh: “như” [A] như [B]	Cái dùng để so sánh: “những mũi tên đen mang hình đuôi cá” (từ đâu tới tấp bay đến) [B] Cái được so sánh: không (“những con chèo bẻo”: xuất hiện ở câu tiếp sau) [B]

Từ việc đối chiếu ví dụ như trên, GV hướng HS tới kết luận (đây cũng chính là những dấu hiệu chính để nhận biết ẩn dụ và so sánh trong VB):

Bài tập 2:

Điểm giống nhau giữa so sánh và ẩn dụ	Điểm khác nhau giữa so sánh và ẩn dụ
Cả hai đều dựa trên quan hệ liên tưởng tương đồng.	So sánh: có đủ cái được so sánh, cái dùng để so sánh, từ so sánh. Ẩn dụ: chỉ có cái dùng để so sánh.

Gợi ý phân tích các ẩn dụ được dùng trong câu **“Kẻ cắp”** hôm nay gặp **bà già**” và câu **“người có tội”** khi trở thành **người tốt** thì tốt lắm”:

- “Kẻ cắp”: ẩn dụ chỉ chim chèo bẻo.
- “Bà già”: ẩn dụ chỉ đôi thủ kinh địch của chim chèo bẻo (đôi thủ này đã được nói đến trong đoạn trước chính là chim điều hâu, kẻ bị bầy chèo bẻo vây đánh toi tả).

Nét tương đồng giữa hai từ “chèo bẻo” và “kẻ cắp”: (qua cái nhìn cảm nhận của dân gian và cậu bé “tôi”): ban đêm ngày mùa, thức suốt đêm rình mò như kẻ cắp. Nét tương đồng hai từ giữa “điều hâu” và “bà già”: lọc lõi, ác độc (chuyên rình mò, đánh hơi bắt trộm gà con).

– “Người có tội” – “người tốt”: ẩn dụ chỉ chim chèo bẻo qua việc vây đánh điều hâu lập công cứu gà con.

Lưu ý:

GV nên giải thích cho HS biết rằng cách quan sát miêu tả các loài chim của nhân vật “tôi” trong VB là rất hồn nhiên và mang kinh nghiệm dân gian. Theo đó, thế giới loài chim được phân ra hai loại: 1) những loài chim “xấu” và “ác”; 2) những loài chim “tốt” và “hiền”. Điều hâu là “chim xấu”, “chim ác”; Chèo bẻo cũng thường bị coi là xấu và ác. Nhưng khi bầy chèo bẻo vây đánh điều hâu, cứu sống gà con, thì lại được cậu bé nhìn nhận khác hẳn: “người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm”.

Bài tập 3: Định hướng trả lời:

a. *Cả làng xóm hình như (...) cùng thức với giờ, với đất.* (Duy Khán, *Lao xao ngày hè*)

Hoán dụ: “cả làng xóm” chỉ người trong xóm.

b. *Sau nhà có hai đống “sây” lắm.* (Huy Cận, *Thương nhớ bầy ong*)

Hoán dụ: “hai đống ong” chỉ những con ong trong đống.

c. *Thời đó đường Bờ Sông chỉ trải đá, chưa tráng nhựa, chiều hè gió ngoài sông thổi vào, bụi mù, thành phố phải dùng những xe bò kéo chở nước đi tưới.* (Nguyễn Hiến Lê, *Một năm ở Tiểu học*)

Hoán dụ: “thành phố” chỉ người dân trong thành phố.

d. *Mùa đông, tôi không ra đường chơi được thì ở nhà đọc truyện Tàu cho cả nhà trong (...), nhà ngoài (...) nghe, hết một cuốn thì cầm hai xu chạy vì lại hiệu Cát Thành đầu phố Hàng Gai đổi cuốn khác.* (Nguyễn Hiến Lê, *Một năm ở Tiểu học*)

Hoán dụ: “nhà trong”, “nhà ngoài” chỉ những người thân ở “nhà trong” và “nhà ngoài” (mỗi “nhà” là một gia đình riêng).

Bài tập 4: Câu hỏi có 2 yêu cầu: nêu dùng tên biện pháp tu từ (nhân hoá) và giải thích cơ sở nhận biết (quan hệ liên tưởng).

GV cần hướng dẫn HS nhận ra cơ sở liên tưởng tương đồng trong trường hợp này: cây trầu cũng có mắt như người.

Bài tập 5: Yêu cầu HS dẫn ra một câu văn sử dụng biện pháp ẩn dụ hoặc hoán dụ thú vị trong *Lao xao ngày hè* hoặc *Thương nhớ bầy ong* và chia sẻ điều thú vị ấy với mọi người.

Bài tập 6: Yêu cầu HS chỉ ra biện pháp tu từ (nhân hoá) trong các dòng thơ “Đã ngủ rồi hả trầu?/ Tao đã đi ngủ đâu/ Mà trầu mày đã ngủ” và cho biết những dấu hiệu nào giúp em nhận ra biện pháp nghệ thuật ấy.

Bài tập 7: Yêu cầu HS giải thích được lí do của sự gặp gỡ: *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bầy ong*, *Đánh thức trầu* đều viết về tuổi thơ tác giả gắn với cây cối, loài vật. Cả ba văn bản đều sử dụng biện pháp nhân hoá.

GV có thể hướng dẫn HS suy nghĩ và giải thích bằng một số lí do. Chẳng hạn:

– Việc sử dụng biện pháp nhân hoá làm cho cây cối loài vật trở nên sống động, hấp dẫn hơn;

– Trẻ thơ thường nghĩ loài vật, cây cỏ, chim chóc cũng có tình cảm suy nghĩ như con người. Trần Đăng Khoa làm bài thơ trên khi mới 8-9 tuổi. Duy Khán, Huy Cận viết hồi kí kể về tuổi thơ của mình qua cái nhìn của những cậu bé.

VIẾT NGẮN

Viết ngắn, trong trường hợp này đồng thời cũng có nghĩa là phải viết nhanh, tạo lập được sản phẩm (đoạn văn) trong một khoảng thời gian ngắn. Với kiểu bài tập này, chưa nên đặt nặng yêu cầu viết tốt, viết hay mà nên coi trọng kĩ năng viết nhanh. GV nên hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

– Đọc đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề. Với bài tập này, có cả yêu cầu về đề tài (viết về cái gì?) và yêu cầu về hình thức, diễn đạt (sử dụng ít nhất hai trong số các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ);

– Lựa chọn đề tài cho đoạn văn ngắn của bản thân: (viết về cây hoa thì là hoa gì?, viết về con vật thì là con vật nào?); lựa chọn nhanh biện pháp tu từ cần sử dụng (nhân hoá/ẩn dụ/hoán dụ?).

– Viết bản thảo đoạn văn đồng thời đọc lại và chỉnh sửa nhanh.

GV nhận xét, đánh giá và gợi ý hướng chỉnh sửa.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: MỘT NĂM Ở TIỂU HỌC

1. Mục tiêu dạy học

– Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.

– Nhận biết được chủ đề của VB tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB.

2. Thực hành đọc

SGK đã đưa ra một số khuyến nghị định hướng giúp HS thực hiện các bước đọc mở rộng theo thể loại. Cụ thể là:

– Tìm hiểu các thông tin về tác giả Nguyễn Hiến Lê, hồi kí *Hồi kí Nguyễn Hiến Lê* và VB *Một năm ở Tiểu học*. Nhớ lại những gì đã được đọc và tìm hiểu được về hồi kí qua *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bầy ong*.

Hướng dẫn HS đọc kĩ VB *Một năm ở Tiểu học*, đối chiếu với đặc điểm của thể loại hồi kí (trong mục *Tri thức đọc hiểu*) và hoàn tất các câu văn theo yêu cầu của bài tập.

VIẾT

1. Mục tiêu dạy học

- Biết viết VB đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tài liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Trước khi hướng dẫn HS phân tích kiểu VB và tạo lập VB, GV cần dành thời gian để trao đổi, trang bị cho HS một số tri thức cơ bản về kiểu bài tả cảnh sinh hoạt. Tri thức này đã được nêu tóm lược trong SGK (trong khung).

Theo đó, có 2 nội dung: 1) Khái niệm tả cảnh sinh hoạt; 2) Yêu cầu đối với kiểu bài (SGK nêu 7 yêu cầu).

Về khái niệm, đặc điểm chung của kiểu bài, GV có thể cho HS đọc nhanh rồi đưa ví dụ minh họa, nhấn mạnh được các ý: người viết dùng khả năng quan sát và lời văn gợi tả, làm sống lại bức tranh sinh hoạt, giúp người đọc hình dung được rõ nét về không khí, đặc điểm nổi bật của cảnh sinh hoạt ấy.

Về các lưu ý cụ thể khi làm bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt, GV lưu ý HS đánh dấu một số từ ngữ quan trọng trong mỗi yêu cầu. Trong đó HS cần nắm vững yêu cầu của mỗi phần mở bài, thân bài, kết bài.

3. Phân tích kiểu văn bản

Một số lưu ý về nội dung và cách thực hiện khâu này:

- Bài văn được chọn làm “mẫu” để phân tích về kiểu bài tả lại một phiên chợ nổi ở miền Tây. GV lưu ý HS quan sát. Trước khi hướng dẫn HS phân tích mẫu GV cần đọc kỹ trang này và lưu ý HS đọc VB bài viết lần các thông tin chỉ dẫn kèm theo, nhắc các em khi đọc phải làm sao vừa tri nhận bao quát toàn VB, vừa nắm bắt các chi tiết cụ thể về ý tưởng lẫn cách thức miêu tả.

- GV yêu cầu HS đọc, suy nghĩ trả lời các câu hỏi ở trang kế tiếp nhằm giúp các em tự rà soát cách người viết thực hiện các yêu cầu cụ thể của bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt. HS kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu của bài văn *Tả lại một phiên chợ đáng nhớ trên sông nước miền Tây* theo 6 câu hỏi trong SGK.

4. Viết theo quy trình

Đây là bài viết số 4 thuộc bài học số 4, HS cần tiếp tục được hướng dẫn thực hiện yêu cầu viết một bài văn theo quy trình viết nói chung, viết bài văn tả lại một cảnh sinh hoạt nói riêng. SGK đã có các hướng dẫn khá tỉ mỉ về quy trình này.

Việc dạy HS thực hành viết bài văn tả lại một cảnh sinh hoạt cũng tuân thủ quy trình: 1. Chuẩn bị trước khi viết (bao gồm xác định đề tài và thu thập tư liệu); 2. Tìm ý, lập dàn ý; 3. Viết bài; 4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, GV nên lưu ý một số bước mà khi thực hiện, có thể HS thường bỏ qua, ít chú ý luyện tập (ví dụ: bước xác định đề tài, thu thập tư liệu), hoặc một số bước tuy biết là quan trọng song thực hiện thường không dễ với nhiều công sức, thời gian (ví dụ: bước lập dàn bài, viết bài, xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm).

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài:

Cần phải hiểu xác định đề tài là hoạt động, công việc của HS, không nên, không được làm thay bởi người khác. Dựa vào SGK, GV có thể gợi ra một danh mục đề tài để HS cân nhắc lựa chọn (cũng có thể chọn một đề tài khác):

- Cảnh sum họp của gia đình em trong ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày lễ, tết.
- Cảnh thu hoạch ngày mùa.
- Cảnh mua bán trong một siêu thị.
- Cảnh sân trường trong giờ ra chơi.
- ...

GV lưu ý HS: trên đây chỉ là danh mục đề tài gợi ý. HS phải tự mình lựa chọn đề tài nhưng để việc triển khai đề tài thuận lợi nhất, cảnh được chọn nên là:

- Cảnh mà em yêu thích, có hứng thú trong việc quan sát, miêu tả.
- Cảnh quen thuộc, gần gũi với em.
- Cảnh thuận lợi cho em trong việc quan sát thực tế để chuẩn bị cho bài viết.

Thu thập tư liệu

Sau xác định đề tài là thu thập tư liệu liên quan đến đề tài. Tư liệu cần thu thập bao gồm tư liệu quan sát thực tế và tư liệu thu thập từ các nguồn khác. Chẳng hạn, với bài miêu tả cảnh sinh hoạt thì cần có tư liệu quan sát thực tế về cảnh sinh hoạt ấy cùng các tư liệu tranh ảnh, kiến thức địa lí văn hoá của địa phương liên quan.

Dựa vào các ý tưởng tương đối cụ thể, HS thực hiện việc thu thập thêm tư liệu (bao gồm tư liệu quan sát thực tế và tư liệu thu thập từ các nguồn khác).

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Trước khi có bài dạy học viết bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt khoảng vài tuần lễ, GV nên gợi ý cho HS tự chọn đề tài và nên quan sát thực tế, điền vào phiếu quan sát hoặc ghi chép tư liệu chuẩn bị cho lập dàn ý và viết bản thảo.

Đến lớp, khi thực hiện bước này, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả tìm ý tưởng đã chuẩn bị ở nhà, phác thảo ý tưởng cho bài viết dựa trên các câu hỏi trong SGK hoặc Phiếu tìm ý tưởng: Quan sát và ghi chép của tôi về một cảnh sinh hoạt.

PHIẾU Ý TƯỞNG

Quan sát và ghi chép của tôi về một cảnh sinh hoạt

– Tôi muốn viết VB tả lại cảnh sinh hoạt nào?

.....

– Cảnh sinh hoạt ấy diễn ra ở đâu, vào thời gian nào?

.....

– Cảnh sinh hoạt ấy có những hoạt động, hình ảnh quan trọng nào?

.....

– Nhìn bao quát từ xa, khung cảnh, không khí chung của bức tranh có những nét nổi bật nào?

.....

– Ở vị trí quan sát gần hơn, những hình ảnh, hoạt động nào sẽ là điểm nhấn của bài viết?

.....

– Hình ảnh, hoạt động trong cảnh sinh hoạt đã tác động đến các giác quan nào của tôi?

.....

– Những hình ảnh thiên nhiên nào đã làm nền cho bức tranh sinh hoạt? Chúng có nên được nhân hoá?

.....

– Cảm tưởng/ấn tượng chung của tôi khi quan sát cảnh sinh hoạt này?

.....

.....

Lập dàn ý

GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo bố cục của bài văn tả cảnh sinh hoạt (xem SGK).

Bước 3: Viết bài

Đây là bước mà HS cần nhiều thời gian để tự làm việc. Nhưng GV cần nhắc HS trong khi viết phải thường xuyên đối chiếu với tri thức về yêu cầu, đặc điểm của kiểu bài để điều chỉnh bài viết.

GV tổ chức cho HS thảo luận bước 1, 2, 3 trên lớp; còn bước 4 (viết bài) có thể cho HS thực hiện ở nhà. Trên lớp, bước này chỉ nên dừng ở mức viết một phần hoặc một vài đoạn (triển khai một vài phần, mục của dàn bài).

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và chia sẻ rút kinh nghiệm

Bởi HS chưa có bản thảo toàn văn bài viết (còn phải chờ thực hiện bước này ở nhà), cho nên trên lớp, việc thực hiện bước này cũng chỉ là dựa trên cơ sở một phần, một đoạn HS đã viết trên lớp. Mục đích chủ yếu là khép lại một quy trình, để HS hình dung trọn vẹn được một quy trình viết cùng những bước đi quan trọng cần phải có trong tạo lập VB. Tuy vậy, cũng như khi hướng dẫn thực hành bài viết đối với các kiểu bài khác, trong trường hợp này, GV có thể tổ chức ba hoạt động:

– Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm bài viết tả lại một cảnh sinh hoạt* lần lượt đối chiếu, rà soát lại yêu cầu về nội dung của từng phần (mở bài, thân bài, kết bài) để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà).

– Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau. Khuyến khích HS về nhà tiếp tục điều chỉnh bài viết.

– Cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì học hỏi được từ bạn về cách kể lại trải nghiệm của bản thân.

NÓI VÀ NGHE

1. Mục tiêu dạy học

Nói và nghe về cảnh sinh hoạt.

2. Thực hành nói và nghe

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Với bài nói này, đề tài đã được xác định qua bài viết: *Trình bày về một cảnh sinh hoạt*. GV yêu cầu HS tập trung xác định người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

GV lưu ý HS việc tìm ý và lập dàn ý của bài nói trong trường hợp này đã được thực hiện trong giờ học viết. Tuy nhiên HS vẫn phải suy nghĩ cách chuyển dàn ý của bài viết thành dàn ý của bài nói sao cho việc trình bày thuận tiện nhất.

Cần nhắc HS: Dàn ý cho một bài nói cũng cần có lời mở đầu, phần chính và lời kết. Lời mở đầu cần thu hút được sự chú ý của người nghe (ví dụ, đưa ra một bức tranh, một sơ đồ, một câu tục ngữ, kể một mẩu chuyện liên quan đến vấn đề). Lời kết thúc bài nói cần tạo được ấn tượng, thân thiện, chứng tỏ sự tôn trọng người nghe.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

GV hướng dẫn HS thực hiện bước này như đã thực hiện như ở bài 1.

Về việc phân bổ thời gian, phần Nói và nghe chỉ có 1 tiết, GV nên thiết kế nửa đầu tiết học dừng lại ở việc hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói, nửa sau cho bước trình bày bài nói tại lớp.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

GV hướng dẫn HS lần lượt tự đặt mình trong vai trò người nói và vai trò người nghe để trao đổi, đánh giá; lưu ý hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm bài nói về một cảnh sinh hoạt.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS đọc VB đọc mở rộng theo thể loại ở nhà (*Một năm ở Tiểu học*). Sau đó, cho HS thực hiện các bài tập ôn về đọc, viết, nói và nghe, chủ điểm và đối chiếu với câu hỏi lớn.

Một số gợi ý cụ thể:

Bài tập 1: Việc nhận ra 3 trong số 4 VB mà câu hỏi nêu ra là hồi kí không khó, điều quan trọng là HS đưa ra được các dấu hiệu nhận biết hồi kí (như câu hỏi yêu cầu: Dựa vào đâu để em khẳng định như vậy?).

Bài tập 2: Việc chọn VB hồi kí yêu thích, giải thích lí do, tóm tắt nội dung là tùy thuộc vào sự lựa chọn của cá nhân HS. Tuy nhiên vì bài học chỉ có ba VB hồi kí (hai VB đọc chính và 1 VB đọc mở rộng). Mọi lựa chọn dù khác biệt thế nào cũng không thể vượt ra ngoài phạm vi ba VB này.

Bài tập 3: GV hướng dẫn HS dựa vào mục *Tri thức về kiểu bài* cùng những thu hoạch của bản thân về quy trình viết bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt để trả lời câu hỏi. Có thể dùng một bảng tổng hợp, hệ thống hoá các nội dung chính để HS dễ nhớ.

Bài tập 4 (ôn tập về *nói và nghe*): GV có thể hướng dẫn HS thực hiện như với bài tập 3 khi HS ôn tập về viết).

Bài tập 5: GV hướng dẫn HS thực hành nói hoặc viết thể hiện quan sát, cảm nhận của mình về một mùa trong năm. GV lưu ý HS tự kiểm xem mình đã sử dụng phép tu từ gì, có phù hợp không. Qua đó mà củng cố, ôn luyện về các phép tu từ (như ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, nhân hoá,...).

Bài tập 6: Đây là bài tập mở, giúp HS kết nối những gì đã thu nhận được từ bài học liên quan đến chủ điểm như một cách trả lời câu hỏi lớn.

GV nên nhắc HS nhớ lại câu hỏi lớn nêu ở đầu bài học và cho HS vài phút nhanh ra giấy một vài suy nghĩ của mình về ý nghĩa của những trải nghiệm liên quan đến thiên nhiên của bản thân. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp để chia sẻ. Hoạt động này giúp cả lớp hiểu bạn mình hơn.

HS có thể đưa ra nhận định mang tính trải nghiệm của mình. Chẳng hạn: Cần xem cỏ cây, loài vật như bầu bạn mới có thể trò chuyện được với chúng; Khi bạn biết cách quan sát loài vật, tưởng tượng sinh động và biết dùng phép nhân hoá khéo léo, đó là lúc bạn đang trò chuyện cùng thiên nhiên; Hãy dành tình yêu thương cho cỏ cây loài vật, nỗi buồn lo sẽ được xua đi và bạn sẽ không còn cảm thấy cô đơn; Việc trò chuyện cùng thiên nhiên là một cách trò chuyện với chính mình;...

GỢI Ý TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

1. Những điểm giống và khác nhau giữa truyện thuyết và truyện cổ tích:

- Điểm giống nhau: cả hai thể loại này đều là truyện kể dân gian.
- Điểm khác nhau: GV dựa trên đặc điểm của truyện thuyết (SGK) và truyện cổ tích (SGK), hướng dẫn HS tìm ra những điểm khác nhau dựa trên những tiêu chí như: nội dung, nhân vật, cốt truyện, yếu tố kì ảo.

2. Gợi ý sắp xếp các tiếng *trong*, *không*, *về* vào các chỗ trống trong câu ca dao:

*Cần Thơ gạo trắng nước **trong***

*Ai đi đến đò lòng **không** muốn **về**.*

(Ca dao)

3. GV hướng dẫn học sinh dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* (SGK) và kinh nghiệm đọc các văn bản truyện đồng thoại trong bài *Những trải nghiệm trong đời* để trả lời câu hỏi này. Gợi ý:

- Truyện đồng thoại là thể loại văn học dành cho thiếu nhi.
- Nhân vật trong truyện đồng thoại thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá. Vì thế, chúng vừa phản ánh đặc điểm sinh hoạt của loài vật hoặc đồ vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.
- Cốt truyện trong truyện đồng thoại thường là một chuỗi các sự việc có quan hệ nhân quả với nhau chặt chẽ, xoay quanh nhân vật chính (thường là loài vật hoặc đồ vật).
- Lời người kể chuyện thường là lời của tác giả (người kể chuyện ngôi thứ ba) hoặc lời của nhân vật (người kể chuyện ngôi thứ nhất). Đó là phần lời mà người kể chuyện dùng để kể về một sự kiện cụ thể và thể hiện những quan điểm, đánh giá, nhận xét và lời miêu tả của người kể chuyện đối với đối tượng mà mình đang kể (có thể là sự kiện, bối cảnh, nhân vật,...). Còn lời của nhân vật là lời nói trực tiếp của các *nhân vật* trong truyện, thường được thể hiện dưới hình thức lời đối thoại hoặc độc thoại. Về chính tả, lời của nhân vật thường được tách biệt với lời của người kể chuyện bằng cách đặt sau dấu hai chấm hoặc dấu gạch đầu dòng.

4. GV hướng dẫn HS dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* (SGK) và kinh nghiệm đọc các văn bản hồi kí trong bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên* để xác định đặc điểm của thể loại hồi kí được thể hiện qua các câu trả lời a, b, d. Do đó câu trả lời c không phải là đặc điểm của thể loại hồi kí.

5. Tóm tắt các bước quy trình viết:

Bước	Hoạt động	Ý nghĩa
Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết	Xác định đề tài Mục đích Người đọc Thu thập tư liệu	– Giúp người viết xác định được các thông tin cần thiết về nội dung sẽ viết, mục đích viết và người đọc tương lai để lưu ý tìm kiếm, sắp xếp ý và lựa chọn ngôn ngữ sao cho hợp lí, đạt hiệu quả giao tiếp. – Việc thu thập tư liệu giúp người viết chuẩn bị tư liệu cho nội dung viết.
Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý	– Dựa vào bước 1, tìm kiếm, liệt kê nhanh bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong đầu bằng cách viết tự do tất cả những từ, cụm từ liên quan đến đề tài bài viết mà không cần quan tâm đến ngữ pháp, chính tả. Việc tìm ý có thể được thực hiện theo hình thức cá nhân hoặc nhóm để huy động được càng nhiều ý tưởng càng tốt. Khi tìm ý, cần lưu ý đến đặc điểm của kiểu bài viết. – Lập dàn ý là sắp xếp các ý tưởng bằng một số cách như: thể hiện ý tưởng bằng sơ đồ mạng, sơ đồ chuỗi; tự kiểm tra lại dàn ý xem xem đã đáp ứng đề tài, mục đích viết, phù hợp với người đọc, thể hiện được đặc điểm kiểu bài,... hay chưa.	– Huy động, tìm kiếm ý tưởng cho bài viết. – Sắp xếp ý tưởng theo một trình tự hợp lí nhất để vừa đảm bảo được đặc điểm của kiểu bài, vừa thực hiện được mục đích viết.

Bước 3: Viết bài	Viết bài dựa trên những tiêu chí đánh giá bài viết (có thể là bảng kiểm) đã được cung cấp trước.	Triển khai các ý tưởng thành bài viết sao cho đáp ứng các yêu cầu về kiểu bài. Việc dùng các tiêu chí, bảng kiểm khi viết giúp người viết có khả năng tự định hướng, tự điều chỉnh trong quá trình viết.
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	Dựa vào những tiêu chí đánh giá bài viết (có thể là bảng kiểm) để đánh giá bài viết, từ đó chỉnh sửa bài viết của bản thân và các bạn cho hoàn thiện hơn.	Giúp người viết đánh giá lại bài viết của mình hoặc của bạn dựa trên các yêu cầu về kiểu bài. Từ đó có thể phát triển năng lực tự đánh giá, tự điều chỉnh bài viết của bản thân sao cho phù hợp hoặc biết phản biện bài viết của nhau khi nhận xét, đánh giá lẫn nhau.

6. Dựa vào yêu cầu đối với kiểu bài văn tả cảnh sinh hoạt (SGK) để hoàn thành sơ đồ, gợi ý cụ thể các yêu cầu như sau:

- Giới thiệu được cảnh sinh hoạt, thời gian và địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt.
- Tả lại cảnh sinh hoạt theo một trật tự hợp lí (từ xa đến gần, từ bao quát đến cụ thể,...).
- Thể hiện được hoạt động của con người trong thời gian, không gian cụ thể.
- Gợi tả được quang cảnh, không khí chung, những hình ảnh tiêu biểu, nổi bật của bức tranh sinh hoạt.
- Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động,...
- Nêu được suy nghĩ, cảm nhận của người viết về cảnh được miêu tả

7. Các đặc điểm ở dòng 1 và 2 thuộc đặc điểm hình thức, các đặc điểm ở những dòng còn lại vừa thuộc đặc điểm nội dung vừa thuộc đặc điểm hình thức.

8. Dựa trên yêu cầu của kiểu bài kể lại một truyện cổ tích (SGK) và yêu cầu của kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân (SGK) để xác định những điểm giống và khác nhau giữa hai kiểu bài này. GV có thể hướng dẫn HS điền vào sơ đồ hoặc điền vào bảng sau:

- Điểm giống nhau: đều là kiểu bài thuộc loại văn kể chuyện.
- Điểm khác nhau:

Kiểu bài kể lại một truyện cổ tích	Kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân
Nội dung: Người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình.	Nội dung: Người viết kể về diễn biến của sự việc mà mình đã trải qua và để lại nhiều ấn tượng, cảm xúc.
Người viết dùng ngôi thứ ba để kể.	Người viết dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm của bản thân.
- Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian. - Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.	- Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí. - Kết hợp kể và tả. - Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.
Bố cục: - Mở bài: giới thiệu truyện cổ tích sẽ kể lại (tên truyện, lí do chọn kể,...). - Thân bài: giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày những sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian. - Kết bài: nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.	Bố cục: - Mở bài: giới thiệu được trải nghiệm. - Thân bài: trình bày diễn biến của sự việc. - Kết bài: nêu được ý nghĩa của trải nghiệm đối với người viết.

9. Trước khi nói hay trình bày một vấn đề, việc trả lời những câu hỏi liên quan đến *người nghe, mục đích nói, nội dung nói, thời gian nói và không gian nói* giúp chúng ta có sự chuẩn bị tốt hơn cho bài nói/ trình bày của mình cũng như có sự lựa chọn ngôn ngữ sao cho phù hợp với các yếu tố đó.

10. Dựa vào nội dung *Tri thức tiếng Việt về Từ đơn và từ phức* ở bài học *Lắng nghe lịch sử nước mình* để hoàn thành sơ đồ.

11. Gợi ý bài tập như sau:

a. Các từ đơn có trong câu “Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngấn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê”: đã, rồi, cánh, mà, chỉ, đến, giữa, lưng, cởi, trần, hở, cả, như, người, mặc.

b. Các từ ghép có trong đoạn văn: “đé choắt”, “thuốc phiện”, “thanh niên”, “ngấn cùn”, “mạng sườn”, “áo gi-lê”, “râu ria”, “mặt mũi”.

Các từ láy có trong đoạn văn: “gầy gò”, “lêu nghêu”, “bè bè”, “nặng nề”, “ngẩn ngẩn ngơ ngơ”. Việc sử dụng từ láy trong đoạn văn giúp cho việc miêu tả trở nên gợi hình, sinh động, cụ thể hơn; đồng thời những từ láy ấy còn thể hiện thái độ mỉa mai, coi thường của người kể chuyện (Dế Mèn) đối với đối tượng được miêu tả (Dế Choắt).

c. Những trường hợp như “râu ria”, “mặt mũi” không phải là từ láy vì đó là những từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. Do đó “râu ria”, “mặt mũi” là những từ ghép.

12. Dựa vào nội dung *Tri thức tiếng Việt* của bài học *Những trải nghiệm trong đời*, GV hướng dẫn HS trả lời những câu hỏi liên quan đến việc mở rộng các thành phần chính của câu bằng cụm từ. Trên cơ sở ấy, GV hướng dẫn HS mở rộng các câu trong bài tập và yêu cầu HS chỉ rõ mở rộng các câu ấy bằng những cách nào.

13. Dựa vào nội dung *Tri thức tiếng Việt* của bài học *Vẻ đẹp quê hương*, GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi về những thao tác lựa chọn từ ngữ sao cho phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản khi nói (viết). Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống, cụ thể như sau: a. *nồng nhiệt*; b. *đồng ý*; c. *nhược điểm*; d. *tác*.

Sau khi HS lựa chọn, GV cần yêu cầu HS lí giải vì sao lại chọn từ ngữ ấy. HS sẽ dựa trên các thao tác lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản để lí giải. Ví dụ như đối với câu a, cả từ “nồng nhiệt” và “nhiệt tình” đều miêu tả sự hăng hái, sốt sắng hết mình đối với một hoạt động cụ thể. Tuy nhiên nghĩa từ “nồng nhiệt” bao quát hơn nghĩa của từ “nhiệt tình” khi diễn tả không chỉ sự nhiệt tình mà còn gợi được cả tình cảm nồng hậu, thiết tha của người thực hiện hoạt động. Do vậy, trong trường hợp của câu a, việc dùng từ nồng nhiệt sẽ hay hơn và miêu tả rõ hơn, cụ thể hơn sự cổ vũ vừa nhiệt tình, vừa nồng hậu, hết mình của người xem với những người tham gia hoạt động thổi cơm thi.

14. Dựa vào nội dung *Tri thức tiếng Việt* của bài học *Trò chuyện cùng thiên nhiên*, GV hướng dẫn HS xác định điểm giống và khác nhau giữa biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ. Gợi ý cụ thể như sau:

– Điểm giống nhau:

- + Đều là cách gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác.
- + Tác dụng: tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt.

– Điểm khác nhau:

+ Ẩn dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng.

+ Hoán dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó.

15. Xác định ẩn dụ và hoán dụ trong những ví dụ:

a. Hình ảnh ẩn dụ “mặt trời của mẹ” trong câu thơ “Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng” được dùng để chỉ những em bé lớn trên lưng mẹ.

b. Hình ảnh ẩn dụ: “lửa lựu” trong câu thơ “Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông” được dùng để miêu tả những bông hoa lựu đỏ xen lẫn giữa màu xanh của các tán lá, trông giống như những đốm lửa lập loè.

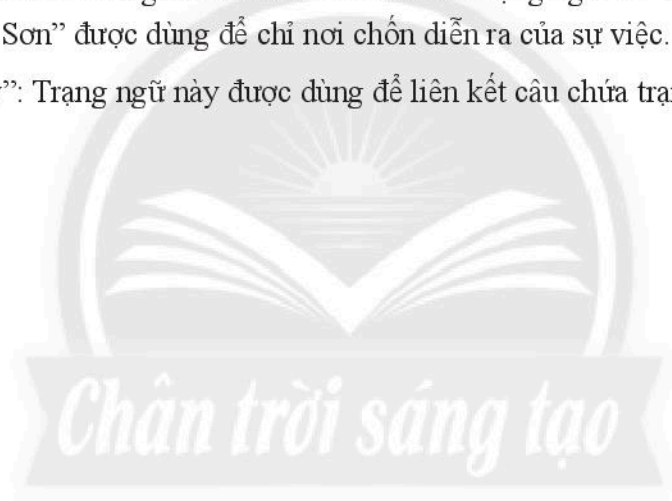
c. Hình ảnh hoán dụ “đôi dép cũ” trong câu thơ “Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn” được dùng để tượng trưng cho hình ảnh Bác.

16. Xác định trạng ngữ và chức năng của chúng trong đoạn văn:

+ “Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam”: trạng ngữ này được dùng để chỉ thời gian của sự việc được nhắc đến trong câu.

+ “Bây giờ, ở vùng Lam Sơn”: trạng ngữ “bây giờ” được dùng để chỉ thời gian diễn ra sự việc được nhắc đến trong câu và liên kết câu chứa trạng ngữ với câu trước đó; trạng ngữ “ở vùng Lam Sơn” được dùng để chỉ nơi chốn diễn ra của sự việc.

+ “Thấy vậy”: Trạng ngữ này được dùng để liên kết câu chứa trạng ngữ với những câu trước đó.





HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 6 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. NGỮ VĂN 6, TẬP MỘT
Sách giáo viên
2. NGỮ VĂN 6, TẬP HAI
Sách giáo viên
3. TOÁN 6
Sách giáo viên
4. TIẾNG ANH 6
Friends Plus - Teacher's Guide
5. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6
Sách giáo viên
6. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6
Sách giáo viên
7. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6
Sách giáo viên
8. CÔNG NGHỆ 6
Sách giáo viên
9. TIN HỌC 6
Sách giáo viên
10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6
Sách giáo viên
11. ÂM NHẠC 6
Sách giáo viên
12. MĨ THUẬT 6
Sách giáo viên
13. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 6
Sách giáo viên

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khóa.



ISBN 978-604-0-25614-0



9 786040 256140

Giá: 33.000 đ